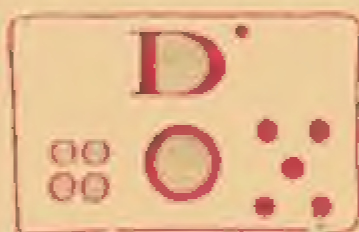
Nước Nhật trước tòa án dư luận châu • Những hiện tượng huyền bí trong tập tục Chàm • Cụ Phan văn Trường và tập hồi ký • Đi thăm nhà thờ cụ Huỳnh • TỪ MINH—DOHAMIDE — NGUYỄN VĂN TRUNG — NGUYỄN HIẾN LÊ — TRẦN VĂN TÍCH — LONG ĐIỀN — XUÂN TÙNG — MINH ĐỨC HOÀI TRINH — MINH QUÂN — ĐÔNG TRÌNH — THI VŨ — VŨ MINH THIỀU — THU THỦY



BACH KHOA

GIAI PHẨM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM *Tiền bạc :* NGHIÊM NGỌC HUÂN, NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG	**1.800đ.**
MỘT NĂM	**3.500đ.**

* **Cao Nguyên và Miền Trung** thêm cước phí máy bay một năm : 450

* **Ngoại quốc đường thủy :** thêm cước phí một năm : 720đ

* **Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :**

Gửi đi Kampuchia : 55đ.
— Ai-lao : 55đ.
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 105đ.
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 155đ.
— Âu-châu, Bắc Phi Trung Đông, Đại-dương-châu Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 305đ
— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 380đ

* **Chi phiếu, bưu phiếu,** xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mầu	:	*mỗi kỳ* :	**8000đ**
1/2 trang giấy mầu	:	*mỗi kỳ* :	**4000đ**

oOo

1 trang trong	:	*mỗi kỳ* :	**6000đ**
1/2 trang trong	:	*mỗi kỳ* :	**3000đ**
1/4 trang trong	:	*mỗi kỳ* :	**1500đ**

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

D' :

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 150$ Công sở : 300$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25$ mỗi số

Sách nhận được trước 25-2-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quí vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quí bạn đọc :

— **Văn học thế giới hiện đại**, *nguyên tác « Les littératures contemporaines à travers le monde » của R.M. Albérès, Roger Bastide v.v..., bản dịch của Bửu Ý, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 540 trang, trình bày văn học hiện đại (khoảng 15 năm) của trên 20 quốc gia và các nước Bắc Âu, Đông Âu, Châu Mỹ la-tinh, Khối Ả rập. Phụ lục có 32 trang với trên 80 bức hình của các nhà văn trên thế giới in offset rất đẹp. Giá 1300đ.*

— **Giải thoát tri kiến**, *nguyên tác Anh văn « Freedom From The Know » của Krisnamurti, bản dịch Việt văn của Nguyễn Minh Tâm và Đào Hữu Nghĩa, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang in lần thứ 2 (Lần đầu mang tựa : « Giải trừ kiến thức ») gồm 16 chương. Giá 500đ.*

— **Hoàng tử bé** *nguyên tác « Le Petit Prince » của St. Exupéry, bản dịch của Bùi Giáng, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách tái bản lần thứ 1, in trên toàn giấy bristol với nhiều hình của tác giả vẽ. Giá 900đ.*

— **Băng não, Viện Kỹ thuật vùng** *của Thu Vân Lê thị Anh, do Viện Đại-học Hòa Hảo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang, trình bày hiện tượng du học và không chịu về nước của một số du học sinh Việt, và đề nghị thiết lập một Viện Kỹ thuật quốc tế tại V.N. Giá 300đ*

— **Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu** *Một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du Miền Nam, biên khảo của Nguyễn văn Hầu, do Hương Sen xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách được « Giải thưởng Văn chương toàn quốc 1966 », dày 220 trang, Nguyễn Hiến Lê đề tựa, in lần thứ 2, gồm 2 phần chánh : Tiểu sử và Thi ca Nguyễn Quang Diêu. Giá 420đ.*

— **Mùa thu trong sân trường**, *tập truyện của Mặc Thúy, do Thiên Bút xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 4 của tác giả dày 136 trang gồm 6 truyện ngắn. Giá 300đ.*

— **Chim Phụng Thái-lan** *truyện thiếu nhi của Xuân Quang, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang, thuộc loại « Hoa đỏ ». Giá 160đ.*

— **Ông Đồ làng Nhị-Khê**, *truyện thiếu nhi của Chân Phương do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, thuộc loại « Hoa đỏ ». Giá 160đ.*

— **Mở mang năng khiếu** *Một bộ gồm 10 cuốn, sách dành cho trẻ em mở mang năng khiếu của Bùi văn Bảo, do soạn giả ấn hành và gửi tặng. Mỗi cuốn dày 28 trang, trang nào cũng toàn hình vẽ, đặc biệt dùng cho các em học các lớp Mẫu giáo, Vườn trẻ, mỗi ngày dùng 1 trang và 1 tháng hết 1 cuốn, và hết 10 cuốn là đủ trình độ vào lớp 1 các trường Tiểu học. Các hình vẽ do những họa sĩ chuyên vẽ cho trẻ em thực hiện, đều vui tươi ngộ nghĩnh nhằm thử trí thông minh, luyện óc quan sát, gợi tính tò mò, trắc nghiệm, tài tháo vát của trẻ thơ khiến chúng như vừa học vừa chơi không bao giờ thấy chán. Mỗi cuốn giá 150đ.*

● TỪ-MINH

Nhật bản
trước tòa án dư luận Á-châu

Cuộc công du 5 nước Á Châu của Thủ Tướng Nhật Tanaka vào đầu tháng 1-1974 vừa qua đã là một thử thách lớn lao cho chính phủ Nhật. Nhờ dịp này mà Nhật được biết cảm nghĩ của những người Á Châu đối với họ. Năm 1945, sau khi bị bại trận, lãnh thổ quốc gia bị chiếm đóng, xã hội bị lung lay, kinh tế bị tàn phá, người Nhật chỉ còn biết cách là vận dụng mọi khả năng để tái thiết một nước Nhật điêu tàn. Những nỗ lực kiên trì, sức cần lao liên tục, đã cho phép người Nhật phục hồi lại địa vị quốc tế đã mất và tái lập một quốc gia trù phú. Với những kết quả này người Nhật không còn thu mình trong cuộc sống quốc nội nữa mà lại bắt đầu có cái nhìn xa rộng hơn trên trường quốc tế. Với mức thịnh vượng hiện thời, Nhật không thể chỉ sống riêng cho chính mình mà còn tìm cách mở rộng ảnh hưởng trên thế giới.

Nhưng lúc mà Nhật chú trọng tới đời sống ở bên ngoài thì cũng là lúc mà ở bên ngoài người ta phán xét Nhật một cách nghiêm khắc. Người phán xét Nhật một cách khắt khe nhất có lẽ là người Á Châu. Người dân của lục-địa này đã từng đau khổ vì chính sách xâm lăng võ trang của Nhật trong quá khứ nên luôn luôn sẵn sàng có một định kiến với người Nhật, dù người Nhật giờ đây không còn chủ trương chính sách Đại-Đông-Á mà cũng chẳng hề nghĩ tới chuyện xâm lăng võ trang. Tuy hiện giờ Nhật luôn luôn có một chính sách hòa hoãn nhưng với sẵn mặc cảm cũ người dân Á Châu vẫn luôn luôn cho rằng Nhật chỉ là một nước làm giầu trên xương máu kẻ khác. Người ta cho rằng Nhật chỉ lợi dụng các nước bạn Á Châu để thủ lợi và Nhật phồn thịnh nhờ vào sự khai thác tài nguyên của các nước khác. Những luận điệu này có phần đúng mà cũng có phần sai. Nhưng khi ông Tanaka bị dân chúng biểu tình phản đối tại Bangkok cũng như tại Djarkarta, người Nhật đã bắt đầu ý thức được rằng họ không được các «người bạn» Á Châu ưa thích. Vì vậy mà giờ đây chính phủ Nhật tìm cách đưa ra một hình ảnh mới về nước Nhật, một hình ảnh mà họ hy vọng là «dễ thương» hơn. Nhưng đó chỉ mới là một thiện chí, họ có thành công hay không lại là một chuyện khác.

I. TỪ ĐẾ QUỐC BẠI TRẬN TỚI ĐẾ QUỐC KINH TẾ

Tháng 8-1945 khi Thiên-Hoàng Nhật, bằng một giọng đẫm nước mắt, ra lệnh cho quân đội hạ khí giới đầu hàng quân đội đồng minh thì cả

thế giới đến nhìn vào người dân Nhật với con mắt đầy thiện cảm. Đời là vậy, kẻ thắng thế tuy đáng ghét nhưng lúc ngã ngựa yếu thế vẫn gợi được lòng thương. Tuy đã từng là nạn nhân của những cuộc chiếm đóng võ trang Nhật, một phần lớn người dân Á châu đều mủi lòng trước hình ảnh của một ông vua Nhật tay cầm dù đến yết kiến Tướng Mac Arthur để cầu hòa.

Các nỗ lực tái thiết của Nhật cũng được dân chúng Á Châu thán phục. Không ai là không ngợi khen đức hy sinh của người dân Nhật, chấp nhận làm việc nhiều, hưởng lương ít, chịu đựng một cuộc sống khắc khổ miễn là phục hồi được xứ sở.

Để phục hồi đất nước một cách mau lẹ và đồng thời đuổi kịp các quốc-gia tiền-tiến, Nhật-bản đã bỏ hẳn nếp sống cổ truyền và áp dụng những phương pháp sản xuất tân tiến nhất và khoa học nhất. Người đàn bà đã vui vẻ cởi bỏ áo kimono cánh bướm để có những hoạt động kinh-tế mạnh mẽ không kém phái nam. Ngay cả đến những cô kỹ-nữ Geisha cũng đã canh tân nghề nghiệp bằng cách học tiếng Anh và theo những lớp huấn luyện đặc biệt để có kiến thức tổng quát, tân tiến, hầu lôi cuốn được du khách ngoại quốc.

Chỉ trong vòng khoảng 10 năm trời, hàng Nhật đã bắt đầu tràn ngập trên thế-giới và cạnh tranh với các hàng của những nước kỹ nghệ cường thịnh nhất. Đâu đâu người ta cũng thấy máy ảnh, máy giặt, tủ lạnh, xe hơi Nhật. Tại các quốc gia Á Châu về đêm người ta thấy ánh đèn néon đủ mầu lấp lánh trên các cao ốc để quảng cáo cho các nhãn hiệu Honda, Mitsuibishi, Toyota.

Ngay tại Nhật, cảnh vật cũng hoàn toàn thay đổi. Những căn nhà nhỏ cất bằng vật liệu nhẹ với những bức bình phong duyên dáng, những mảnh vườn xinh xắn mà người Nhật săn sóc lau chùi từng hòn sỏi, từng mảng rêu xanh, như được tả trong các cuốn tiểu thuyết của Pearl Buck đã nhường chỗ cho những đô thị vĩ đại với những cao ốc chọc trời. Một vài tác giả, khi viếng thăm Nhật, đã có nhận xét rằng đồng quê Nhật đã biến đổi hẳn và cả nước Nhật là một đô thị mênh mang. Trong nỗ lực đẩy mạnh kế hoạch phát triển thị tứ, các nhà thiết-kế-đô-thị (urbanistes) đã tính cả tới chuyện phá Hoàng cung Nhật ở Đông-Kinh để mở một đại lộ và một khu thương-mại.

Nhưng nền kinh-tế Nhật là một nền kinh-tế mỏng manh. Ngoài than đá ở vùng Fukuoka, Nhật không có tài nguyên thiên nhiên nào khác. Vì vậy mà nền kinh tế này hoàn toàn lệ thuộc vào ngoại quốc. Vì nước Nhật là một đô thị rộng mênh mang nên nền canh nông của Nhật đã bị hy sinh. Nhật phải nhập cảng nông phẩm từ ngoài vào để nuôi dân chúng. Vì Nhật thiếu nguyên liệu, nên kỹ nghệ Nhật cũng lệ thuộc vào nguyên liệu của ngoại quốc. Kỹ nghệ của Nhật chỉ là những hoạt động biến chế các nguyên liệu

bên ngoài vào rồi lại bán sản phẩm chế tạo ra bên ngoài để kiếm lợi tức. Như vậy một lần nữa, kinh tế Nhật lại phải lệ thuộc vào tiêu trường ở bên ngoài.

Chính sách xâm lăng võ trang để bảo đảm nguyên liệu, tiêu trường và thực phẩm của giai đoạn 1930 - 1945 đã thất bại Nhật, sau khi bại trận, chỉ còn biết trông vào chính sách ngoại thương. Trong giai đoạn phục hồi và tái thiết, người ta thấy những người Nhật được gửi ra bên ngoài đều là những doanh nhân nhã nhặn, khiêm tốn và lễ-độ nên đi đâu cũng được cảm tình. Tại Hội-nghị San Francisco năm 1951, được triệu tập để ký kết hòa-ước với Nhật, phái đoàn Nhật đã hết sức ngoan ngoãn ngồi nghe những yêu sách của các nước Á Châu, cũng như các phe đồng-minh chống Nhật. Người đòi Nhật bồi thường, kẻ đòi Nhật nhường đất, Nhật đã chấp nhận tất cả.

Bước sang thập niên 1960 song song với đà phát triển mau lẹ, Nhật đã có phương tiện để tung viện trợ ra ngoài nhất là tại các quốc gia Á Châu. Tuy chính sách viện trợ của Nhật cũng như chính sách ngoại-thương của Nhật vẫn không ngoài mục đích bảo đảm nguồn nguyên-liệu cũng như tiêu trường cho sản phẩm Nhật, nhưng thái độ của người Nhật đã thay đổi. Tại ngoại quốc người Nhật tỏ ra tự tin hơn và kiêu ngạo hơn. Một số lớn quên rằng nước họ viện trợ cho các nước chậm tiến Á Châu để cho kỹ-nghệ Nhật có đủ nguồn nguyên liệu và tiêu trường nên họ dần dần có khuynh hướng coi các hoạt động viện trợ như là những hành động từ thiện. Các nước Á Châu cũng dần dần đi tới thái độ chống đối cái mà họ gọi là «đế quốc kinh tế Nhật».

II. TỪ ĐẾ QUỐC KINH TẾ TỚI ĐỊA VỊ ĐÀN ANH

Kinh tế Nhật đã phát triển tới một mức độ tắc nghẹt (congestion). Nhờ có kỹ thuật tân tiến, sản phẩm Nhật được chế tạo bán ra không hết. Nhật phải tung tiền ra các nước ngoài để các nước này có phương tiện mua hàng Nhật hầu tránh cho kinh tế Nhật khỏi nạn sản xuất quá mức (surproduction). Nhưng những số tiền mà Nhật tung ra ngoài dưới hình thức tặng dữ hay cho vay nhẹ lời đã tạo ra một sợi dây ràng buộc các quốc gia thụ-hưởng viện trợ. Và nhờ đó mà Nhật chi phối một phần nào các quốc gia này. Như vậy dầu muốn dầu không thì Nhật đã đóng một vai trò chính trị quan trọng tại Á-Châu nói riêng và trên thế-giới nói chung.

Với chủ thuyết Nixon ra đời từ năm 1969, ảnh hưởng của Nhật lại gia tăng thêm. Trong khi Mỹ rút dần khỏi chính trường Á Châu, để lại một khoảng trống chính trị tại vùng này, thì mọi quốc gia tự do Á châu đều hướng về Nhật, hy vọng rằng Nhật nhận lãnh một phần nào trách nhiệm trong công cuộc bảo vệ hòa-bình trước các âm mưu bành trướng của Nga sô và của Trung Cộng.

Vì vậy mà các quốc gia Á châu đã vô tình trao cho Nhật địa vị đàn anh.

Nhưng Nhật, cho tới ngày nay, vẫn chưa chịu đảm nhận trách nhiệm của một nước đàn anh ở Á Châu vì trách nhiệm này đòi hỏi Nhật phải có một quân đội hùng mạnh. Sau những cuộc phiêu lưu quân sự trước và trong cuộc Đệ-nhị thế-chiến, giờ đây người Nhật rất sợ hành động quân sự nên các chính phủ Nhật kế tiếp vẫn cố gắng tránh né việc tái võ trang. Dù chính phủ muốn tái võ trang thì các đảng tả phái cũng không chấp thuận. Đảng Xã-hội và đảng Cộng-sản Nhật hiện đang có một lực lượng khá mạnh trong nước chắc chắn sẽ tạo ra được những trở ngại khó vượt qua cho các nỗ lực tái võ trang.

Là một nước đàn anh, lại không chịu trách nhiệm bảo đảm trật tự tại Á châu mà chỉ nhận vai trò lãnh đạo trong lãnh vực kinh tế, thái độ này của Nhật đã bắt đầu bị các quốc gia Á Châu phán xét gắt gao.

Khi Hoa-Kỳ bắt đầu xích lại về phía Trung-Cộng, Nhật đã vội vàng chạy theo chiều hướng này. Không những Nhật đi theo chiều hướng mới mà Nhật lại còn đi nhanh hơn cả Mỹ trong việc hợp tác với Trung Cộng. Nhật đã không ngần ngại bỏ rơi Đài Loan để thiết lập bang giao và trao đổi Đại-sứ với Trung-Cộng.

Tuy Nhật bắt tay với Trung-Cộng chỉ vì Đông-Kinh muốn nhắm thị trường Hoa-lục bao la chứ chưa hẳn là muốn lập một trục Bắc Kinh - Đông-Kinh để thống trị Á châu, nhưng các quốc gia của lục-địa này đã tỏ ra hết sức e ngại. Họ lại còn lo ngại hơn nữa khi thấy rằng các hoạt động viện trợ của Nhật cho các quốc gia khác hay là các thỏa ước thương mại mà Nhật ký với các quốc gia khác chỉ nhằm mục đích bảo đảm việc cung cấp cho kỹ nghệ Nhật những nguồn nguyên liệu cần thiết. Vì cần nguyên liệu, Nhật càng tung tiền ra để đầu tư tại các quốc gia láng giềng và Nhật càng tung tiền ra đầu tư thì Nhật lại càng chi phối thêm nền kinh tế của các nước này. Qua các hoạt động đầu tư quốc ngoại này, Nhật đã yên trí là sẽ có được dầu lửa của In-đo-nê-xia, than của Ấn-độ và quặng sắt của Úc v.v... Sản phẩm Nhật tung ra trên các thị trường Á Châu đã « hủ hóa » dân Á Châu khiến người Á Châu càng ngày càng «trưởng-giả-hóa» và do đó thêm lệ thuộc vào kỹ nghệ Nhật.

Với địa vị đàn anh kinh tế, với địa vị của một anh nhà giầu, nhiều kiều dân Nhật ở ngoại quốc lại có một cuộc đời sung túc giữa những xã hội thiếu thốn. Một hố sâu được đào ra giữa những người Nhật và dân bản xứ. Hố sâu này càng rộng thêm khi một số người Nhật không chịu hòa mình với dân chúng nơi họ trú ngụ. Họ có những câu-lạc-bộ riêng, có sân quần vợt riêng, có sân golf riêng v.v... Một số người Nhật khác thì lại có thái độ kiêu căng. Thái độ kiêu căng này là thái độ thường tình của những người

(*xem tiếp trang 79*)

□ DOHAMIDE

Những hiện tượng huyền bí trong tập tục Chàm



L.T.S. *Ô. Dohamide, tác giả bài sau đây, là một cây bút quen thuộc với độc giả Bách Khoa từ trên mười năm nay và cũng là tác giả cuốn* Dân tộc Chàm lược sử *mà ông viết chung với người em ruột là ông Dorohiem, xuất bản cuối năm 1965. Ô. Dohamide là một nhà trí thức Chàm, sanh năm 1934 tại xã Katambong, nay là xã Khánh Hòa, tỉnh Châu Đốc, đã tốt nghiệp ở Học viện Quốc gia Hành chánh, sau đó du học ở Hoa kỳ 2 năm, đậu bằng M.A. ngành Chánh trị học đối chiếu tại Đại học đường Kansas... Ông hiện là một công chức cao cấp trong một cơ quan chính quyền và cũng là hội viên Hội đồng Sắc tộc cùng hội viên Trung tâm Văn bút V.N.*

Năm 1962 ông đã viết cho Bách Khoa một loạt bài trên 10 số báo liên tiếp về phong tục và xã hội người Chàm, đặc biệt là người Chàm Hồi giáo ở Châu đốc. Những bài này sau đó được sắp xếp lại để dự tính in thành cuốn « Phong tục Chàm *». Trong cuốn sách này có một phần nói về những hiện tượng huyền bí trong cộng đồng người Chàm hiện nay mà chúng tôi xin phép tác giả trích đăng sau đây để giới thiệu với độc giả Bách Khoa một khía cạnh đặc biệt trong tập tục cổ truyền của sắc tộc Chàm.*

Huyền thoại bùa phép

Trong thời đại Khoa học tiến bộ đến mức có thể đưa người lên cung trăng thì bùa phép được xem là sản phẩm xã hội thuộc một giai đoạn đã lùi về quá khứ.

Nhưng trên thực tế, bùa phép cho đến ngày nay hãy còn tồn tại, một số người vẫn hãy còn tin tưởng vào bùa phép.

Riêng bùa ngải của người Chàm dư luận thường được phản ảnh nhiều giai thoại.

Theo những giai thoại nầy, một số chủ quán nhậu đã đua nhau đi chuộc ngải câu khách, và đặc biệt trong số những cây ngải mà mọi người Chàm đều nhận ra, gọi là *phan padal*, có lần tôi được cho xem tại Saigon một cây «ngải» được chủ nhân hết sức hãnh diện, quý trọng, vì cành lá đôi khi có chuyển động, (nhưng nhìn kỹ thì thật ra đây chỉ là một thứ cây mắc cỡ !)

Ngải giả lẫn lộn với ngải thiệt, nhưng sự giả thiệt ấy chỉ liên hệ đến một số người hữu sự, thường

bị dồn vào một tình trạng vô vọng trông chờ ở một cái gì mầu nhiệm ngoài khả năng của con người.

Hiện hằng ngày vẫn có một đôi người từ phương xa mon men đến các thôn ấp Chàm gần tận biên giới Miên Việt tìm ông thầy để hoặc xin một lá bùa cho đứa con trai đi lính hộ thân, hoặc nhờ làm phép trục giùm đứa con gái đã mang khăn gói theo người yêu trốn đâu mất rồi...

Mặt khác chiến tranh mấy năm qua đã tạo hoàn cảnh thuận tiện cho một vài ông thầy ngải tạm rời thôn ấp tập tục cổ truyền lên lập nghiệp tại Saigon và kết nạp môn đệ ở đây, ngoài số mệnh phụ phu nhân xin trợ giúp giữ chồng, còn có cả một số anh lính Mỹ đã biểu lộ một sự trung thành cao độ của người đệ tử.

Bùa ngải Chàm, từ nguyên khởi, chỉ là một hiện tượng xã hội mang những nét đặc thù của một chủng tộc do hoàn cảnh lịch sử phải sống thu mình khép kín trong phạm vi thôn ấp, nay tạo thành một thứ huyền thoại lan rộng ra bên ngoài khiến sự thần bí càng tăng thêm cường độ.

Ở đây xin chỉ nói tới bùa ngải Chàm trong phạm vi tập tục người Chàm mà thôi.

Nuôi và vận dụng ma

Theo Hồi giáo, người Chàm Hồi giáo bài bác mọi sự mê tín dị đoan, việc thờ cúng các bụt, tượng v.v..., nhưng tin có một thế giới vô hình, sự hiện hữu của *Ibliss* (ma) và *Jin* (quỷ) có thể được chế ngự do một số bùa ngải được luyện nên.

Người Chàm Châu-đốc còn cho là ma quỷ có thể gây bịnh hoạn cho một số người thiếu lòng tin, yếu bóng vía.

Do đó, một số gia đình có bề thế trong thôn ấp đều có lệ «nuôi» một con ma để sử dụng cho gia đình.

Một số người có học bùa phép, nhân những buổi thiêu người chết nhứt là người Miên, thường lén đánh cắp một lóng xương ngón tay đem về cất giữ trong nhà đặt cho một cái tên và từ đó, mỗi ngày rải muối gạo vào buổi chiều, sau khi đọc một vài câu thần chú, gọi là «nuôi» ma.

Chính những con ma gia đình nầy có nhiệm vụ đưa đường cho các cô thôn nữ xuống sông tắm rửa vào lúc chạng vạng (theo tập tục, các cô gái Chàm Châu-đốc đến tuổi cập kê đều bị cấm cung). Nhứt là trong những đêm tối trời, trước khi bước xuống thang, người ta thường lên tiếng gọi con ma trong nhà thì liền đó, tùy theo gia đình, hoặc là hiện ra một luồng gió, một loạt nhiều chiếc lu lăn, hoặc xa xa theo hướng mình muốn đi một bóng đèn v.v...

Nhiều ông chơi cắc cớ, dùng con con ma nhà nầy để phá nhau, đặc biệt khi nhà láng giềng có khách, có khi khiến khách hễ vừa chợp mắt là liền bị khều, móc, không tài nào ngủ yên được. Việc đùa cợt như vậy, nếu bị khám phá, gây nên xích mích, có khi làm ồn cả một góc xóm.

Người ta tin những con ma các nhà nầy cũng có cuộc sống riêng, cũng cần được cho «ăn», nên khi chúng bị gia chủ bỏ quên, thì đâm ra phá, có khi

ngay trong nhà. Việc phá phách nầy bao gồm việc gây sợ sệt cho người trong nhà việc làm cho trẻ em đau ốm v.v... và sẽ chấm dứt khi gia đình bày ra cúng kiếng.

Tập tục Hồi Giáo không cho phép lập bàn thờ như người Việt, nên việc cúng kiếng thường chỉ có nghĩa là bày ra một vài thức ăn thông thường và có khi đặc biệt thì có dĩa xôi nghệ rồi mời một vị *guru* đến cầu nguyện (kăm roi).

Việc cúng kiếng đôi khi diễn ra có tánh cách quy mô hơn nhắm vào chính cá nhân người bịnh, tục lệ gọi là *taloh* theo đó người bịnh ngồi duỗi 2 chân ra đằng trước, 2 ngón chân cái được nối liền với một chiếc bè bằng một sợi chỉ. Chiếc bè làm bằng sây chuối, khi thì hình chiếc tàu buồm, khi thì hình tam giác trong chứa những chiếc bánh cúng ngũ sắc.

Ông *guru* cầm một con dao làm phép trong tô nước, rồi cầm một nắm bột lăn tròn dài theo tay chân, rồi xối nước lên mình người bịnh. Người xung quanh thường chú ý đến ngón chân cái của bịnh nhân, nếu thấy nó bỗng nhiên quặp xuống hoặc run lên thì người ta cho đó là dấu hiệu con ma chịu xuất đi lần lên bè để được tống đi. Bè chuối, sau đó, được thả trôi theo giòng sông.

Trong khung cảnh sống lởn vởn bóng ma như trên, hầu hết người Chàm Châu-đốc, ít ra hồi còn trong tuổi niên thiếu, đều được cha mẹ truyền dạy dặn dò một số phương thức tối thiểu chống lại sự hãm hại của tà ma.

Trước hết, là việc học thuộc lòng *ayat kur-xi* một đoạn của Thánh kinh *Qur'an* mà người ta tin là khi đọc lên sẽ có tác dụng tránh được mọi hiểm nguy và tà ma xa lánh. Bọn trẻ con rắn mắt thường cùng nhau đến các đám lên đồng, thầy pháp người Việt, rồi liên tiếp đọc và thổi, để các bà đồng và thầy pháp nầy cứ phải ngáp mãi mà chẳng thần linh nào nhập xác được.

Thứ đến là việc nếu đi đường thình lình bị ma quỷ nhát, như hiện hình le lưỡi, hoặc có những hình thù nào ghê rợn khác thì không được chạy, và thông thường nhứt là đang đi mà thấy cây cối hoặc cây tre trước mặt bỗng như gập đôi lại, ngọn chấm đất thì chẳng bao giờ được bước qua. Gặp những trường hợp như vậy thì phải lấy ngón chân cái ghi mạnh xuốngđất và bình tĩnh đọc *ayat kur-xi* kể trên.

Người ta tin là gặp việc như vậy mà bỏ chạy hay bước qua thì về nhà sẽ bị đau ốm liên miên.

Bùa phép thường được người ta nhắc nhở nhiều nhứt là nhân những đám cưới.

Theo tập tục trong lễ đưa rể (tương ứng với lễ rước dâu của người Việt), chàng rể khi bước lên thang nhà đàng gái phải luôn luôn cẩn thận không dẫm chân lên hai nấc thang đầu, bởi lẽ chính nhân ngày nầy những người mới học bùa phép sẽ mang sở học của mình ra để xem có ứng nghiệm hay không. Nếu chàng

rể vô tình dẫm chân lên 2 nấc thang đầu thì sẽ bị sụm đầu gối ngay khi đó.

Đây cũng là một dịp ngầm thử tài giữa các thầy bùa.

Có trường hợp đám người đưa rể vừa đến chân thang nhà gái thì ùa chạy tán loạn vì những người đi đầu bỗng nhận thấy vô số con rết bò dưới chân!

Đối với đàng gái cũng vậy, khi chàng rể được hướng dẫn vào ngồi bên cạnh và rút cây trâm trên đầu cô dâu, một bà có trách vụ chăm sóc trang điểm cho cô dâu gọi là *muk nôk* cũng túc trực sẵn sàng hỗ trợ cô dâu bằng một số bùa phép cẩn thận. Cũng nhân dịp này, nếu không phòng bị, chàng rể sẽ bị làm cho mất bình tĩnh và có khi giở chân mãi mà không làm sao bước lên được để ngồi cạnh cô dâu!

Bùa phép không những chỉ được sử dụng trong những trường hợp phá phách đùa cợt trào lộng như trên mà thôi. Người ta còn đi xa hơn nữa khiến đêm động phòng xảy ra như trò chơi cút bắt, hễ vợ ở trong mùng thì chồng ở ngoài và khi chồng vô mùng thì vợ chạy ra.

Có trường hợp, sau lễ «buộc mùng» (có một số người già cả đông con đến, mỗi người một tay giăng mùng cho cô dâu chú rể đêm động phòng) cứ mỗi lần giở mùng là cô dâu chú rể trông thấy cọp phải lùi lại.

Có trường hợp khiến vợ chồng hễ xa thì nhớ nhưng lúc gặp nhau là luôn luôn cãi vã.

Người ta tin tất cả những sự việc trên là do bùa phép gọi là *al ngăk* dưới nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như có 2 hình nặn bằng sáp với một số bùa ngải được chôn nằm xây lưng lại nhau. Đây là lý do tại sao khi có đám cưới, người nhà luôn luôn canh chừng cẩn mật và ở dưới sàn, ngay ở phòng cô dâu, luôn luôn có thắp một ngọn đèn.

Việc giải bùa tốn nhiều công của cúng kiến.

Nguy hiểm hơn, tôi có được nghe kể những vụ dùng *al ngăk* để hãm hại khiến bụng lớn, chứa miểng chai, đinh v.v... nhưng chưa được thấy trên thực tế; người Chàm tin là có thật và là một điều đáng ngại cho mọi người.

Chính với ám ảnh bị hại mà phần lớn người Chàm đều mang trong mình những miếng bùa hộ thân gọi là *ra-jah*, trong số đó đặc biệt có loại *ra-jah ka-băl* tin là mang vào người chém không đứt hoặc sẽ gia tăng sức mạnh khi hữu sự.

Kỹ thuật vận dụng ma được thể hiện mạnh nhứt trong *ilmu tilêk*.

Những người bị mất cắp vật dụng, tiền bạc, con cái bỏ nhà trốn đi... thường tìm đến những ông thầy biết *ilmu tilêk*, tức cái phép nhận diện thủ phạm các vụ đánh cắp, hoặc tìm ra những người đang lẩn trốn cùng mô tả địa điểm...

Hoặc gia chủ hữu sự, mời ông thầy đến tại nhà mình, hoặc đem lễ vật đến

(*Xem tiếp trang 83*)

• NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Học không cần trường?

Đi một ngày đàng
học một sàng khôn.

Kinh nghiệm cho thấy những kiến thức mà ta có được, những kiến thức thực sự cần thiết cho việc làm, nghề nghiệp của ta, thường không phải học được ở trường mà do học ở ngay trường đời, nhất là những kiến thức thuộc về tiếp nhân xử thế. Trong một hoàn cảnh giáo dục mà nhà trường lại chỉ học chữ, vụ hình thức, hoặc chỉ nhằm đào tạo những tay sai như hoàn cảnh giáo dục thời thực dân vẫn còn tồn tại hiện nay, ngay cả những kiến thức nghề nghiệp chuyên môn cũng không học được ở trường, hoặc có học cũng chẳng sài được. Người ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy hầu hết những người lãnh đạo ở Việt-Nam đều không thuộc thành phần khoa bảng. Có những người chỉ huy đánh giặc rất cừ, đi làm ngoại giao rất giỏi, làm cho thế giới khâm phục, nhưng họ không xuất thân từ một trường chuyên môn nào về binh nghiệp hay ngoại giao. Có thể họ đã bỏ học rất sớm, nhưng trường đời, cuộc sống tranh đấu, nhà tù là nhà trường của họ, không những dạy họ về chuyên môn đánh giặc, làm ngoại giao, mà nhất là dạy họ làm người, thành người. Bây giờ vẫn có một số nhỏ thanh thiếu niên bỏ trường, ra đi. Có thể họ sẽ không bao giờ lấy được những văn bằng đại học đảm bảo cho họ một chút địa vị, quyền lợi, nhưng cuộc sống dấn thân, nhà tù chắc chắn sẽ đào tạo họ nên người, trở thành những người lãnh đạo sau này.

Do đó theo tác giả, thật là nhầm nếu coi nhà trường là nguồn cung cấp mọi kiến thức và chỉ những kiến thức do nhà trường cung cấp mới có giá trị. Đưa ra khẩu hiệu, *giáo dục cho tất cả mọi người bằng tất cả mọi người*, tác giả khẳng định bất cứ dự định cách mạng nào về giáo dục không bao hàm một kế hoạch giải tỏa nhà trường không thể được gọi là cách mạng. Tác giả nhắc đến dự định của Thủ Tướng Castro đóng cửa các đại học vào năm 1980 vì toàn thể đời sống Cuba phải trở thành kinh nghiệm giáo dục...

Chấm dứt sự đồng hóa Học chính và Giáo dục (học chính chỉ dạy kiến thức, giáo dục nhằm đào tạo con người) chấm dứt độc quyền nhà trường cả về học chính, giáo dục, tác giả đề ra mấy đặc điểm chính của một nền giáo dục mới :

Theo tác giả, nền giáo dục tốt phải thực hiện được 3 mục tiêu :

1. — Làm sao cho tất cả những ai muốn học hỏi đều có thể tiếp xúc được với tất cả những nguồn gốc cung cấp kiến thức vào bất cứ thời kỳ nào trong cuộc đời của họ.

2. — Làm sao cho những người, muốn chia sẻ những điều họ biết, có điều kiện gặp gỡ những người muốn học hỏi.

3. — Cung cấp cho tất cả những ai muốn trình bày một vấn đề trước công luận những phương tiện thực hiện.

Những mục tiêu trên đòi hỏi phải xóa bỏ, chẳng hạn những cưỡng bách, gò bó học vào một thời kỳ, một khóa, một chương trình nhất định, phải có những điều kiện này nọ như văn bằng mới có thể theo học, tham khảo (vào Thư viện). Xóa bỏ quan niệm coi nhà trường như nơi giữ gìn những bí mật nhà nghề và chỉ có giáo sư, với những tổ chức liên hệ của nhà trường mới có quyền bộc lộ...

Một người muốn học là muốn được biết một số kiến thức cần biết. Những kiến thức đó có thể do sự vật hay người cung cấp.

Một nền giáo dục tốt là làm sao cho người muốn học đó có thể tiếp xúc được dễ dàng với những sự vật, nơi chốn, hoặc những người có thể cung cấp cho mình những kiến thức cần biết.

Điều đó có nghĩa là có thể học hỏi mà không bó buộc phải qua những tài liệu giáo khoa của nhà trường. Trò chơi, Du khảo, Câu lạc bộ, Thư viện, Phòng triển lãm, các cơ sở cơ quan công cộng phải được tổ chức làm sao để mọi người muốn học hỏi có thể được tham dự, tiếp xúc và hướng dẫn trong việc học hỏi...

Người dạy cũng không nhất thiết chỉ có thể là giáo sư nhà trường nhưng bất cứ ai dạy được đều là thầy dạy và bất cứ ai cũng dạy được nếu có điều kiện, khả năng và biết dạy. Người dạy có thể là người ngang hàng với mình, bạn học, cùng tuổi, hay người trên mình, lớn tuổi hơn, nhiều kinh nghiệm, kiến thức hơn.

Nhà trường hiện nay tập hợp tất cả những đứa trẻ, thanh niên vào những lớp học đồng đều : học chung một lớp, học cùng một chương trình, một thầy dạy, mà không cần xét tới hoàn cảnh, điều kiện, sở thích riêng biệt của mỗi người. Trong một tổ chức nhà trường như thế, người học không được quyền chọn thầy, chọn bạn học, hoặc chỉ có thể chọn bạn trong số những người cùng lớp, cùng trường.

Việc tổ chức những tổ, nhóm hội học, những câu lạc bộ, sẽ tạo cho người đi học có điều kiện chọn bạn mới, thích hợp với mình và giúp mình tiến lên vì *học thày không tày học bạn*. Còn về học thầy, không giới hạn trong khuôn khổ nhà trường, vì một vấn đề muốn biết có thể ông thầy ở trường không biết bằng một người ở ngoài trường, nhưng người muốn học, hoặc không có điều kiện để biết người tài giỏi thông thạo ở ngoài trường mà không phải giáo sư, hoặc biết nhưng không được học vì người đó không có văn bằng, không phải giáo sư nhà trường...

Tác giả mường tượng những gặp gỡ ngoài nhà trường có thể được tổ chức dễ dàng thế nào ở Nữu Ước để thực hiện việc học hỏi linh động trên.

Bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào, chỉ cần bỏ ra một số tiền nhỏ, chuyền tên, địa chỉ, số điện thoại, tên sách, bài báo, hoặc vấn đề muốn thảo luận, học hỏi với một người nào đó cho một máy điện tử, vài ngày sau sẽ nhận được một danh sách tên những người muốn bằng lòng tiếp xúc, gặp gỡ. Anh ta gọi điện thoại để ấn định nơi, ngày gặp nhau. Những cuộc gặp gỡ như vậy có thể đưa đến thất vọng chán nản vì người mình gặp không thỏa mãn những gì mình chờ đợi, nhưng cũng có thể đem lại những tình bạn, sự quen biết mới và nhất là những hiểu biết rộng rãi, thỏa mãn quá sự mong mỏi của mình. Theo tác giả, dù sao cái điều có thể gặp chán nản thất vọng không đáng kể và không thể so sánh được với sự chán nản thất vọng chắc chắn mà người sinh viên phải chịu khi ghi tên theo học ở nhà trường.

oOo

Giáo dục, trong quan niệm của Illich, không còn tách biệt với những sinh hoạt khác như một lãnh vực riêng, chuyên môn, được ủy nhiệm, độc quyền, vì ai cũng có thể là thầy, mà không cần phải là giáo sư của một trường ; chỗ nào cũng có thể là nơi dạy (chỗ làm việc, sinh hoạt, giải trí, ngoài trời, trong nhà) mà không cần phải tổ chức thành lớp, trường, ở một địa điểm nhất định, và sau cùng, học cách nào cũng được, miễn là thuận tiện và có kết quả (phim ảnh, Ti-vi, băng ghi âm, đối thoại, tranh luận, du khảo v.v...)

Illich đề nghị thay thế nhà trường bằng những *đường giây tổ chức tiếp xúc trao đổi dưới mọi hình thức* vừa thực hiện được việc học hỏi một cách linh động, hiệu nghiệm vừa tránh được những khó khăn về thiếu hụt ngân sách, ngay cả đối với một nước tiền tiến trong việc định-chế-hóa và kế-hoạch-hóa một cách qui mô nặng nề toàn bộ công trình giáo dục...

Những ý kiến của Illich nêu lên ba điểm gợi ý tranh luận :

1.— Có cần bỏ hẳn nhà trường hay chỉ cần chấm dứt sự độc quyền và ủy nhiệm của nhà trường về học chính và giáo dục ?

2.— Phân công và chuyên môn là một đòi hỏi không thể tránh được, một xu hướng tất yếu của tiến bộ. Đã đành xu hướng chuyên-môn-hóa càng phát triển cao càng có thể tạo nguy cơ hạ thấp và xóa bỏ sự hiểu biết thông thường nhưng rất cần thiết, thực dụng của đa số. Vấn đề là có phải vì vậy mà xóa bỏ chuyên môn hay trái lại chỉ nên tìm cách giới hạn, dung hòa hai đòi hỏi cùng chính đáng và cần thiết :

Xã-hội-hóa phổ-biến kiến thức kỹ thuật của đời sống hiện đại và chuyên-môn-hóa những kiến thức đó ?

3.— Tố cáo tính cách phi nhân của chủ nghĩa sản xuất, coi hiệu nghiệm kinh tế, sản xuất như mục

đích mọi sự là đúng, nhưng những tố cáo đó có bao hàm một phủ nhận nhu cầu sản xuất là chính đáng và do đó phủ nhận những vấn đề đặt ra về sản xuất cần được giải quyết một cách hợp lý ?

Chống lại xã hội kỹ nghệ, đã bị thúc đẩy bởi những động cơ sản xuất tiêu thụ, đề cao tính tự phát, tự trị, tự sản xuất có thể bao hàm một mơ ước luyến tiếc phương thức sản xuất xa xưa, thời thủ công nghiệp, phải chăng là một không tưởng và hơn nữa bày tỏ một thái độ phản động, bảo thủ ?

Thực ra, có lẽ phải nhìn vấn đề một cách bình thản hơn : không phủ nhận sự cần thiết kỹ-nghệ-hóa, kế-hoạch-hóa, định-chế-hóa, nhưng làm sao giữ lại, duy trì bảo vệ được một số nhu cầu, giá trị để con người có thể sống một cuộc đời thú vị, đáng sống.

Đã rõ là nhiều khía cạnh của xã hội các nước tiền tiến Tây-phương không thể chấp nhận được, dù phải chấp nhận nhu cầu phát triển, tối-tân-hóa ! Nhưng phải theo khuôn mẫu nào đây ? Khuôn mẫu phát triển Tây phương ? Khuôn mẫu phát triển Liên-xô ? Cả hai đều có những điểm căn bản giống nhau, do đó có những mâu thuẫn bế tắc giống nhau ! Tác giả cũng như nhiều người khác đang hướng về nơi được coi như đã phát hiện và đang thí nghiệm một khuôn mẫu phát triển khác, sẽ qui định một khuôn mặt văn minh mới, một văn minh không coi lợi tức như động cơ chính của sản xuất, đi vào kỹ-nghệ-hóa nhưng tránh được hiện-tượng tập trung tạo thành những đô-thị lớn, làm nảy ra biết bao khó khăn không thể giải quyết ổn thỏa được (chẳng hạn : kẹt xe, ô nhiễm môi sinh, khan hiếm nhà ở v.v...) nơi đã đặt lại một cách triệt để từ căn bản ý nghĩa mọi kiến thức, giá trị, và những phương thức, định chế bảo vệ, thực hiện những kiến thức, giá trị đó.

oOo

Đọc Illich, không thể không thúc đẩy một người lo lắng về cải tổ giáo dục vượt khỏi những dự định phải tổ chức nhà trường thế nào để suy nghĩ một cách rộng rãi triệt để hơn về một *khuôn mẫu phát triển*, một nền văn minh thích hợp phải tiến tới từ hoàn cảnh chậm tiến, chiến tranh hiện nay, không thể đi theo một cách mù quáng vết cũ của những đường lối Tây phương dù là hiện đại tiền tiến.

Muốn đề ra phương hướng giáo dục mới, không dựa trên những cải tổ vá víu, sửa chữa, trước hết phải đi tìm và chỉ có một cách tìm triệt để hơn cả là khi hòa bình thực sự được lập lại, tạm thời đóng cửa tất cả các trường Đại học, Trung học đệ II cấp trong 1 năm để toàn thể giáo sư sinh viên cùng tìm, bằng cách tham dự vào những công tác xã hội, văn hóa, bình dân giáo dục ở khắp nơi (đô thị, nông thôn) và thông qua những công tác đó, nêu vấn đề, phê phán gợi ý về việc học : học cái gì, học thế nào, học với ai, học để làm gì dựa trên những nhận xét quan sát kinh nghiệm thảo luận được tại chỗ, từ thực tế...

NGUYỄN-VĂN-TRUNG
(Hè 1973)

THƯ MỤC

Bài báo:

* Tạp chí Esprit:
  - Contre la religion de l'école (Déc. 1970)
  - Peut-on éduquer sans école (Juin-1971)
  - Inverser les institutions (Mars-1972) (số này đặc biệt dành cho Illich)
  - Illich en débat (đăng nhiều phản ứng về quan điểm của Illich)
  - Avancer avec Illich (số đặc biệt) (Juillet-Aout 1973)
* Tạp chí Temps modernes:
  - L'école, cette vache sacrée (Nov. 1969)
  - Révol. culturelle, école et dével. (Juin 1970)
  - Déscholariser la société (Aout-Sept 1970)
* Saturday Review: The Alternative to Schooling (6-6-1971)

Sách:

- Libérer l'avenir (1971) Seuil. Dịch « Celebration of awareness » (1969) Doubleday, New York
- Une sociéte sans école (1971). Dịch « Deschooling Society » (1971) Hasper and Row-New York
- Energie et équité (1973) Seuil.

Năm 2.000

IV) DỰ ĐOÁN VỀ CHÍNH TRỊ

Những dự đoán về khoa học, kĩ thuật ấy đáng tin hơn cả, những dự đoán về xã hội (hậu kĩ nghệ), văn hóa cũng có thể đúng già nửa, còn những dự đoán về chính trị quốc tế dưới đây, theo tôi, chỉ là câu chuyện mạn đàm. Vì về chính trị, như một đại chính trị gia đã nói, cái gì cũng có thể xảy ra được. Không khi nào môn chính trị thành một khoa học được, khi nào nó thành khoa học thì không còn là chính trị nữa. Dĩ nhiên chúng ta có thể rút được nhiều bài học trong lịch sử để đối phó với hoàn cảnh mới, nhưng không có hoàn cảnh nào y hệt hoàn cảnh nào, mà biến cố xảy ra nhiều khi rất bất ngờ, không ai đoán trước được. Chính Lénine cũng không ngờ cách mạng Nga thành công dễ dàng, đổ máu rất ít như vậy mà khi quân cách mạng Trung Hoa chiếm được Vũ Xương thì Tôn Văn đương ở bên trời Âu hay Mĩ nào đó.

Ủy ban biết vậy, nên rất thận trọng đưa ra một dự đoán «không ngạc nhiên» và cả chục dự đoán khác họ gọi là scénario; (1) mỗi dự đoán ứng vào một giả thiết, y như để bủa vây con mồi vậy, mà con mồi vẫn có cách thoát được.

Một số lớn độc giả sẽ cho phần dự đoán này có tính cách «nói láo chơi»; nhưng xét kĩ thì mười điều Ủy ban đoán cũng có một hai điều tuy không đúng hẳn chứ cũng dùng được.

Tôi xin lấy một thí dụ về chiến tranh Việt Nam (Tôi xin nhắc lại sách in ở Mĩ năm 1967 khi Johnson còn cầm quyền).

Nhận xét tình hình thế giới, Ủy ban có ba lần nhắc tới Việt Nam. Một lần họ bảo nếu Mĩ thua ở Việt Nam thì phong trào cộng sản mạnh lên mà Trung cộng sẽ chỉ huy cuộc cách mạng vô sản trong thế giới thứ ba; đó chỉ là một giả thiết chẳng có gì đặc biệt. Một lần nữa họ lấy chiến tranh Việt Nam để làm cớ mà xét một thứ chiến tranh hạch tâm nho nhỏ giữa Mĩ và Trung Cộng (coi ở sau).

Lần thứ ba họ cũng đưa một giả thiết nữa: chiến tranh Việt Nam bất phân thắng bại, kéo dài tới 1968; lúc đó Mĩ có thể đổ bộ chiếm Bắc Việt mà vẫn không tuyên chiến. Bắc Việt chống cự lại kịch liệt, rồi chính quyền Bắc Việt vô bưng, áp dụng du kích chiến (cũng như hồi đầu năm 1947 chứ không có gì khác). Gần khắp thế giới nổi lên công kích Mĩ. Khi quân đội Mĩ tiến tới gần biên giới Hoa — Việt thì quân chính

(1) Scénario chính nghĩa là truyện phim, dàn cảnh.

qui Trung Hoa ùa qua giao chiến với Mĩ.

Cả thế giới dâm hoảng: Nga, Pháp, Nhật với Anh, Bỉ, Ý... đứng ra hòa giải. Tổng Thống Mĩ bằng lòng ngưng chiến, nhưng Bắc Việt cương quyết buộc Mĩ phải rút ra khỏi cõi. Lần lần hai bên cũng giải cường độ chiến tranh; Mĩ vẫn chiếm Hà Nội, Hải phòng và các đường giao thông quan trọng; còn Bắc Việt vẫn đánh du kích. Rồi Mĩ hòa giải ngầm với Bắc Việt, chịu rút quân lần lần, và ngưng chiến ở Nam Việt, để lại 90% đất đai và nửa dân số cho Việt cộng kiểm soát.

Nga giúp cho giải pháp đó thành, nhưng chẳng được lợi gì cả. Bắc Việt trách Nga đứng ngoài ngó mà mang ơn Trung Cộng đã giúp đỡ trong giai đoạn cuối.

Johnson tái ứng cử tổng thống năm 1968, thua đậm. Đảng Cộng Hòa thắng và tân Tổng thống rút bớt những cam kết ở ngoại quốc, nhất là ở châu Á; nhưng tăng cường võ khí hạch tâm ở châu Á để đề phòng Trung Cộng.

Chúng ta thấy sự thực khác hẳn, nhưng scénario ấy cũng có vài điểm đúng:

— Hai bên không thể thắng bằng võ bị được, rốt cuộc cũng phải thỏa hiệp ngầm với nhau, để Mĩ lần lần rút quân về, khỏi bị sa lầy thêm nữa.

— Mĩ không đổ bộ lên Bắc Việt nhưng dội bom kinh khủng xuống Bắc Việt, thì cũng gần như đổ bộ.

— Mĩ ngán chiến tranh, chỉ tìm cách rút quân về, rồi rút bớt cam kết ở ngoại quốc, nghĩa là bỏ vai trò cảnh sát quốc tế.

oOo

Các cường quốc

Đại khái các giả thuyết chỉ có giá trị như vậy. Những nhận định của Ủy ban về vai trò của các cường quốc đáng tin hơn nhiều.

Về *Trung Cộng*, họ bảo:

— trong mười hay hai chục năm nữa, Trung cộng vẫn còn yếu (mặc dầu tiến bộ hoài về võ khí hạch tâm), không tấn công Nga, Mĩ được nhưng Nga, Mĩ cũng ngán sức chống cự của họ,

— dân số vĩ đại của họ là một nhược điểm chứ không phải ưu điểm,

— kinh tế phát triển chậm, tới cuối thế kỉ vẫn còn thua Nam Hàn, Đài Loan, có lẽ thua cả Việt Nam nữa, — nhà cầm quyền của họ tuy tự cao tự đại, có nhiều thành kiến, bài ngoại hung hăng, nhưng «biết điều», không dại gì gây chiến với Nga, Mĩ,

— dân chúng không chắc đã tuyệt đối phục tòng Mao Trạch Đông đâu,

— Trung Cộng giúp các quốc gia nhỏ trong chiến tranh giải phóng, nhưng không tận tình, những quốc gia này phải tự lực chiến đấu, đừng quá trông cậy vào họ.

Về *Nga*:

— Chính quyền sẽ tiếp tục hãm bớt những vụ bắt bớ dân chúng,

— cho phép dân chúng ăn nói một phần nào,

— đảng cộng sản Nga bớt tin sứ mạng làm lịch sử của mình,

— khối cộng sản cứ tan rã dần dần về phương diện văn hóa, kinh tế cả về chính trị nữa.

Về *Đức*:

— vẫn còn chia hai, càng ngày Đông Đức càng thành một thực thể tự trị,

— Nga, Mĩ lần lần rút bớt quân ra khỏi Đông và Tây Đức,

— tại các nước khác châu Âu, người ta ngại sự phục hồi của Tây Đức hơn là về phương diện văn hóa kinh tế.

Về *Nhật*:

— trước 1980, Nhật sẽ thành anh khổng lồ châu Á, cùng với Nga và Mĩ ngăn được những tham vọng của Trung Cộng,

— nhưng Nhật không muốn mà cũng không có cơ hội bành trướng thành một đế quốc như nửa đầu thế kỉ này nữa,

— kinh tế của Nhật tiếp tục tiến bộ tới cuối thế kỉ, nhưng nếu vì một lẽ gì đó kinh tế đó khủng hoảng thì nội chính sẽ thình lình quay qua tả hoặc qua hữu,

— đường lối chính trị của họ vẫn là «ổn định và tiến triển»

Ủy ban cũng xét chung các nước Á, Phi kém phát triển và các nước châu Mĩ La tinh, nhưng không có gì đặc biệt.

V. TÌNH HÌNH CHUNG THẾ GIỚI

Ủy ban tin rằng từ nay tới cuối thế kỉ, các quốc gia cũ sẽ ổn định hơn trong hai phần ba trước thế kỉ, không có gì xáo động lớn, không có thế chiến thứ ba; nước nào cũng lo phát triển kinh tế, thương mại thôi

Tuy nhiên Ủy ban cũng đưa ra 8 giả thiết mà họ gọi là scénario:

. . . .

— A/ *Thế giới đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với nhau.*

Tương đối hòa bình và thịnh vượng, vũ khí bị kiểm soát, các nước lớn nhỏ hỏi ý kiến nhau, cùng nhau giải quyết những vấn đề quan trọng.

1 - Nhắm vào ổn định và giữ hiện trạng

2 - Nhắm vào sự phát triển và giúp đỡ lẫn nhau.

— B/ *Thế giới chia rẽ, có những khối tự chủ.*

Cũng gần yên ổn và thịnh vượng bằng thế giới trên, nhưng không kiểm soát được vũ khí một cách hữu hiệu, không hợp tác, phối trí với nhau.

3 - Có một phong trào cộng sản suy vi, tan rã.

4 - Có một tinh thần dân chủ tan rã, mà cộng sản hoạt động mạnh lên.

5 - Có tinh thần dân chủ tan rã nhưng châu Âu và hoặc Nhật hoạt động mạnh lên.

— C/ *Thế giới hỗn loạn.*

Vô trật tự, có bạo động nhưng không có chiến tranh lớn.

6 - Có một phong trào cộng sản tan rã

7 - Có một phong trào cộng sản mạnh lên mà tinh thần dân chủ suy đồi.

8 - Châu Âu và hoặc Nhật mạnh lên.

Phần này rất dài, không mấy bổ ích, lí thú nên tôi chỉ xin giới thiệu qua loa scénario 2, lí tưởng nhất. Thật là một thế giới thăng bình, đoàn kết, «bốn bể đều anh em».

Không chia rẽ, phân biệt các nước giầu và nghèo nữa. Các tổ chức quốc tế về tài chánh cứu trợ, thương mại, tự vệ càng ngày càng nhiều ; hơn nữa, người ta còn đồng lòng gắng sức với nhau mà thành công được trong việc phát triển thế giới thứ ba (lúc đó sẽ gọi là thế giới thứ nhì).

Trong thế giới ấy vẫn còn cộng sản nhưng cộng sản không dữ nữa, càng ngày người ta càng coi chế độ ấy là một đường lối canh tân kinh tế, chứ không còn là một chủ nghĩa chính trị, một tín điều nữa. Cộng sản và tư bản chỉ ôn hòa ganh đua nhau về kinh tế, văn hóa thôi.

Thế giới thứ ba có rất ít quốc gia thực sự cách mạng ; hầu hết «thiên tả ngây thơ», nhất là những quốc gia nghèo nhất. Trung Cộng vẫn còn có thể xao động, nhưng đã qua giai đoạn cách mạng hung hăng hiếu chiến rồi, mà muốn sống chung hòa bình với các nước khác, đặc biệt là với Mĩ, Nga vì những lí do thực tế — nhưng vẫn có thể một phần vì lí thuyết.

Cũng có một liên hiệp quốc Tây Âu được vài quốc gia Đông Âu gia nhập. Mĩ, Nga, rút hết quân về và vấn đề Đức quốc được giải quyết một cách tạm thời. Nga càng ngày càng muốn hợp tác với các nước tân tiến khác ; đảng Cộng sản vẫn cầm quyền nhưng bớt độc tài mà thường hỏi ý kiến của dân hơn.

Có sự tự do mậu dịch và có những thị trường chung Á, Phi, Châu Mĩ La tinh ; nhờ vậy mà nhiều chương trình phát triển lớn lao sẽ thực hiện được. Nhật bản sẽ tích cực đóng vai trò hướng dẫn và đầu tư trong miền Đông Á. Các nước Đông Âu và bờ bắc Địa Trung hải không còn nghèo nữa.

Tóm lại, thế giới hợp tác với nhau về kinh tế ; chính trị và ý thức hệ đều phụ thuộc vào kinh tế và các giá trị nhân bản.

Nếu các nước phát triển chịu bỏ ra từ 1 đến 3% tổng sản lượng quốc gia để giúp các nước kém phát triển mà những nước này khéo dùng số trợ cấp thì chỉ trong khoảng từ mười tới ba mươi lăm năm sẽ rất tấn bộ, vì sở dĩ họ kém phát triển là tại họ không biết dùng vốn đầu tư chứ không phải thiếu vốn. (1)

(1) Có người nghĩ khác và cho rằng họ thiếu vốn.

Các hệ thống quốc tế

Sách đề ra một chương dự đoán về hệ thống quốc-tế (système international). Ủy ban đưa ra bảy trường hợp:

—1) Thế giới gồm nhiều khối nhỏ Bắc Mĩ, Tây Âu, Nga, Phi, Ả Rập, Ấn Độ, Trung Hoa v.v... Các quốc gia trong mỗi khối ấy cùng theo một chính sách an ninh, kinh tế.

—2) Cộng đồng chủ quyền: condominium, Nga và Mĩ chia nhau làm chủ thế giới. Cũng có thể có nhiều cộng đồng hơn: ngoài Nga Mĩ còn Âu Châu, Trung Hoa với sự hợp tác của Nhật.

—3) Các cường quốc có thể liên minh với nhau.

—4) Các tiểu quốc có thể liên minh với nhau.

—5) Liên-Hiệp-Quốc có thể giữ hình thức ngày nay mà phát triển thêm.

—6) Có thể có một chính phủ liên-hiệp thế-giới, nhưng trường hợp này chỉ xảy ra sau một chiến tranh, hoặc một cuộc khủng hoảng làm cho nước nào cũng sợ, thấy cần phải đoàn kết với nhau.

—7) Có thể có một hay nhiều đế quốc nắm hết quyền trên thế giới.

VI. CHIẾN TRANH

Chúng ta nên để ý trong 8 scénario kể trên, Ủy ban cho rằng sẽ không có chiến tranh lớn.

Nhưng trong một chương khác Ủy ban cũng xét những trường hợp có thể xảy ra chiến tranh hạch tâm.

Trước hết ủy-ban đoán rằng có lẽ sẽ có:

— nhiều vũ khí hạch tâm mới rẻ tiền.

— nhiều thứ tia sáng giết người mới

— nhiều kỹ thuật mới về chiến tranh vi-trùng, hóa-học.

— nhiều kỹ thuật về chiến tranh bí mật.

— những cơ khí Doomsday (tận thế ?)

— cách khiến cho nước biển dâng lên mạnh.

— cách thay đổi thời tiết.

— nhiều hình thức chiến tranh tâm lý, hoặc cả chiến tranh cân não nữa (làm cho địch hóa điên ?) mà rất rẻ tiền.

Nhưng Ủy ban tin rằng, ít nhất là trong hiện thời, các vũ khí ấy càng mạnh bao nhiêu thì thế giới càng hy vọng được hòa bình bấy nhiêu, vì có một thế quân bình dựng trên sự khiếp sợ, cả hai bên đều sợ bị tiêu diệt.

Hiện nay đã có 5 cường quốc có khí giới hạch tâm rồi: Mĩ, Nga, Anh, Pháp, Trung Cộng; nước thứ sáu sẽ có thể là Israël hoặc Ấn-độ, Tây Đức, Nhật bản. Mà hễ Nhật có khí giới

bạch tâm thì Đức cũng sẽ đòi có cho được; ngược lại cũng vậy, vì hai nước ấy đều là chiến bại, Đồng-minh cởi mở cho nước này thì phải cởi mở cho nước kia, không thì họ ganh tị nhau.

Và khi hai nước ấy có khí giới bạch tâm thì Ý, Thụy Điển, Thụy Sĩ cũng nối gót họ; rồi tới phiên Úc, Ấn, rốt cuộc tới năm 2.000 có thể có 50 nước có khí giới bạch tâm: Argentine Ba-Tây, Mễ-tây-cơ, Ai-Cập, Israel, Pokistan, Indonésie, Ba Lan, Tiệp Khắc, Nam Tư vân vân... Ủy ban nhận rằng nếu vũ khí bạch tâm mà lan tràn gần khắp thế giới thì có thể tai hại lắm. Và hầu hết ai cũng nghĩ vậy, từ các nhà bác học, các chính trị gia tới hạng người thường như chúng ta.

Nhưng không nhất định rằng hễ mọi nước đua nhau chế tạo thứ vũ khí ấy thì nó sẽ tiêu-diệt nhân loại đâu. Chỉ nói được rằng nhân loại có thể sẽ vì nó mà rốt cuộc bị tiêu diệt. Các sử gia đều cho rằng có mối liên quan giữa sự kiện đua nhau chế tạo vũ khí và chiến tranh, sự kiện này là hậu quả của sự kiện trên. Một nhà khoa học, Louis F. Richardson, còn dùng toán học, thống kê để chứng thực điều ấy nữa. Nhưng Ủy-ban bảo có khi người ta đua nhau chế tạo vũ khí mà không xảy ra chiến tranh (rất tiếc Ủy ban không đưa ra một chứng cứ cụ thể); mà cả trong những trường hợp xảy ra chiến tranh thì cũng chưa nhất định sự kiện ấy là nguyên nhân duy nhất của chiến tranh. Sẽ không có kẻ nào mù quáng nhấn nút để gây ra một chiến tranh bạch tâm đâu. Vì bất đắc dĩ lắm, không thể lùi bước được, vì bị lôi cuốn, mà các quốc gia mới phải dùng thứ vũ khí ấy.

Với lại sự đua nhau chế tạo vũ khí không tăng hoài tới vô cùng như một đường trôn ốc đâu: hiện nay Mĩ đã giảm ngân sách Quốc phòng rồi, mà Nga cũng vậy.

Nhưng cứ thí dụ rằng Nga nhấn nút mà thả bom hạch-tâm xuống các thị trấn Mĩ thì hậu quả ra sao? Hậu quả là những nơi bị bom sẽ thành đất hoang nhiễm độc không thể ở được trong gần mười ngàn năm vì những chất Carbone 14, Strontium 90, Caesium 137 sẽ phóng xạ trường kỳ. Dù Nga, Mĩ có phòng vệ trước thì mỗi nước cũng sẽ mất từ 2 tới 150 triệu người, và những kẻ sống sót phải mất từ 5 tới 20 năm mới khôi phục lại được mức-sống trước khi có chiến tranh.

Mà chẳng phải chỉ riêng hai nước đó bị tàn phá, cả thế giới sẽ bị họa lây nữa, vì họ có đủ bom để tấn công nhau ở khắp mọi nơi. Tuy nhiên vẫn có vài miền không bị gì cả, ngoài tác động của các chất phóng xạ. Vậy nhân loại sẽ không bị tiêu diệt. Nhưng có điều quan trọng này cần phải xét: tinh thần những kẻ sống sót sẽ ra sao?

Cái đó còn tùy chiến tranh phát sinh trong hoàn cảnh nào, do nguyên nhân nào, rồi chấm dứt hay tạm chấm dứt cách nào, nên không thể đoán trước được.

VII. ÁC MỘNG CỦA THẾ KỶ XXI

Tuy nhan đề sách là năm 2.000, Ủy-ban cũng dự đoán cả thế kỉ XXI, nhưng chỉ dự đoán những nguy cơ thôi, cơ hồ như để cảnh cáo nhân loại.

Có nhiều nguy cơ: kinh tế có thể bị khủng hoảng như hồi 1930, hoặc ngưng trệ; các quốc gia Tây Âu có thể liên hiệp về kinh tế và một bọn kĩ phiệt (technocrate) lên cầm quyền sau khi lật đổ các chính khách nhà nghề, dùng một chính sách độc tài sáng suốt chống lại cả Nga lẫn Mĩ; hoặc quần chúng vì bất mãn mà theo những phong trào mới về tôn giáo, tin rằng sẽ có Chúa Cứu Thế ra đời... Nhưng đáng gọi là ác mộng thì tôi chỉ thấy có hậu quả này của sự tiến bộ về khoa học, kĩ thuật: chính quyền nào cũng có thể kiểm soát từng cử động trong đời tư của cá nhân, như Aldous Huxley và Goerge Orwell đã tiên đoán.

Ngay bây giờ người ta đã có thể ghi những rung động trên tấm kính cửa sổ mà biết được chúng ta nói chuyện gì với nhau trong phòng kín; người ta lại từ xa chụp được các tài liệu qua cửa sổ. Các máy Ti-vi để kiểm soát từ trong bay từ ngoài sẽ được phổ biến vì giá rẻ. Như trên chúng tôi đã nói, người ta có thể dùng máy điện tử ordinateur mà nhận diện chúng ta trong vài giây. Vào khoảng năm 2000, người ta có thể kiểm soát được mỗi hành động, mỗi lời nói của bất kì ai. Lúc đó có lẽ chỉ những tỉ phú mới có tiền hối lộ các công chức để khỏi bị dò xét. Kẻ nào ít tiền đành phải dùng mật hiệu để tránh được nạn đó, mà cũng chưa chắc.

Về phương diện khác, Y học sẽ thay được các bộ phận trong cơ thể và gây nhiều vấn đề rắc rối về pháp luật: Ví dụ một người đã thay bộ óc bằng máy điện tử hay một bộ óc khác sẽ còn chịu trách nhiệm về các hành động của họ nữa không?

Khi dân số tăng quá, có nạn nhân mãn, chắc chính quyền sẽ phải kiểm soát từng người, cho phép sanh đẻ thêm hay phải ngưng lại, được sống trên một tuổi nào đó không mà nếu không thì thủ tiêu bằng cách nào? Hậu quả của những tiến bộ khoa học ấy thật ghê gớm quá.

Người ta lại thay đổi được cá tính mỗi người, có thể ở xa mà kích thích các hạch nội tuyến của ta hoặc «tiêm» cho ta một kích thích tố nào đó bằng làn sóng điện hoặc siêu thanh. Chính quyền nào dù «độc tài một cách nhân từ» cũng sẽ dùng những phương pháp ấy. Trước kia Nga đã đưa một số nhà văn của họ vô dưỡng trí viện, mà Mĩ cũng đã viện lẽ nhân từ mà hành động như vậy với Erza Pound. Lần lần người ta sẽ cho những cảnh ấy là hợp pháp, chính đáng.

Qua thế kỉ sau, khoa học có thể tạo được con người trong phòng thí nghiệm; bọn người nhân tạo này có được hưởng những quyền như những người «trời sinh» không? Vấn

đề đó cũng gây nhiều rắc rối lắm.

Các lực sĩ cũng có thể nhân tạo được lắm, và họ nhất định là thắng hạng lực sĩ thiên tạo. Như vậy loài người còn tin ở mình nữa không? Lúc đó đủ thứ tôn giáo kì cục sẽ xuất hiện để rán giải thích lại vũ trụ. Chắc sẽ có hai phe: phe đề cao con người, mạt sát khoa học và phe mạt sát con người, đề cao khoa học.

Nhưng sẽ không còn những vụ xuống đường, phản kháng, lộn xộn nữa vì con người bị các máy điện-tử kiểm soát chặt chẽ rồi, thành nô lệ hết rồi. Cũng hết luôn vấn đề kiểm duyệt báo chí, sách vở. Chẳng ai đòi hỏi tự do ngôn luận nữa. Một thế giới như vậy chẳng thanh bình ổn định rất mực sao? Ủy ban còn muốn gì nữa mà gọi là những ác mộng của thế kỉ XXI? Những bạn hiện nay dưới ba chục tuổi chắc chắn sẽ được thấy thế giới kì dị ấy, tôi xin có lời mừng trước các bạn.

NGUYỄN HIẾN LÊ

trích trong cuốn «Những vấn đề của thời đại» *sẽ xuất bản.*

Tư tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương

PHẦN III.— THÁI-ĐỘ XỬ-THẾ CỦA BẬC LƯƠNG-Y

« Học cho thấy Đạo thì lòng mới an »
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU (Ngư tiều vấn-đáp y-thuật)

A.— Xử-thế tổng-quát

Ở Trung-Hoa, Nhật-Bản, Triều-Tiên và ngay cả ở Việt-Nam chúng ta, từ xưa đến gần đây, không có một tác-giả lỗi lạc nào, không có một nghệ-sĩ xuất-chúng nào, không có một nhà tư-tưởng sâu-sắc nào mà không chịu ít nhiều ảnh-hưởng triết-thuyết Lão Trang. Chẳng những ảnh-hưởng ấy chi-phối sâu-xa đường lối tư-tưởng mà còn giúp rất nhiều con người phương Đông trong phong-thái xử-thế khôn-ngoan tế-nhị. Các đấng tiền-nhân của chúng ta, nhất là những bậc sĩ-phu tri-thức, sở-dĩ có được một tâm-hồn lạc-quan, tự-do, khoáng-đạt, một nhân-quan tương-đối, không câu-chấp, một tinh-thần nhẫn-nại, tin-tưởng ở tương-lai mặc dầu nghịch-cảnh, biến-cố, luôn luôn thản-nhiên, điềm đạm, trầm mặc, sở-dĩ người xưa có được tất-cả những đức-tính ấy đều do nơi Lão-học một phần lớn. Có cần kể ra ở đây Nguyễn-Thiếp trong rặng núi Thiên-nhẫn, Nguyễn-bỉnh-Khiêm nơi am vắng Bạch-vân, Chu-văn-An, Nguyễn công-Trứ ?

Ngay đối với chính mình, kỷ-luật tu thân đòi-hỏi kẻ sĩ phải biết tiết-chế tư dục. Kẻ tự-phụ kiêu-căng chỉ tự mình làm hạ nhân-cách và thất-nhân tâm. Người khiêm-cung từ-tốn mới là người biết nuôi-dưỡng và bồi-đắp đạo-đức của mình và được đồng-loại thương mến.

Hô-hấp bầu khí quyền triết-học ấy, người y-sĩ phương Đông đã thích-nghi lối sống, lối nghĩ, lối làm của mình với hoàn-cảnh, phong-tục, tập-quán địa-phương, và kết-quả là chúng ta có một mẫu người thầy thuốc riêng biệt, tạo thành một trường-hợp y-học tâm-thể độc-đáo và phức-tạp. Phần hôm nay của loạt bài này cố-gắng phác-hoạ bức chân-dung điển-hình, nhất là về khía-cạnh tinh-thần của người môn-đệ Hiên Kỳ ấy.

oOo

Đọc y-sử Đông-phương, ta thấy có những thầy thuốc là môn-đệ Lão-giáo chính-hiệu, bên cạnh nhiều y-sĩ chỉ chịu chút ít ảnh-hưởng Huyền-môn.

Chúng ta đã thấy trong phần I rằng người y-sĩ từng phải chiến-đấu rất gian-nan để tự tách rời khỏi

người thuật-sĩ, phương-sĩ. Sự chiến-đấu ấy, kéo dài bằng mấy chục thế-kỷ, đã ghi lại những tỳ vết và chứng tích rất rõ-ràng.

Ngay từ thời Đông-Hán, một môn đệ Lão-giáo khét tiếng là *Trương-Đạo-Lăng*, rất được người đương-thời — kể cả thiên-tử — kính-trọng, tôn-vinh là *Chính-nhất-thiên-sư* gọi tắt là *Trương-thiên-sư*, đã chuyên trị-liệu bệnh-tật bằng bùa. Phụ-hội thuyết thần-quái của bọn phương sĩ đời Lưỡng-Hán, kết-nạp tín-đồ mê-tín rất đông-đảo, Trương đã suýt làm lung-lay ngai vua đương triều.

Thời Tần Hán, có rất nhiều y-sĩ nổi tiếng đều theo đạo Lão, và chính những người nầy đã đóng góp công trình không nhỏ vào sự-nghiệp biên soạn cuốn *Hoàng-Đế Nội-Kinh* tức là cuốn sách cho đến ngày nay vẫn còn là tư-liệu gối đầu giường của giới Đông y-sĩ.

Đến thời Tây Tấn Nam Bắc Triều, giới đạo-sĩ càng có nhiều nhân vật thông bác y-thuật. Những tên tuổi và những khuôn mặt cực lớn của Trung-Y, như Cát-Hồng, Đào-hoằng-Cảnh, Ân-trọng-Kham v.v... là những đại-biểu.

Cát-Hồng (+ 281 đến + 340) đạo-hiệu Bảo-phác-tử, tác giả *Trửu-hậu bị cấp phương* rất nổi danh trong y-giới, đã từng phát-hiện chứng thiên-hóa (đậu mùa) trước *Rhazès* ở phương Tây đến năm thế-kỷ, đã từng mô-tả bệnh vàng da do gan dưới tên phu-hoàng, đã từng biết khuyên bệnh-nhân tránh ăn muối trong các ca thủy-thũng, đã sáng suốt sử-dụng Nhân-trần, Đại-hoàng trong điều-trị phù nề v.v.., chính người lương-y họ Cát ấy cũng sáng-tác bộ *Thần tiên truyện* mười quyển và bộ *Ẩn dật truyện* mười quyển, cả hai bộ cùng có nội-dung chủ-yếu bàn về những truyện thần tiên, tu luyện, ẩn dật.

Đào-hoằng-Cảnh (+452 đến +536) cũng là một y-sư môn-đệ Lão Trang. Giới nghiên-cứu quốc-tế có khi gọi tiên sinh là Leonardo da Vinci Trung-quốc, vì họ Đào vừa là một nhà toán-học, vừa là một nhà thiên-văn, vừa là một thần bút, một nhà luyện đan, một dược-sĩ, một y-sĩ. Thuở bé, rất ham mê đọc bộ Thần tiên truyện của Cát-Hồng, lớn lên Đào-hoằng-Cảnh đã từ quan để sống ẩn-dật và bốc thuốc chữa bệnh nơi dãy Mao-sơn. Chính Đào-hoằng-Cảnh đã viết lại bộ *Thần-Nông Bản-thảo-kinh*, được xem là bộ sách dược-liệu-học đầu tiên của Đông-Y.

Một khuôn mặt đạo-sĩ kiêm y-sĩ rất đẹp khác là *Tôn-tư-Mạc* (+ 581 đến + 682), thời niên-thiếu đã đam-mê cái học của Lão-tử và Tuân-tử, lớn lên không chịu ra làm quan với nhà Tùy cũng như nhà Đường, mà ẩn-thân trong dãy núi Thái-Bạch để luyện khí công và nghiên-cứu y-thuật. Sống hơn trăm tuổi, và sau khi chết được tôn vinh là Tôn Chân nhân (1), Tôn-tư-Mạc là tác-giả bộ

(1) Huard P. et Wong M. — Souen Si-eu — miao, médecin ermite. *Bulletin de l'Académie de Médecine*, Paris 1959 et *IIIè Journée d'Acupuncture*, pp. 23-31.

Thiên kim dực phương, đến nay vẫn còn ảnh-hưởng sâu rộng trong y-thuật của Đại-Hàn, Nhật-Bản, Việt-Nam v.v...

Nhìn chung, các danh-sư y-học của Trung-Hoa qua các thời-đại đều có đạo-hiệu, theo đúng tinh-thần Lão Trang. Ta đã thấy Cát-Hồng mang đạo-hiệu là Bảo-phác-tử, Đào-hoằng-Cảnh hiệu là Hoa-dương-tử, Tôn-tư-Mạc là Diệu-ứng chân-nhân. Những danh-tính lớn khác của Trung-Y cũng không thoát thông lệ ấy : Vương-thúc Hòa là Thái-ất tử, Hoàng-phủ-Mật là Huyền-án-tử, Vương-Băng là Huyền-Băng tử, Chu Đan-Khê là Xung-chân tử v.v...

Ở Việt-Nam, biệt-hiệu *Lãn-Ông* của *Lê-hữu-Trác* không phải là không có liên-hệ đến Lão-Trang. Cái phong-thái mệnh-danh là lười biếng của tác-giả *Y-tông tâm lĩnh* là phong-thái nhuốm ít nhiều mầu sắc vô nhi vô vi, hiểu theo nghĩa tích-cực, bởi tuy tự xưng là ông già nhác nhớn nhưng lại đã tự nguyện không quản-ngại gian-lao vất-vả, đêm khuya mưa gió, tuổi già sức yếu, từng đi bộ hằng hai ba mươi dặm để đến chữa cho bệnh-nhân ở huyện Nghi-xuân, hay băng núi Thiên nhẫn trong đêm khuya sương lạnh để cấp-cứu người ốm ở huyện Nam-đàn mà không hề phàn-nàn khó-nhọc. Lười biếng mà khi chính mình đau ốm, bệnh-nhân cần đến hỏi thuốc xin đơn, vẫn vui-vẻ nghe bệnh bốc thuốc :

«Cố nhân đắc bệnh hỷ dư nhàn,
Ngã bệnh kinh tuần nhủng cánh gian,
Môn ngoại hữu thanh tri vấn dược,
Sàng đầu vô khách thủy khai nhan...»
(*Bệnh trung liệu bệnh*) (1)

Ảnh-hưởng Lão giáo sâu rộng đến nỗi ngày nay, đối với người Tàu, cái hồ-lô của giới đạo-sĩ đã trở thành biểu-tượng cho ngành y-dược vì chuyện xưa kể rằng đời Đường, có vị tiên tinh thông y-học là Lữ-đồng-Tân, một trong bát tiên, luôn luôn mang theo mình một cái hồ-lô chứa nhiều thần dược để cứu người.

Ngay trong lối sống hằng ngày, chung đụng với mọi giới đồng-bào, người lương-y vẫn có những thói quen nhỏ nhuốm màu Đạo-giáo, mà có khi chính bản-thân họ cũng không ngờ. Người viết loạt bài này có quen một danh-y người Trung-Hoa ở Chợ-lớn. Lúc nào đến chơi, ông ta cũng thay áo chải tóc rất trịnh-trọng để tiếp đón. Chúng tôi, qua mọt vài lần tiếp xúc, nhận thấy y-trang của vị lương-y này tỏa ra một mùi hương nhẹ khá lạ, chắc chắn không phải là long não. Hỏi ra mới biết là ông ta dùng một vị thuốc, vị *Đỗ-hành* (2) để ướp hương trang-phục theo đúng tác-phong của những nhà đạo-sĩ các thời viễn cổ.

Nhưng có lẽ ảnh-hưởng tông-phái Huyền đồng sâu nặng nhất và hữu ích nhất đối với người lương-y

(1) Đại-ý nói về chữa bệnh người trong khi mình đang ốm. Người xưa đau ốm thì được nghỉ yên. Đến lúc mình mệt thì lại bận tíu tít.. Ngoài cửa nghe có người gọi hỏi thuốc. Bên giường chẳng có bóng khách quen..»

(2) Có lẽ là *Asarum Blumei* Duchart.

phương Đông là về khía cạnh tinh-thần.

Trước hết và trên hết, kẻ thông hiểu Đạo, biết rõ *lẽ tương-đối* của mọi sự mọi vật, cũng như tính cách tương-đối của trình-độ hiểu biết của mọi người, nên dễ có lòng bao dung và từ đó, dễ có đức công-bình. Vì lẽ «*Tri thường dung, dung nãi công*» : biết đạo «thường» thì bao dung, bao dung thì công bình (Đạo-Đức-Kinh).

Cho nên người lương-y thấm-nhuần tinh-thần phương Đông là một gương sáng về thuật xử thế theo lẽ phải, theo đạo Trung dung. Bởi biết rõ hơn ai hết rằng mình chỉ là một mảnh vụn tri-thức giữa sự sống và sự chết, bởi tâm-niệm rằng tất-cả sự thật khoa-học đều chỉ là tương đối trong không-gian và nhất là trong thời-gian (dĩ nhiên là theo lối diễn-tả của chúng ta ngày nay), huống hồ cái biết của mình, do lý-trí, chỉ là tiểu tri, biết một cách vụn vặt, phiến diện, cho nên *không bao giờ người lương-y khẳng-định chỉ có tri-thức, chỉ có y-thuật của mình là đúng*. Nhưng không phải cái biết của người y-sĩ chỉ hạn hẹp trong phạm-vi nghiệp-vụ. Trái lại :

«*Nho Y Lý Bốc đạo đời,*
Bao nhiêu pho sách đều nơi bụng thầy» (1)

Hơn thế nữa, tinh-thần Lão Trang muốn rằng người thầy thuốc, tuy biết nhiều nhưng vẫn phải luôn luôn nhã nhặn, khiêm cung, và nếu cần, nên tỏ ra như chẳng biết gì : «*Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư*» (Đạo-Đức-Kinh) (2). Mặc dầu cái biết là cái biết uyên-bác, mặc dầu cái học là «học cho thấy Đạo thì lòng mới an», nhưng bao giờ cũng phải lòng nhủ lòng là cái học ngày hôm nay, ngày mai chắc chắn sẽ phải thay đổi rồi, bởi *tệ tắc tân* (3), như lời Lão-tử dạy.

Ta thấy ngay rằng tinh-thần đó không những tạo cho kẻ sĩ phương Đông nói chung, cho người y-sĩ cổ-truyền nói riêng, một nhân-quan hết sức rộng lượng và khoáng-đạt, mà còn vạch cho người thầy thuốc một đường hướng tư duy rất khoa-học. Chúng tôi sẽ trở lại với khía cạnh nầy trong phần tổng-kết.

Chính bởi ý-thức rõ rệt rằng cái biết của mình chỉ là cái biết hết sức tương-đối cho nên người thầy thuốc luôn luón sẵn-sàng cộng-tác với các đồng-nghiệp, tuyệt nhiên không hề dè dặt, ngần ngại. Người lão y họ Đô nơi ngọn Dương sơn trong tập Y dương án của Lãn ông, vui vẻ nhờ bạn chữa giúp bệnh-nhân «của mình» không hề là một trường-hợp cá-biệt. Trong thực-tế và trong y-sử, giới thầy thuốc cổ-truyền không hiếm kẻ giống họ Đô.

Thoát khỏi được cái chủ-quan hạn-hẹp, cứ tưởng rằng chỉ có mình là đúng là hay, chỉ có tri-thức của mình là đáng đề cao, còn bao nhiêu

(1) Nguyễn-Đình-Chiểu. Ngư tiều vấn-đáp y-thuật.

(2) Biết như con trống, làm như con mái.

(3) Cũ quá thì đổi mới.

những tri thức khác đều là cặn-bã (!), thừa thải, xử sự sao cho khỏi mang tiếng là người «trí» mà lại «mê to» (*tuy trí, đại mê*), thực tình đâu có phải dễ !

B.— Giao-lưu y-sĩ bệnh-nhân

Thái-độ đối xử với người bệnh và quan-điểm phục-vụ của người y-sĩ bao gồm một số nguyên-tắc đã được quy-định thành văn trong các tài-liệu nghĩa-vụ-luận hoặc được tập-tục, lễ-giáo, văn-hóa vạch rõ. Đây là một điều chung nhất cho tất-cả các nền y-lý, và vì vậy, không còn thuộc phạm-vi bài này.

Nhưng riêng trên căn-bản tư-tưởng Lão Trang, mối giao-tình lương-y bệnh-nhân theo Đông-Y có một số điểm khá đặc-biệt.

Thực vậy, Lão-giáo trước hết là một thực-nghiệm hiện thực, và trong trường-hợp chúng ta đang bàn ở đây, là thực-nghiệm về những gì thực sự xảy ra giữa thầy thuốc và người ốm. Dưới cái nhìn của Lão Trang, trước hết y-sĩ là kẻ bảo chủ, là *palladium* của một vốn liếng tri thức mà người bệnh tin-tưởng, hầu mong được chữa khỏi. Thứ nữa, người thầy thuốc phải xây-dựng nền móng kiến-trúc hiểu biết ấy trên chính bản thân mình, lấy bản-thân làm cột trụ, làm chứng-dẫn cho tầm hiệu-năng của vốn liếng tri-thức.

Bởi vì bệnh-tật được quan-niệm như là một trường-hợp bế-tắc, trở-ngại trong sự lưu-thông của khí huyết nhưng sự bế-tắc ấy không phải chỉ dản-dị, đơn-thuần xảy ra nơi cơ-thể của người bệnh mà thôi; trái lại, chính sự can-thiệp của ngoại-giới — ngoại-giới ở đây bao gồm cả tha-nhân — vào đời sống cá-nhân của người bệnh đã tiếp tay cho đau ốm hoành-hành, cho nên thiên chức người thầy thuốc là lấy sự can-thiệp hữu-hiệu, hữu-ích, hữu-lợi của mình để thay-thế cho tác-dụng xấu hại của ngoại môi. Do đó, người thầy thuốc là một thể-loại bảo-chứng tốt, một giới-chức hành nghề bảo-tiêu có uy-tín, vận-dụng sự *hiện hữu* của chính mình để tạo lập an-ninh cho người bệnh, giúp người bệnh chiến thắng tà khí, lầu trở lại con đường *trung dung*, khả dĩ sống đúng theo cùng thiên nhiên, bởi yếu-chỉ của nghiệp y vốn không ngoài phương-châm «*Đạo pháp tự nhiên*» (Đạo bắt chước tự nhiên).

Nhưng sự giao-lưu y-sĩ bệnh-nhân ấy là một sự giao-lưu *động*, và đây chính là một trong những bản sắc mấu chốt của Đạo giáo, nhìn dưới khía cạnh thực nghiệm hiện thực. Do nơi sự kiện thời-gian được quan-niệm không phải như một yếu-tố lý-thuyết, mà là một phạm-trù gắn liền một cách cụ-thể với không-gian trong đó sự việc xảy ra cho nên thời-gian theo tinh-thần Lão-giáo là một thời-gian thực-tế, khiến ta có thể tác-dụng lên *cái sau tức thời*, tức là thời-gian kế-tiếp ngay sau khi vừa xảy ra một biến thiên của khí huyết, vì chính thời-gian ngay sau khi vừa xảy ra biến thiên bất thường ấy mới là đối tượng của sự cộng-lực thầy thuốc bệnh-nhân, xuyên qua công việc và

niềm tin tìm thầy chạy thuốc. Nhưng vì sự lệch-lạc, sự bất quân ấy xẩy ra trong quá khứ tức-thời và vì sự đối-phó, chiến-đấu chống lại bệnh-tật qua ảnh-hưởng của thuốc men cũng chỉ có thể xẩy ra trong tương-lai tức thời cho nên khoa-học và nghệ-thuật xem mạch kê toa của bậc lương-y cũng phải *gắn liền với tình trạng đổi mới liên tục của hiện thời tương-đối* theo đúng tinh-thần cực-kỳ sinh động của triết-học Trang Lão.

Phương Đông không tự đặt ra những bài toán về Thượng Đế, về Hóa Công, mà điều bận lòng chủ yếu đối với tiền-nhân chúng ta là vũ-trụ hiền-xuất, với Con Người là một yếu-tố ; là sự tìm tòi học-hỏi những qui-luật tổng-quát của vũ-trụ ấy, của cái cõi hoàn-vũ đã tạo sẵn ra rồi.

Có những gì trước khi có vũ-trụ, sau cái chết sẽ là gì, những điều đó có vẻ không mấy quan trọng, bởi chúng ta không thể trả lời cho những câu hỏi loại ấy. Vì lẽ sinh và tử chỉ là những hiện-tượng xuất-hiện hay ẩn một, những hiện-tượng tất nhiên đến tàn-nhẫn trong sự vần xoay của thiên-nhiên, có lẽ phải nói là cần-thiết cho sự vần xoay ấy nữa là khác... Dầu sao đi nữa thì

«*Cái quay búng sẵn trên trời,*
Mờ mờ nhân-ảnh như người đi đêm»,

cho nên hóa ra ở đây chết thực cũng chẳng còn là chết nữa... Nhưng lại là một vấn-đề khác mất rồi.

Vậy thì chiến-đấu chống lại bệnh tật và tử vong cũng chỉ là một hành động rất tương-đối trong thời-gian và không-gian. Có lẽ vì vậy mà mối giao-tình thầy thuốc người bệnh trong nền y-lý cổ-truyền Đông-phương có một nét đặc-thù : thân-chủ chỉ trả thù lao cho lương-y khi nào bệnh đã khỏi hẳn. Trong phong-tục, tập-quán y-khoa của dân-tộc ta, đây có vẻ như là một tập-tục thực nặng tình người. Chẩn mạch, bốc thuốc rồi ra về hay chờ đợi, để đến hôm sau lại chẩn mạch bốc thuốc nữa nếu cần. Gạo, nếp, tiền, trà sẽ đến sau, có thể và thông thường là do chính người bệnh thân hành mang đến, dĩ nhiên là khi đã «thân-hành» được, nghĩa là đã khỏi. Người lương-y sẽ hưởng trọn vẹn niềm vui và vinh-hạnh nhận những đền bù tương-xứng với công lao và chất xám của mình. Sao ở đây, có một mối dây khắng khít với từ honoraires trong Tây-Y quá đi mất...

TRẦN-VĂN-TÍCH
Sg 06. 02. 1974

Kỳ tới.— Điều dưỡng nhiếp sinh.

Cụ PHAN VĂN TRƯỜNG với tập Hồi ký «Một chuyện âm-mưu người An-nam ở Paris»

Tên tuổi nhà cách mạng Nguyễn An Ninh được gắn liền với tờ báo La Cloche fêlée. Tờ báo do ông Ninh chủ trương gây một ảnh hưởng sâu rộng trong quảng đại quần chúng trong bốn năm từ 1923 đến 1926. Đây là tờ báo công khai chống thực dân Pháp, do những người trí thức VN du học Pháp trở về chủ trương. Ba cây bút đã tạo cho tờ La Cloche fêlée một thế đứng vững mạnh trong cao trào kháng Pháp : đó là Nguyễn An Ninh, Phan văn Trường và E. Dejean de la Bâtie.

Sách báo đã nói nhiều về chí sĩ họ Nguyễn. Nhưng còn Phan văn Trường, cho đến nay ít được đề cập tới. Sở dĩ như vậy là vì các bài báo hoặc tác phẩm của cụ đa số đều viết bằng Pháp văn. Chẳng những cụ đóng một vai trò quan trọng trên đất Pháp vào đầu thế kỷ 20 này, khi cụ Phan Châu Trinh sang Pháp cũng như các nhà ái quốc khác đòi độc lập trên đất Pháp, mà cụ Trường còn đóng góp công lao không nhỏ vào làng báo Sàigòn trên đường cách mạng chống ngoại xâm.

Cụ Phan Văn Trường, người chiến sĩ của làng báo Saigon.

Tài liệu nói về cuộc đời tranh đấu của cụ Phan văn Trường thật hiếm. Chúng tôi chỉ thâu lượm được một vài chi tiết về đời cụ trên tờ La Cloche fêlée và tờ L'Annam là hậu thân của tờ La Cloche fêlée.

Cụ Phan quê ở Hà-nội, lớn lên trong một gia đình khoa bảng. Cụ sang Pháp du học, đậu bằng Tiến-sĩ Luật-Khoa thuộc Đại-học đường Paris và sau đó làm Luật sư Tòa Thượng-thẩm Paris.

Tại Pháp, cụ thường liên lạc với Nguyễn-Thế Truyền, Phan Châu Trinh Nguyễn Ái Quốc. Cụ còn giao du với các chánh khách người Pháp, nhứt là các chánh khách có khuynh hướng xã hội. Tại Pháp, chính cụ Phan văn Trường dịch quyển « Trung-kỳ dân-biến thỉ-mạc-ký » của cụ Phan Châu Trinh ra Pháp văn để tố cáo trước dư luận Pháp những hành động bạo tàn của chế độ thực dân và để vận động với Hội Nhân-quyền làm áp lực với Chánh-phủ Pháp trả tự do cho các chí-sĩ bị bắt sau vụ kháng sưu năm 1908. Sau này cụ Phan văn Trường đăng lại bản Pháp văn tập cáo trạng này trên tờ La Cloche fêlée kể từ số 35 ra ngày 1/2/1926.

Cuối tháng Giêng năm 1924, cụ Phan văn Trường về Sài gòn. Nên ghi nhận thêm tờ La Cloche fêlée do Nguyễn An Ninh làm Giám đốc, số 1, ra ngày 10/12/1923, báo quán đặt tại số 29 đường Pierre Flandin nay là đường Bà Huyện Thanh Quan. Tờ La Cloche fêlée ra được 19 số thì cụ Phan văn Trường làm Giám đốc. Số 20 ra ngày 26-11-1925, báo quán

dời về số 273 đường Espagne, nay là Lê Thánh Tôn.

Trên số báo 20 này, E. Dejean de la Bâtie viết lời giới thiệu nồng nhiệt về cụ Phan văn Trường. Dựa theo lời giới thiệu, ta biết cụ Phan uyên thâm cả Tây học lẫn Hán học, con người mà Nguyễn An Ninh cho là «Đông Tây hòa điệu». Những bài báo chống chế độ thực dân do cụ Phan viết đăng trên tờ La Cloche fêlée cũng như trên tờ L'Annam có một bút pháp tinh vi, sắc bén. Hai tác phẩm quan trọng của Phan văn Trường viết bằng Pháp văn là «Essai sur le code Gia-Long (Khảo luận về luật Gia Long) và «Droit pénal à travers l'ancienne législation chinoise» (Luật hình xuyên qua luật lệ cổ Trung hoa). Ngoài ra cụ còn có hai tác phẩm viết bằng Việt văn: Pháp luật lược luận» và «Vấn đề giáo dục người An nam.»

Trước khi viết cho tờ La Cloche fêlée, cụ Phan văn Trường đã từng cộng tác với tờ Tribune indigène, Echo annamite, Indochine.

Ngoài những bài báo tố cáo những hành động dã man của chánh quyền thuộc địa, cụ Phan văn Trường trên tờ La Cloche fêlée cũng như trên tờ L'Annam đã có những hành động sau đây:

— Vận động ân xá cho nhà cách mạng Phan Bội Châu bị bắt trên đất Tàu đưa về Hà-nội và kêu gọi quần chúng quyên tiền giúp «Ông già bến Ngự»

— Tổ chức đám tang chí sĩ Phan Châu Trinh tại Saigòn và kêu gọi học sinh đi đưa đám tang

— Vận động trả tự do cho Nguyễn An Ninh, Lâm Hiệp Châu

— Tố cáo trước dư luận những mưu đồ đen tối của đảng Lập-hiến.

Tuy nhiên tác phẩm có giá trị nhứt của cụ Phan văn Trường, ghi lại cuộc đời tranh đấu của cụ và của các nhà ái quốc khác, vẫn là cuốn « Một chuyện âm mưu người An-nam ở Paris ».

Chỗ đứng của cuốn « Một chuyện âm mưu người An-nam ở Paris » trong cao trào chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỷ 20, sau khi phong trào Cần Vương tàn lụn, giới trí thức trẻ sang Pháp du học, thay đổi chiến lược đối kháng. Họ chống chế độ thực dân Pháp trên đất Pháp. Ngoài tờ báo Việt-Nam hồn, tờ Le Paria, nhóm thanh niên này còn viết các sách: *Nguyện vọng của dân tộc An-nam, Vụ án chánh sách thực dân Pháp*. Trong nhóm này, chắc chắn phải có tên cụ Phan văn Trường.

Thế chiến thứ nhứt bùng nổ. Chiến trận Pháp Đức diễn ra với cái thế nghiêng về phía Đức. Để tận diệt mầm mống đối kháng ngay trên đất nước của họ, thực dân Pháp tìm cách bắt bớ các thanh niên yêu nước đang hoạt động. Chánh quyền Pháp đặt mưu mô để bắt giam cụ Phan Châu Trinh và cụ Phan văn Trường. Cụ Phan Châu Trinh bị nhốt ở ngục La Santé còn cụ Phan văn Trường bị nhốt ở ngục Cherche-Midi. Sau

nhờ các chánh khách xã hội vận động, hai cụ được thả ra.

Để tố cáo âm mưu đen tối của thực dân Pháp trước dư luận quốc tế và cũng để lột trần bộ mặt thật của chế độ thuộc địa, cụ Phan văn Trường viết bằng Pháp văn cuốn *Một chuyện âm mưu người An-nam ở Paris* với cái tựa Pháp là « Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou La Vérité sur l'Indochine». Tác giả không ghi khởi thảo từ lúc nào nhưng phía dưới « Lời nói đầu » có ghi Paris, tháng 10 năm 1923. Tập sách đăng trên tờ La Cloche fêlée kể từ số 22 ra ngày 3-12-1925 và chấm dứt ở số 49 ra ngày 15-3-1926. Sách đăng làm 20 kỳ, gồm tất cả 34 chương. Mỗi chương đều có mang tựa đề.

Ngay trong lời nói đầu, tác giả viết :

« Những người âm mưu ở Paris !

Người An-nam đến tận Paris âm mưu chống Pháp, tìm cách đuổi người Pháp ra khỏi Đông dương để lập lại độc lập cho cựu Vương quốc An-nam. Người An-nam đã biết và đã mong muốn áp dụng chủ nghĩa dân tộc, quyền tự quyết của các dân tộc, từ lâu trước khi quyền tự quyết này được khai sanh trong 14 điểm nổi tiếng của Tổng-Thống Wilson... »

Tác giả viết tiếp :

« Đây là một chuyện kinh dị, không có thật. Tuy nhiên đây lại là một chuyện thật với ý nghĩa nó công khai hiện hữu và chuyện hiện hữu bởi vì chánh quyền Pháp muốn nó hiện hữu. »

Trong 8 chương đầu, tác giả so sánh xã hội An-nam trước khi bị trị và sau ngày Pháp thuộc. Trong thời kỳ tự chủ, xã hội An-nam dựa vào nhân nghĩa lễ trí tín, người ra làm quan vốn trọng đạo Nho, cho nên thường chuộng nếp sống thanh bần. Kịp khi thực dân Pháp tới, xã hội An nam băng hoại với từng lớp quan lại tham nhũng xuất phát từ lò đào tạo của người Pháp ! Người Pháp lại khinh rẻ người bản xứ, đối xử tàn tệ với người An nam. Ở chương 8, tác giả tố cáo chánh sách ngu dân của chánh quyền Pháp Theo tác giả, người Pháp luôn luôn hô hào đi khai hóa người An nam nhưng trong thực tế chỉ đi bóc lột người bản xứ.

Cụ Phan văn Trường kết thúc chương 8 với một câu thật hào hùng :

« Nếu nước Pháp cứ khư khư từ chối giáo huấn người An-nam và cản trở, không cho người An-nam đi học thì người An-nam sẽ tự học, không nhờ vả nước Pháp và người An-nam học chống lại nước Pháp ».

Tác giả dành trọn chương 10 để nói về công nghiệp của nhà cách mạng Phan Châu Trinh.

Chương 11 đề cập tới vở kịch « Les sauterelles » của Emile Fabre, vở kịch tố cáo bọn phú hào sống phủ phê trên mồ hôi nước mắt của giới lao động. Bọn phú hào đa số là người Pháp, còn thiểu số là người bản xứ được chế độ thực dân sủng

ái. Vở kịch diễn lần đầu tiên tại nhà hát Vaudeville ở Paris, được sự ủng hộ nồng nhiệt của giới sinh viên An-nam du học.

Thực dân Pháp tìm cách trả thù khi được mật báo cụ Phan văn Trường đứng ra thành lập hội ái hữu sinh viên du học lấy tên là « La fraternité ». Hội chưa hoạt động thì chánh quyền Pháp cấm cụ Phan dạy tại trường Đông-phương ngữ (chương 14).

Thực dân Pháp cho tình báo len lỏi vào hàng ngũ sinh viên để theo dõi hành tung hai cụ Phan Châu Trinh và Phan văn Trường. Cuối cùng, cụ Phan Châu Trinh bị bắt nhốt ở ngục Cherche-Midi.

Luật sư Moutet vận động trả tự do cho hai cụ.

Tháng 10 năm 1915, cụ Phan văn Trường đến Toulouse làm thông ngôn cho thợ Annam vừa mộ bên nhà qua. Chẳng bao lâu, nhà cầm quyền Pháp lại làm khó dễ, lấy cớ cụ Phan văn Trường có chân trong nhóm thanh niên An nam « thường phá rối nền an ninh trên đất Pháp ».

Chương 33 là chương quan trọng nhứt. Ở chương này, tác giả ghi lại bài báo đăng trên tờ « Courrier d'Haiphong » ra ngày 30-7-1915. Theo bài báo, hai cụ Trường và Trinh bị bắt vô cớ trên đất Pháp. Nhờ ông Moutet can thiệp cho nên hai cụ mới được trả tự do. Bài báo kết luận ngay trên đất Pháp, đất của tự do dân chủ, lại có người bị bắt oan uổng huống hồ ở thuộc địa, vùng đất đang nằm dưới sự sát sanh của thực dân Pháp.

Tác giả cũng nhắc lại cuộc tranh luận nảy lửa tại Quốc hội Pháp. Cuộc tranh luận này được đăng trọn vẹn trên tờ « Echo annamite » trong hai số liên tiếp ra ngày 11 và 12/2/1295. Nhờ cuộc đối chất này, ta biết ngày 2/11/1923. Toàn quyền Đông-Dương đánh điện qua Pháp yêu cầu không cấp thông hành cho Phan văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc. Lý do là vì tình hình bên Đông Dương bất ổn. Bộ thuộc-địa cho Toàn quyền Đông-Dương biết Nguyễn-Ái Quốc đi Nga với sự bảo trợ của đảng Cộng-sản Pháp, trái lại Luật sư Phan văn Trường với quốc-tịch Pháp, nhà cầm quyền Pháp đành bó tay mặc dầu biết cụ Phan-văn-Trường là một trong những người vận động thành lập Liên-minh liên thuộc-địa (Union intercoloniale) vào năm 1923.

Cũng trong cuộc tranh luận này, Moutet cực lực lên án chánh sách hà khắc của Pháp tại Đông-Dương. Với chánh sách này, theo lời Moutet, chánh quyền thuộc địa muốn bỏ tù ai thì bỏ, không cần xét xử. Moutet còn cho biết vào năm 1906, tại diễn đàn Quốc-hội Pháp, ông đã vận động trả tự do cho vụ Phan Châu Trinh.

Ngày 22/12/1923, mặc dầu bị cản trở, cụ Phan văn Trường vẫn rời Paris xuống Marseille, đáp tàu về Sàigòn. Đúng 11 giờ sáng ngày 14/1/1924 tàu cập bến Sàigòn sau 16 năm ở Pháp.

Chương 34 dành cho phần kết luận với những lời lẽ thống thiết của một

nhà khoa bằng không muốn dùng bằng cấp để vinh thân phì gia mà trái lại muốn dùng cái học của mình để bênh vực quyền lợi của người dân bị trị. Tác giả kết thúc tập hồi ký đăng 20 kỳ trên báo La Cloche fêlée :

«Những sự kiện được tường thuật tự nó nói được lên. Nếu về phương diện vật chất, những sự kiện này mang lại nguy hại cho tôi thì về phương diện tri thức, chúng lại có lợi cho tôi, cung cấp cho tôi những điều hiểu tuật bổ ích về tập tục của nhà cầm quyền Pháp. Điều chắc chắn rằng không có kinh nghiệm thuộc loại này, những người Á châu chúng tôi khó lòng có một ý tưởng chính xác về chủ nghĩa cuồng tín của thực dân.»

LONG ĐIỀN


WILLS
CAPSTAN
Nếu Quí vị thích
hương-vị hảo-hạng
của
CAPSTAN
Quí vị sẽ rất hài-lòng khi hút

• XUÂN TÙNG

Nhân chuyến đi thăm nhà thờ Cụ Huỳnh

Chúng tôi đến Phước-Thạnh quê hương Cụ Huỳnh Thúc Kháng vào sáng 25-9-73 sau những trận mưa dài báo hiệu mùa đông sắp đến. Chúng tôi—tôi và Thành-Tôn—đều đồng ý cần phải tranh thủ thời gian, nếu không, mùa mưa đến sẽ khó lòng thực hiện được ý định, giữ tròn lời hứa với anh Nguyễn-văn-Xuân, là sẽ đến tận nơi thu thập một số tài liệu sống về nhà cách mạng họ Huỳnh (những tài liệu ghi trong sử sách) để đóng góp vào cuốn «địa-phương-chí Quảng-Nam» do Tỉnh hội Cổ-học Quảng-Đà thực-hiện. Chuyến đi nầy, chúng tôi có đèo thêm nhiếp-ảnh-viên Bá-Ngọc, thuộc cơ-sở dân vận Quảng-Tín.

Chúng tôi rời thị-xã Tam-Kỳ hồi 8g15 trên hai chiếc Honda, tiến về dãy Trường-Sơn, dọc tỉnh lộ Tam Kỳ - Tiên phước vừa được sửa chữa sau ngày ngưng chiến, ngang qua các địa danh Cây Sanh, Suối Đá, Cây Cốc... còn vương vất mùi lửa đạn, những cây cầu đổ gục, những xác xe bọc sắt chênh vênh, cánh đồng trơ trụi, một vài khu định cư vừa được tái lập đìu hiu.

Sau non một tiếng rưỡi đồng hồ vượt lối 25 cây số đường núi, chúng tôi đến quận lỵ Tiên-Phước, nơi trước đây vào thượng tuần tháng 9-72 đã thất thủ vào tay Cộng quân và được Sư-đoàn III bộ binh giải tỏa vào ngày 7-10 cùng năm đó.

Vì chuyến đi này «đơn thương độc mã» cho nên chúng tôi đã cẩn thận dọ hỏi tình hình, trước khi tiếp tục. Kỳ nầy, cầu sông Tiên đã được công binh tái lập cho nên chúng tôi đỡ vất vả lội sông ; tuy nhiên, ảnh hưởng của những trận mưa đầu mùa, con đường đất vào Phước-Thạnh thật lầy lội, ngang các cống bị giật sụp, xe phải lội xuống lạch mà qua. Đường càng vào sâu càng vắng song chúng tôi hơi vững tâm khi bắt gặp đây đó vài toán phu công chánh đang chăm chú sửa đường, những chuyến xe thồ đầy nhóc người từ đèo Liêu đổ xuống và trên một đỉnh đồi cao, lá cờ quốc gia bay phấp phới trước một ngôi trường tiểu học cộng đồng.

Nhà cụ Nghè Thạnh-Bình (1) nằm sát tỉnh lộ nối liền Thiên Phước - Hậu Đức, cách đèo Liêu lối 2 cây số, hướng đông chân núi Sơn Ve. Đây thuộc về thôn Thạnh-Bình, xã Phước-Thạnh một vùng mất an ninh kể từ sau biến cố 1963, dân làng lần lượt rời bỏ ruộng vườn tản cư về quận lỵ và mãi đến bây giờ — sau ngưng chiến — một số lớn, nhất là lứa tuổi thanh niên, ban đêm vẫn kéo về Quận, không dám ngủ tại nhà.

Khi chúng tôi đến nơi, kim đồng

(1) Danh xưng mà người địa-phương thường dùng để gọi cụ Huỳnh.

hồ chỉ đúng 10 giờ. Chúng dựng xe bên vệ đường, men theo lối mòn chen giữa đám cỏ ống cao quá gối, qua một sân đất hẹp lọt vào giữa khu vườn xác-xơ mấy gốc chè, tiêu, quế... để vào nhà.

Đây là một ngôi nhà cổ 5 căn, tường mái đã rêu phong. Các gian cửa buồng khoa mất đi nhiều cánh, cửa sổ cũng long, trơ lại mấy khung song ọp ẹp. Ngay giữa căn trung, trước thềm nhà, một bụi bông bụt xum xuê tỏa nhánh, màu hoa đỏ tươi tương phản với khung cảnh u tịch chung quanh.

Chúng tôi bước hẳn lên chiếc thềm vôi đã tróc đi nhiều chỗ. Nhà trống hoang, mùi ẩm mốc vương trong không khí. Dấu tích chiến tranh còn in rõ trên dãy phên lụa gãy gục, những vết đạn lốm đốm trên tường. Không gian im vắng đến lạnh người, nghe rõ tiếng lò-rò gặm cây sục soạt trong một góc cột, tiếng bay vù vù của con tò-vò làm tổ trên xà nhà. Tự dưng chúng tôi nghe lòng bùi ngùi, xúc động lẫn niềm tôn kính như những tín đồ lâu ngày tìm được về Thánh địa.

Người con gái duy nhất ra tiếp chúng tôi xuất hiện sau cánh cửa hông, rụt rè bỡ ngỡ. Qua câu chuyện, mới biết đó là cô Huỳnh-thị-Hồng, con đầu ông Huỳnh-Toản, chắc thúc-bá cụ Huỳnh, kêu Cụ bằng ông chú. Khi chúng tôi trình bày rõ ý định, cô vui vẻ đón mời.

Cô mở rộng thêm mấy cánh buồng khoa cho ánh sáng tràn vào. Nhà trống trơn, không một chiếc bàn, bộ ván ngoại trừ đôi liễn thẻ, nền đỏ chữ vàng, còn s t lại nơi hàng cột trong, màu sơn đã tróc, nét chữ nhập nhòa:

Bạch chiến từ phong ưu đoạt giáp
Hồng lư hậu hỏa ký truyền tàn.

Tạm dịch:

«Văn thay cung kiếm lừng khoa bảng
Lửa đọ vàng son, chói sử xanh» (1)

Bàn thờ cụ Huỳnh đặt giữa căn trung, dựa lưng vào vách, trên một sạp ván dài lâu ngày đã mục. Mặt vách, màu thồ huỳnh của bộ liễn thờ do thợ vôi quét còn lưu vết mờ mờ. Trên chiếc ghế xương ý kiểu xưa xiêu vẹo, chỉ có đôi đèn gỗ tiện, một nồi hương bằng sành đựng mớ chân nhang ám bụi, đặt trước di ảnh cụ Huỳnh, khắc chìm trên mặt một tấm đồng có khung giá gỗ. Chân dung bán thân của Cụ, đội khăn đóng, mặc quốc phục, nét khắc rất tinh vi. Theo lời cô Hồng, bức ảnh đồng nầy là của vị nguyên Quận-trưởng thời đệ I Công-hòa, Đại-úy Nguyễn-kim-Khánh, khi về nhậm chức tại quận Tiên-Phước vào cuối 62, đã thuê thợ khắc và gởi đến tặng nhà thờ để làm kỷ niệm cùng bày tỏ lòng ngưỡng vọng đối với một vị cách-mạng lão thành.

Sau lưng bức di ảnh, trên khám thờ cao bằng gỗ chạm viền tứ phía, có hai hộp hình chữ nhật dựng đứng— hộp đựng sắc chỉ Vua ban, chúng tôi đoán thế — sơn son thiếp vàng loang lổ. (Vẫn theo lời cô Hồng thì đây chỉ là những chiếc hộp trống, giấy tờ

(1) Câu đối mừng Cụ thi đỗ Tiến-sĩ năm 1904. Anh Hồ tạm dịch.



Bàn thờ Cụ Huỳnh Thúc Kháng

bên trong thất lạc từ lâu). Song song với chiếc hộp, xế về phía tay mặt là một tấm biển nhỏ có cán dài, cũng nền đỏ chữ vàng đã phai màu, dựng bờ vào vách, trên chạm 4 chữ hán : *Ân Tứ Vinh Quy* (1) Tất cả chỉ có vậy.

Sau khi xin phép thắp một nén hương trước bàn thờ Cụ, chúng tôi quay sang nói chuyện với cô Hồng, trong khi nhiếp ảnh viên Bá-Ngọc ghi vội một số hình ảnh chung quanh bằng chiếc máy ảnh có gắn đèn.

Qua câu chuyện, cô Hồng cho chúng tôi biết, ngôi nhà nầy do chính Cụ Huỳnh làm cách đây lối sáu, bảy chục năm (2) sau nầy có tu bổ nhiều lần và đến nay được biến thành nơi thờ tự, do chính cha cô — Ông Huỳnh-Toản, cháu thúc bá cụ Huỳnh — lo hương khói. Sở dĩ vậy vì cụ Huỳnh tuy hai vợ nhưng đời trước chỉ có hai người con gái—cô Xuân Lan và Thu Cúc— đều chết sớm khi mới lấy chồng, mà những người chồng đến nay cũng không còn nữa (Một người là Ông Lê Nhiếp, chồng cô Thu-Cúc, về sau tập-kết biệt tăm). Dòng họ Huỳnh — vẫn theo lời cô cháu gái — đều sống độc đinh, trải nhiều biến cố, bây giờ chẳng có mấy ai, do đó ông Huỳnh-Toản là cháu gần nhất cụ Huỳnh, phải đứng ra quản thủ ngôi nhà, một số ruộng đất, cùng trông nom tế tự. Hằng năm tính theo âm lịch, mồng một tháng ba là ngày giỗ và ngày 24 tháng Chạp là ngày tảo mộ cụ Huỳnh. Mộ Cụ hiện ở đồi Thiên-Ấn, tỉnh Quảng-Ngãi được trùng tu vào năm 1957.

Những năm trên, khi cuộc chiến chưa bùng nổ ác liệt, ngày tảo mộ và giỗ cụ Huỳnh được tổ chức linh đình, con cháu ngoài nầy đều vào Quảng-Ngãi để viếng thăm mộ Cụ, nhưng sau này, giỗ kỵ chỉ tổ chức sơ sài, riêng việc tảo mộ được ủy cho anh Huỳnh-văn-Thoàn — em ruột chị Hồng và là đứa trai duy nhất trong số 5 người con của ông Huỳnh Toản — hiện là lính công binh đóng gần Quảng-Ngãi.

Được hỏi về tình trạng ngôi nhà thờ trong thời kỳ tranh chấp, nhất

---

(1) Biển do Vua Thành-Thái ban thưởng hồi Cụ đỗ Tiến-sĩ, lúc Cụ 29 tuổi.

(2) Nhà xây vào năm 1903 (Theo HTK tự truyện).

là những ngày địch chiếm vào đầu thu năm ngoái, chị Hồng cho biết, du kích và cán bộ địa phương đã dùng nơi này làm địa điểm tập hợp, tổ chức văn nghệ. Bọn họ trưng dụng bàn, ván, liễn, cửa để xây công sự, chỉ chừa lại bàn thờ của cụ Huỳnh. Khi chúng tôi ngỏ lời hỏi thêm về nhiều chi tiết khác, cô Hồng tỏ ý tiếc và giới thiệu chúng tôi tìm gặp cha cô, hiện đang tham dự hội nghị các vị Chủ-tịch Hội-đồng xã, khai diễn tại văn phòng quận.

Đang nói chuyện, ngó ra sân chúng tôi bắt gặp một thanh niên bận đồ lính, áo bỏ ra ngoài, vai mang súng carbine, từ ngõ tiến vào.

Như nhận ra thoáng bối rối trên nét mặt chúng tôi, cô Hồng liền giới thiệu đó là người em họ chị, hiện là nhân dân tự vệ địa phương. Rồi chị sốt sắng bảo với chú em sang nhà ông Huỳnh Sanh, cựu xã-trưởng Phước-Thạnh mà cũng là cháu họ cụ Huỳnh, mời sang gặp chúng tôi để may ra có giúp chúng tôi biết thêm ít nhiều sử liệu nào chăng? Chàng NDTV quày quả đi liền nhưng một chặp lại quay về, lắc đầu cho biết ông Huỳnh Sanh bận đi thăm ruộng, vắng nhà. Một lần nữa, cô chủ lại tỏ ý áy ngại dùm cho khách.

Chúng tôi từ biệt cô Hồng, sau khi dùng mỗi người một ly nước chè tươi đậm đặc. Ra đến sân, không ai bảo ai, chúng tôi cùng đứng quay lại, nhìn một lần chót nơi thờ tự cụ Huỳnh, di tích cuối cùng còn lưu lại của một con người vào tù ra tội, dùng nghị lực và lòng yêu nước để tranh đấu phục vụ quê hương, dân tộc, đến khi nhắm mắt, nắm xương cũng gởi tại quê người. Chúng tôi đứng lặng cúi đầu, lòng bỗng nghe chua xót — cái mặc cảm tội lỗi của những kẻ đến sau bất xứng — trước cảnh điêu tàn, vắng lạnh kết thúc một cuộc đời.



Nhà văn Xuân-Tùng và nhà thơ Thành-Tôn mang tấm hình cụ Huỳnh.

Chúng tôi trở về quận lỵ nhưng phiên họp vẫn chưa tan. Nhà thơ Thành-Tôn xin phép vào «móc nối» và được ông Huỳnh-Toản hẹn gặp buổi trưa.

Tại một quán nhỏ, trưa hôm đó, bên tách cà-phê tỏa khói, ông Chủ tịch Hội đồng xã Phước-Thạnh — (con người đã từng ra ứng cử dân-biểu đơn vị địa phương vào thời đệ I Cộng-hòa, dẫn đầu số phiếu đến 90% nhưng đành phải chịu thua, nhường ghế lại cho người của

Trung ương đề cử, trước âm mưu «tráo phiếu, cạo sửa biên bản» vào phút chót của nhà đương quyền sở tại) giản dị trong bộ kaki, ông đã cùng chúng tôi tâm sự :

— Ông chú tôi tên thật là Huỳnh-Hanh, sau đổi thành Huỳnh Thúc Kháng, tự Minh-Viên. Điều tôi rất buồn là tộc họ Huỳnh về sau nầy, trải nhiều dâu biển, đang trên bước suy vi. Nhân số toàn tộc hiện lối 200 người, nữ nhiều, nam ít, người khá chẳng còn ai.

Tôi là cháu gần Cụ nhất, đã từng theo Cụ suốt 10 năm, thời kỳ làm báo *Tiếng Dân*, bây giờ phải đảm đương việc tế tự cho vợ chồng và hai người con Cụ. Di sản để lại ngoài ngôi nhà, còn 1 mẫu 3 đất và 2 mẫu 4 vườn, do chúng tôi canh tác để lo việc giỗ đơm. Riêng rừng quế dưới chân núi Sơn Ve, lâu ngày, nay thành hoang địa.

Được hỏi về một vài kỷ niệm vui buồn của Cụ Huỳnh, sau một phút trầm ngâm, Huỳnh-Toản trả lời :

— Từ khi ở Côn đảo về (1921) Cụ chỉ nằm đọc sách. Lúc đó, gặp năm đói kém, dân làng đau ốm liên miên. Trong tộc có đứa cháu cảm nặng, các thầy đều chạy, Cụ nghiên cứu sách thuốc, tự chữa lấy, gặp may, đứa cháu lành, tiếng tăm đồn dậy. Từ đó, trong vùng hễ có người đau ốm đều chạy đến nhờ Cụ hốt thuốc. Nghề dạy nghề, lâu ngày Cụ trở thành một ông lang bất đắc dĩ.

Hồi còn ở trong tù, thì giờ rảnh rỗi, Cụ bắt đầu học chữ Pháp bằng cách học thuộc quyển Tự-điển Pháp-Việt của Trương-Vĩnh-Ký. Vì là tự học, chẳng có ai hướng dẫn cho nên mỗi lần đọc chữ Pháp, Cụ ngâm lên như một ông đồ ngâm Đường thi.

Đến đây, câu chuyện hướng về Công-ty Huỳnh-thúc-Kháng mà có một dạo đã xảy ra sự tranh chấp do cụ Võ-đàn-Sơn (quận Tam-Kỳ) đứng đơn, đòi phân chia tài sản, cổ phần :

— Tộc Huỳnh đã ủy cho tôi đứng ra lo liệu vụ nầy. Thật ra, Công-ty Huỳnh-thúc-Kháng hiện nay chỉ còn lại hai cơ sở tại Huế, một hiện do hội «Đồng Châu» dùng làm hội quán sinh viên và một do một tư nhân, ông Tôn-thất-Kh. (Đà-nẵng) thuê cư ngụ. Các cơ sở nầy đều do nhà chức trách địa-phương quản lãnh.

Về phần chúng tôi, tất cả giấy tờ chứng minh đều bị thất lạc, duy có điều may là tại các cơ quan liên hệ, Saigon cũng như Huế, mọi hồ sơ tài liệu đều còn lưu chiếu do chính Cụ Huỳnh đứng tên nghiệp chủ. Vấn đề là phải nhờ luật sư đưa ra Tòa án, nhưng tôi thì năm nay đã 52 tuổi, sức khỏe kém suy, công chuyện lại đòi hỏi nhiều thời gian nhất là nhiều tài chánh...

Ngừng một chặp, ông Huỳnh Toản lắc đầu :

— Thế cuộc thăng trầm, chúng tôi thật chẳng thiết tha gì quyền lợi nhưng sở dĩ đặt vấn đề là chỉ mong tranh thủ một số phương tiện, sớm hoàn thành một ngôi nhà thờ xứng đáng để khỏi tủi vong linh Cụ nơi

chín suối. Đó là ý nguyện duy nhất của chúng tôi từ trước đến nay.

Chúng tôi cùng nhìn lên mái tóc điểm sương của ông Huỳnh-Toản, cảm thông mối ưu tư dằn vặt của một con người mang món nợ tinh thần chưa trả.

Thấy câu chuyện đã tiến khá sâu, anh bạn Thành-Tòn vội lái sang một đề tài khá : văn chương, thi phú của Cụ Huỳnh. Về phương diện này ông Huỳnh-Toản cho biết :

Những văn liệu cũng như thi phú của Cụ khi làm báo *Tiếng Dân* cũng như khi ở trong tù đều lưu lại khá nhiều và đã được ông Ngô-thành-Nhân, khi về làm Quận trưởng Tiên-Phước, thời kỳ mới tiếp thu, sưu tập đầy đủ, và sau này chủ trương nhà xuất bản *Anh Minh* lần lượt ấn hành như các tập «Huỳnh-thúc-Kháng tự truyện» «Thi tù tùng thoại»... Riêng phần tôi cũng gom góp tất cả sách vở, di liệu của Cụ vào một bao tải lớn, cất giữ cẩn thận, tản cư vất vả cũng mang theo, mãi đến năm ngoái, trong đợt Cộng quân đánh chiếm Tiên-Phước, nhà bị thiêu hủy, tài liệu trên cũng ra tro.

Đáng tiếc nhất là có một tập thơ do tự tôi đánh máy, gồm lối 100 bài rải rác của Cụ Huỳnh. Tôi giữ gìn cẩn thận nhưng sau đó, vì là chỗ quen thân, tôi cho ông nguyên Phó Quận trưởng Tiên-Phước Phan văn Diễn mượn. Và cũng trong biến cố năm ngoái, tập thơ duy nhất đó cháy tiêu luôn...

Ông Huỳnh-Toản ngừng lại, giấu một tiếng thở dài sau ngụm cà phê. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi và Thành-Tòn nài nỉ ông cố nhớ lại một vài bài, đọc lên để chúng tôi ghi chép. Ông chấp thuận sau một phút trầm ngâm tập trung tư tưởng :

— Rất tiếc là tôi chẳng nhớ được nhiều, sau đây là ba bài Cụ Huỳnh làm khi bị tù ngoài Côn-đảo, gởi về cho vợ, con và bạn, đều thể thơ lục bát :

Bài cho vợ

Rủi ro lấy đặng chồng khùng
Nhọc nhằn nhiều nỗi trong lòng đắng cay,
Trong nhà khách khứa liền ngày
Bao nhiêu tiền bạc một tay tiêu xài
Phong hầu là việc nói chơi
Đã trông chồng nọ, một đời phải [redacted]
Buồn riêng thử hỏi trăng rằm
Mây mưa ghen ghét mấy năm đặng tròn.

Bài cho con

Vội vàng rẽ bước ra đi
Đứa thời sáu tuổi, đứa thì mới sanh
Nhớ cha trông ngất trời xanh
Dạy nuôi nhờ có mẹ lành gắng công
Bằng nay Quốc ngữ học thông
Tiếng nhà mong nối tiêu đồng khúc xưa
Chưa trai thì gái cũng vừa
Chị em Trưng nữ, tiếng giờ còn thơm.

Bài cho bọn

Đồng bằng núi dựng ba bề
Sông giăng một dải chảy về bề đông
Anh em xưa ở một vùng
Còn kia rừng nọ ta cùng vui chơi
Ô chim một nhánh thảnh thơi
Hay đàn giấc hạc ven trời xa trông
Bao nhiêu vườn quế mới trồng
Sương thu ngạo nghễ, lẽ không cây nào?

Một câu hỏi chót của chúng tôi đã được ông Huỳnh-Toản vui vẻ trả lời, trước khi chia tay từ biệt:

— Giai thoại về cụ Huỳnh kể cũng khá nhiều, duy có một chuyện tôi cho là lý thú. Số là vào mùa xuân năm nay, khi an ninh đã vãn hồi, phong trào chơi số đề du nhập khá mạnh ở Tiên-Phước. Có một nhóm thanh niên tại quận lỵ, tin ở các điều thần bí, nên đã mang nhang đèn, lợi dụng lúc tôi đi vắng, giữa trưa, kéo vào nhà thờ Huỳnh để cầu cơ xin số. Nghe nói lại thì cơ lên, giận dữ phán rằng:

Gạo châu củi quế đến rồi đây
Phải lo canh tác sống qua ngày
Học thói đỏ đen bày ăn cướp
Rồi đây cả lũ sẽ ăn mày

Phán xong, cơ thăng. Cả bọn sợ quá, dẹp đồ nghề, tháo lui. Vậy mà, các bạn biết không? Kỳ xổ đó, có thằng đáng trúng mới là giỏi chớ? Chúng nằm rằng: Cụ Huỳnh cho thơ 7 chữ trong 4 câu (thất ngôn tứ tuyệt) chúng ghép lại đánh thành 74. Quả đúng như vậy, chiều đó lô trúng 500đ xổ ra là 74.

oOo

Chúng tôi từ biệt Thiên-Phước vào buổi chiều, mưa bắt đầu nặng hạt, mây trời vần vũ và khói núi bốc mờ mờ. Qua khỏi suối Đá, ngoảnh nhìn lại, núi rừng đã khép kín sau lưng. Có tiếng trọng pháo từ xa dội lại rền rền như một đợt giông chiều. Tôi thầm hỏi: Liệu có còn dịp nào về thăm lại Phước-Thạnh nữa không?

Tôi chợt nhớ đến nỗi ưu tư của ông Huỳnh-Toản về một ngôi nhà thờ xứng đáng với công tích cụ Huỳnh. Nỗi ưu tư đó — theo tôi tưởng — không phải chỉ riêng của ông Huỳnh-Toản, của con cháu tộc Huỳnh mà còn là của chung đồng bào Quảng-Tín.

Còn nhớ, trước đây vài ba tháng, trong một phiên hội-nghị do Tỉnh hội Cổ-học Quảng-Tín triệu tập để vận động xây cất một nhà thờ Quốc Tổ tại Tỉnh nhà, Đại-tá Đào-Mộng-Xuân, đương kim Tỉnh trưởng, đã đề nghị nên thờ chung các danh nhân, chí sĩ địa-phương: Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng... Đề nghị trên đã được đa số tán thành và một Ủy ban ra đời sau đó để xúc tiến việc tìm địa điểm.

Từ ý niệm đến hình thành, con đường còn dài, nhiều cam go, thử thách, nhưng đây chính là khởi điểm để mọi niềm tin và hy vọng hướng về.

Người chết, cố nhiên không mong như vậy, song chúng ta — con dân xứ Quảng — lẽ nào chúng ta lại chịu để mang tiếng là những kẻ vong ân?

XUÂN TÙNG
(Tam-Kỳ lập đông Quý Sửu)

Lá thư nước ngoài

• MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 29-1-74

Anh Ch.

Bức thư khai bút đầu năm đây, phải chúc cho Bách Khoa mạnh khỏe cũng như các anh chị đều mạnh khỏe để chăm nom cho tờ báo. Tết ở bên này cũng lắm trò không kém gì ở Việt Nam đâu, nơi nào có đông người Việt và người Trung hoa thì phải có Tết. Các nhà hàng bán thức ăn Việt-Nam được chiếu cố dễ sợ. Tôi đi nhìn qua một lần, thấy từng thùng bánh chưng và từng bao hạt dưa. Cứ ngỡ rằng không ai mua nhưng sau Tết là hết sạch, coi bộ làm giàu chẳng khó lắm đâu.

Năm nay «bản chức» mới xuất đầu lộ diện là lần thứ nhất. Chuyện nghe khó tin, vì tôi là một thứ mán rừng quê mùa, thế mà dám đến nhà người ta ở gần suốt đêm. Anh có biết nhà ai không, nhà một gia đình Việt Nam trẻ và có một điểm tương đồng với tôi là mê nhạc. Chủ nhân ông giỏi nhạc vô cùng, chủ nhân bà thì vừa xinh vừa khéo vừa thông minh và cũng am hiểu rất nhiều về các thứ nhạc lý lại có tài hội họa. Có ba cô gái thì hai cô vừa đỗ lên lớp của trường Quốc gia âm nhạc Pháp là một thứ trường rất khó vào. Điệp Lan, cô bé 12 tuổi, học về sáo, vừa thi lên lớp trên đỗ thứ nhì ; cô Nhật 19 tuổi đỗ nhất, cô em là Điệp Trang, học về cương cầm cũng vừa thi xong và cũng đỗ luôn. Sau này nước nhà khỏi lo thiếu nhân tài, nhất là bố mẹ các cô này không bị cái bệnh vọng ngoại ; tức là sinh Tây, chỉ nói tiếng Pháp với con và cho con Âu hóa hoàn toàn. Các cô này đều biết tiếng Việt, đọc sách Việt, ăn cơm Việt. Ngày Tết nhà họ đầy bánh chưng, bà mẹ luôn luôn dặn các con cố học để sau về mà giúp nước. Nghe mát lòng mát dạ chưa, nhất là còn giao hẹn sau này chỉ gả con cho anh chàng nào, ngoài những điều kiện khác, còn phải biết nói tiếng Việt nữa. Cả hai ông bà đều mê Trịnh Công Sơn, nhà có cả chục băng nhạc của ông nhạc sĩ họ Trịnh.

Mùng 6 Tết, tòa Đại-sứ mở cuộc tiếp đón đồng bào nhân dịp đầu năm, đông ơi là đông. Có những đôi vợ chồng «giáp tạp», tức là ông Việt bà Pháp hoặc ngược lại, họ cũng đến chia ngọt xẻ bùi với người Việt Nam. Cả những người Âu mê giò chả và chả giò cũng không quản gió mưa đến để thanh toán giúp mấy đĩa giò chả đầy cao như ngọn núi. Lệ thường tôi vẫn ngại đám đông, nhưng ở hoàn cảnh Tết nhất này thì đây là một dịp để cho người ta gặp nhau, hỏi thăm và chúc Tết nhau. Nhờ đến đấy tôi mới gặp được ông Trần Văn Khê, giáo sư cổ nhạc của tôi. Nguyễn Hữu Ba là nhạc Trung, thầy Khê nhạc Nam. « Nhất *note* vi sư, bán *note* vi sư». Thầy trò

gặp nhau mừng như bắt được của. Nói thế chứ giá có bắt được của thị chỉ thêm bực mình, mất công đi tìm người trao lại. Đằng nầy gặp thầy Khê thật vui. Thầy Khê sắp về xứ dấy, chắc lại sẽ có một chầu tiếp tân thân mật đằng Bách Khoa cho mà xem. Nếu kịp thì tôi cũng về báo anh chị một lần luôn, anh chị có sợ không ?

Nói là đi ăn Tết của chính phủ nhưng chắc chính phủ không ngờ là số quan khách đông quá đến thế, có đến ba bốn nghìn người, làm sao nuôi nổi. Tôi chỉ uống được có mỗi một cốc nước và ăn một miếng giò là hết. Chẳng sao, vì sau đó tôi lại được gia đình của ông bà Trần-Đình-Lệ, hai kẻ yêu nhạc mà tôi vừa kể trên, kéo luôn về nhà cho ăn bún bò và nghe nhạc nữa. Anh coi số tôi có may mắn không ? Nếu sau những cuộc họp mặt đông đủ ấy rồi mà về nhà nhìn bóng mình tô đậm lên tường thì buồn biết mấy !

Cũng nhân dịp này đặt câu hỏi, «Sao anh không về ?» Đấy là câu hỏi mà tôi thường hay đặt ra với tất cả mọi người để nghe họ biện bác, bào chữa, và người nào cũng có một lý do.

Hai ông bà Trần Đình này thì chỉ vì muốn các con được học nhạc cho trọn vẹn nên quyết tâm ở lại. Ngày nào hai cô bé ra trường sẽ kéo nhau về. Nghe cũng được, vì có một điều đáng hận nhất là các nước Á châu như Nhật, Trung-hoa Dân-quốc, Đại Hàn v.v... đều có những tay nhạc nổi tiếng qua dành cơm được của Âu-châu, Mỹ châu, còn xứ mình thì vì hoàn cảnh chiến tranh, vì bị một trăm thứ khó khăn, nên người có tài thì không thiếu mà với cái tài ấy, lại chẳng được trau dồi đúng mức.

Nghe họ phân trần tôi cảm thấy mình hơi bất công. Đành là, «Yến tước an tri hồng hộc trí (1), không dám lên giọng phê bình người ta vì biết phận mình chỉ là «yến tước» mà thôi.

Như thế là năm nay tôi ăn Tết đàng hoàng nhất đấy nhé. Giao thừa có đốt hương đến ba giờ sáng, có cổ nhạc của quê hương cho « gây thêm mùi nhớ». Sáng ngày mùng một nằm nhà khóc. Bên này cả từ các nhân viên tòa Đại-sứ cho đến những hiệu bán thức ăn, và những hiệu nào do người Việt làm chủ đều đóng cửa treo bảng nghỉ Tết. Có thể chứ, sau này người Á-Đông sẽ bắt buộc người Âu phải theo chúng ta ăn Tết.

Sáng mùng 2, tôi đi họp báo do ông Nguyễn-Duy-Quang, Đại-sứ Việt-nam Cộng-hòa triệu tập về vấn đề mấy hòn đảo bị Trung Cộng tranh dành. Cuộc họp báo kéo dài một tiếng đồng hồ. Ký giả khen ông tân Đại-sứ người điềm đạm, biết ăn nói. Tuy ai cũng chắc Trung Cộng không chịu nhả mấy hòn đảo đó, vì ngày nay thế giới đang nhiều ưu tư, không muốn chuốc thêm lo lắng nữa, nhưng tôi vẫn thầm nghĩ, biết đâu rồi sẽ có một Lê Lợi, một Trần Hưng Đạo nổi lên đánh đuổi quân Nguyên.

(1) Chim én chim sẻ sao hiểu nổi cái chí của chim hồng chim hộc .

Theo lời tiên đoán của các đồng nghiệp, thì nước Việt-Nam rồi còn được nhắc nhở đến rất nhiều. Ngày nào mà vấn đề Trung Đông lắng dịu. thì vấn đề Việt-Nam lại được đưa ra và cũng sẽ làm tốn hàng trăm nghìn tấn mực, tấn giấy của thế-giới. Nói cho các hiệu ăn và khách sạn ở nhà đừng lo, vì thế nào rồi ký giả thế giới cũng sẽ lại nhào đến.

Noël vừa qua, tôi đi La-mã nghe nhạc đêm Giáng-sinh, nghe chuông mười hai giờ đêm ở Đại Giáo-đường St Peter. Sáng ngày ra còn dậy sớm đi viếng Pompei ở dưới chân núi Vésuve gần thành phố Naple. Mê khảo cổ mà mãi đến ngày giờ này mới có hoàn cảnh đến viếng cái thành phố bị vùi dưới tro của núi lửa Vesuve thật là đáng trách.

Ở Paris có một cái hội của các bà, nếu muốn vào hội phải có đủ ba điều kiện, một là thích về khảo cổ, hai là phải giàu và thứ ba là thích ăn ngon. Mỗi tháng các bà họp nhau một lần để nói chuyện về khảo cổ và để ăn một bữa ăn thật ngon. Xin anh đừng ngờ rằng tôi có chân trong hội ấy nhé, vì tôi thiếu hai điều kiện, điều hai và điều ba. Vì giàu thì nhất định là không giàu mà ăn ngon thì cơm của người Âu, có ngon đến mấy cũng không thể câu được tôi.

Nhưng để nói qua cho anh nghe về cái thành phố đáng tội nghiệp ấy. Năm 79 sau Thiên Chúa, thành phố này bị núi lửa đổ xuống lấp vùi cùng với 30.000 dân cư. Ngày nay còn những cái xác được tro núi bọc kín, người ta đặt vào lồng kính cho du khách xem.

Ngoài ra còn những ngôi nhà, những dãy phố thẳng tắp với đường lát đá, với những cái phún tuyền, nôm na xứ ta gọi là cái "phông-tên" đó. Bao nhiêu là ngôi nhà xây cất rất mỹ thuật của các vị thương gia giàu sang. Nhà nào cũng có một gian phòng bí mật, bên trong vẽ bức "sắc tình họa" để riêng cho các ông đưa người đẹp vào mà... du dương.

Buồn cười nhất là ngày nay chính những gian phòng ấy lại là nơi hốt bạc của mấy chú hướng dẫn (guide). Họ để cho du khách đi xem một mình đã đời rồi mới chạy theo nói rằng có những nơi đặc biệt nhất của cổ thành này mà quý vị chưa xem. Cố nhiên, vì các ông khóa lại, nên ai mà vào xem được. Khi xem xong ra, họ sẽ bắt tay một cái, thế là đủ biểu. Nhìn những bức tranh ấy mới thấy rằng cổ kim đông tây, nơi nào cũng giống nhau. Ngày nay các thứ sách báo mà các ông Việt Nam nhà ta hay mua từ các nước Bắc Âu mang về khoe với bạn bè, cũng chỉ là một sự nhắc lại những gì mà hàng mấy nghìn năm trước con người đã làm rồi. Đi vào trong cổ thành Pompei này tôi có cảm tưởng như tất cả đều đang sống động đâu đây. Có lẽ cũng là một trong những nơi gợi cảm cho con người nhất.

Anh có dịp đi Âu-châu đừng bỏ qua. Ở đấy còn có một hiệu ăn để du khách khỏi mất công đi trở ra ngoài thành, đặc biệt nhất là ở hiệu

ăn này có một thứ cơm nắm theo lối Nhật, bọc một mầu lá đen, loại hải tảo, tức là rau bể mà đến ăn ở hiệu Nhật nào cũng có. Nói để anh thấy rằng, người Nhật họ đi du lịch nhiều đến nỗi hiệu ăn Âu phải học làm món cơm ấy cho họ, điểm thứ hai là không những họ chỉ xem những chốn đô-thị kỹ-nghệ, mà họ còn quan sát cả những nơi cổ thành đổ nát nữa.

Suốt ngày đi trên mấy con đường lát đá, thả tâm tư hướng về những người trên hai nghìn năm trước. Đến chiều về, là hai chân không nổi, vì cũng chạy lên chạy xuống chụp ảnh quay phim như ai. Anh nghe chắc sợ lắm, nhưng ảnh tôi chụp thì bao giờ người cũng hóa khỉ, và cảnh là cảnh bão trên bãi cát, nghĩa là nhìn vào phim chỉ thấy một mầu trắng đục, từng lớp chồng chất như một trận bão cát vậy.

Tôi về Paris gần hai tháng rồi mà đọc chưa xong các thứ tài liệu và báo chí dồn dập trong 4 tháng vắng nhà. Trở lại với cái gác xép tầng thứ sáu : nghèo nàn mà vẫn thích bằng cả trăm lần hơn mấy cái phòng khách-sạn không có hồn ở trên các nước tôi đã đi qua.

Đọc mấy cái tài liệu về cuộc chạy đua của các cường quốc về khí giới nguyên tử hoặc là những cái rớt dãi của chất phóng xạ càng ngày càng chồng chất và có thứ đến trên cả trăm năm chưa hết hại con người. Càng đọc càng ngán, mà ngán rồi chẳng biết phải làm gì. Nghe các sử gia kể lại thì khi mà núi Vésuve bùng nổ, có nhiều người đã sợ hãi chạy ra khỏi nhà với một cái gối ôm che lên đầu, có thế thôi. Nghĩ đến hai nghìn năm sau, nếu bây giờ có xảy ra sự gì thì chắc mỗi người cũng chỉ đến ôm một cái gối che đầu vậy chứ có gì hơn đâu.

Bức thư đầu năm, đáng lẽ phải nói chuyện gì vui cho các anh nghe mà không biết nói chuyện gì bây giờ. Năm nay trời thương nhà nghèo nên không có mùa Đông. Chỉ trừ những vùng cao chứ quanh Paris thật chẳng thấy hình dáng hạt tuyết nào. Chẳng bù hôm đi sang La-mã, xe vừa chui ra khỏi cái tụy đạo Mont-blanc sang bên kia xứ Ý, thôi thì tuyết ngập cả lối đi, khác hẳn bên này núi.

Vì sợ cái nạn thiếu giấy còn đeo đẳng, tôi phải ngừng ở đây, chúc các anh mạnh mà lo cho tờ báo sống.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

BÁCH KHOA SỐ ĐẶC KHẢO PHAN CHÂU TRINH

Sau số này sẽ là số Đặc khảo về Phan Châu Trinh do Hội Khuyến học Đà Nẵng và Bách Khoa hợp tác thực hiện.

Những tài liệu mới mẻ, những hình ảnh độc đáo, các thư tín giao dịch của Cụ Phan Tây Hồ... sẽ được trình bày trong số giai phẩm đặc biệt này, do những cây bút của Hội Khuyến học Đà nẵng phụ trách : Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Nguyễn Thiếu Dũng, Nguyễn Văn Tường v.v...

● MINH QUÂN
Truyện 2 kỳ

... *Giữa vật với người*

Con em út tôi hồi còn là nữ sinh Đồng Khánh thường ao ước sau này sẽ nuôi một con chó berger. Thầy tôi gạt đi :

— Đừng vẽ sự, thầy cho là đứa nào nuôi chó berger, đứa đó là con bất hiếu...

— Thưa thầy, con làm gì đâu mà bất hiếu ?

Em tôi nhẩy nhổm lên như thể là vừa dẫm nhằm tổ kiến, phản đối với giọng hết sức bất bình. Thầy tôi cười :

— Nuôi berger tốn kém lắm, giống chó đó chỉ ưa ăn thịt, thịt bò, ăn mỗi ngày cả ký lô. Thầy đây, cha con đây dễ đã có thịt ăn hằng ngày chưa, mà mày...

— Thầy cứ nói... — giọng em tôi nóng nảy — thầy so sánh kỳ cục...

— Không kỳ đâu, con ơi ! Rồi đây con sẽ thấy lời thầy nói đúng : dân mình nghèo lắm, nhất là dân quê quanh năm ăn toàn cơm nấu độn khoai sắn, thức ăn thì mắm với rau...

Thầy tôi ngừng lại, vấn điếu thuốc lá to tướng, bật diêm đốt hút rồi chầm rãi kết luận rằng đời bây giờ bọn thị dân bày đặt vẽ vời những thói rởm đời, không nên bắt chước, thịt không có nuôi người, thịt đâu đem nuôi chó, phí của trời v.v...

Tôi đứng ngoài cuộc tranh luận, không góp ý. Thuở đó, tôi còn quá trẻ, không hề bận tâm đến những vấn đề thiết thực mà với tôi hồi đó thì là nhỏ nhen, vụn vặt, không đáng kể. Vả lúc đó, tôi lại đang cầm bút làm thơ — không giấu chi các bạn : tôi cũng chấp chới mon men bước vào làng... thi sĩ. Và, hẳn nhiên các bạn cũng biết rằng trong thơ không bao giờ có chỗ cho thịt bò, rau, mắm, sắn, khoai và... chó, dù là chó berger đi nữa. Mấy cái đó phàm phu, tục tử quá đi, sao có thể là thơ được ? Thế cho nên, tôi gác ngoài tai, tập trung tinh thần để gieo vần.

oOo

Không rõ có phải do phần số không mà tôi rất vất vả trong việc nuôi con Từ khi lập ra đình, trong khi các bạn tôi tay bồng, tay dắt thì tôi chôn con tiếp bốn lần !

Lần sau cùng, tôi như hóa cuồng lên, đến nỗi người nhà phải cho tôi thuốc ngủ, nhốt tôi vào phòng trong khi nhà tôi một mình đưa con ra nghĩa địa.

Trong thống khổ tột cùng đó, tôi nốc rượu như bợm nhậu mỗi khi thức giấc, tôi ao ước được quên đi thực tại, bịt tai lại mỗi khi nghe tiếng ai cất lên để chia buồn, và cũng trong mục đích đó, tôi nhất định lấy khăn che kín mắt, không thèm nhìn thấy ai và để ai nhìn thấy mặt mình.

Tôi không khóc. Tôi cố tìm cách ngăn nước mắt lại mỗi khi nó muốn

tuôn ra. Tôi tự dối mình, cho rằng cuộc đời là giấc mộng (hắc do ảnh hưởng các ông văn sĩ thời tiền chiến gây ra) tôi cho là câu chuyện sinh nở, nuôi nấng, chết chóc của con tôi cũng đều là giấc mộng, không đáng kể.

Thuốc ngủ và rượu làm tôi như mụ người đi. Tôi ngỡ là mình có thể quên được trong tình trạng đó. Nhưng không : có những đêm khuya, tôi chợt tỉnh, cảm thấy nhức đầu, chóng mặt dữ dội. Rồi trong bóng tối, tôi quờ quạng theo thói quen và chụp bắt khoảng trống cạnh tôi ; con tôi không còn đó. Sự thực thảm khốc như sấm, l e lên trong đầu tôi, hiển hiện trước mắt tôi.

Tôi không dối mình được nữa : tôi có con, nó đã chết, hiện giờ cái thân thể nhỏ bé của nó đã bị vùi sâu vào lòng huyệt lạnh, sâu thẳm, tối đen.

Tôi như nghẹn thở vì tức tối, thế là tôi vùng dậy bật đèn lên, đi tha thẩn từ trên xuống dưới, phòng trong, phòng ngoài, ngơ ngác tìm kiếm, lục lọi mọi cách vu vơ, vô vọng. Trong trạng thái nửa mê, nửa tỉnh đó, một điều nhắc nhở tôi rõ rệt nhất là hai bầu sữa căng nhẫy, đầy ắp, làm tôi phát sốt lên ; mặc dù quen lệ : cứ đến giờ tôi cho con bú thì chúng tự động chảy ra. Có khi tôi ngủ quên chợt thức giấc vì sữa làm ướt áo, lạnh cả khoảng ngực tôi. Nhưng không thể nào chúng chảy hết nên chúng tích tụ lại, những sợi gân xanh căng phồng lên, chằng chịt bao quanh đôi vú như cái màn lưới bao quanh quả lam cầu. Có khi nom gớm ghiếc như những con sâu xanh biếc. A ! đây là sự thật...

Đột nhiên, bao nhiêu sức mạnh, bao nhiêu cố gắng để quên liền tiêu tán trong chớp mắt. Tôi lảo đảo đi lại giường nằm vật xuống, cái cảm giác nhức nhối, nặng chĩu, tức dội ở khoảng ngực bây giờ lan rộng khắp toàn thân. Song tôi không nằm yên, một tay tôi nâng nhẹ chúng cho đỡ nhức, còn tay kia tôi thò xuống, khua khoắng dưới gầm giường và sau một lúc lâu, tôi lôi ra được một chiếc vớ len mầu xanh còn sót lại.

Dù con tôi đã chết, dù cả nhà tìm cách xóa tan mọi dấu vết nó song hơi hướm nó vẫn còn phảng phất, hình bóng nó còn lảng vảng đâu đây, chưa chịu thực sự rời tôi. Sao họ định giấu tôi, kìa chớ ?

Cầm chiếc vớ trên tay, tôi bật cười khan lên một tiếng, lấy làm thích thú. Trong lúc đó, quá nhọc mệt vì canh giữ tôi mấy ngày đêm liền, họ hàng và nhà tôi đều cũng ngủ say. Không ai nhìn thấy mình nữa, nên tôi đã giở cái khăn che mặt ra. Tôi biết rằng nếu tôi khóc được thì nước mắt sẽ giúp tôi trở lại bình thường. Nhưng tôi đã quyết định là không thèm khóc vì tôi ghét sự lặp lại, sự giống nhau, ghét sự kiên nhẫn, ghét hai tiếng chịu đựng, khinh bỉ hạng người cúi đầu chấp nhận số phận. Nhưng trên hết, trên hết những cái đó, tôi ghét nhất là lòng thương hại, tôi không chịu

nồi ai tỏ ra thương hại tôi. Tôi không muốn, tôi không muốn, tôi muốn hét lên như thế.

Ban ngày, cạnh cái ly và chai rượu, tôi như gửi hồn tận đâu đâu. Nghe thoáng có tiếng ai ngoài cửa, tức thì tôi đi thẳng vào phòng, nằm xuống, vớ cái khăn che kín mặt và giả vờ như đang ngủ. Tôi cố gắng hết sức, nếu không tôi đã vùng dậy, tống khứ khách đi, nói cho họ biết rằng tôi không buồn rầu chi hết, hay là lấy gòn bịt tai trước mặt họ.

Có khi tôi cười lên sằng sặc, tiếng cười làm lạnh cả chính tôi, và tôi thích thú trong sự tự hành hạ mình như thế. Tôi ao ước được điên loạn thật sự để nguôi quên thống khổ, song vô ích, tôi vẫn sáng suốt, tuy là bên ngoài tôi cố làm ra vẻ như người mất trí, cốt để che giấu tâm trạng của mình.

oOo

Trót giả vờ cứng rắn, nhất định không thèm khóc, nên đến một lúc tôi muốn khóc cho vợi bớt nỗi lòng cũng không sao khóc được nữa. Tôi giận sôi lên. Tôi nghiến răng chồm dậy (song vẫn phải dùng hai tay nâng đôi vú và chậm rãi ngồi lên, vì cứ mỗi cử động ngực tôi càng tăng đau nhức) trước khi đó, tôi cẩn thận nhét chiếc vớ vào bao gối. Tôi vặn đèn lên.

Ánh sáng chan hòa khắp gian phòng vắng lặng và tôi nhận ra trong khi bối rối, người nhà đã quên giấu mấy tấm ảnh lồng kính của con tôi đi. Tôi lại gần tường, chỗ treo ảnh, đứng im sững hồi lâu. Trong khoảnh khắc, những ngày qua chợt sống động trước mặt tôi: đôi má hồng hào, cái miệng xinh xắn, đôi gót chân thon nhỏ, làn da non mịn thơm tho, cái nhìn linh động trong sáng, lúc hờn dỗi, lúc vui tươi... Nhất là cái nhìn của con tôi trong y viện khi hấp hối, khi nó, bằng tất cả tàn lực còn sót lại, vận dụng đôi cánh tay bé nhỏ giơ lên định ôm lấy tôi. Ôi! Đôi bàn tay quờ quạng, cứng nhắc vì sinh lực sắp rời bỏ nó—cứ chới với giữa khoảng không một cách thảm thương và cái nhìn thăm thẳm vừa như cầu cứu, vừa như kinh ngạc lẫn đau đớn làm cho cổ và ngực tôi như bị một vòng đai sắt siết chặt lấy. Rồi thì đôi mắt nó dại đi, cái nhìn thất thần, lơ láo mà cái miệng bé nhỏ tôi thường ví với muôn hoa còn cố thì thào hai tiếng «me... me ! ! » nhẹ như một hơi gió thoảng và hai cánh tay buông xuôi xuống giường, bất động. Nhưng nó chưa chết hẳn cho, nó nhắm mắt, hơi thở còn thoi thóp...

Suốt mấy ngày ròng tôi bất lực đứng nhìn con tôi chống chọi với tử thần, tôi đã cạn hết nước mắt rồi Nhưng nỗi thống khổ khi phải chứng kiến cái phút trước khi tắt thở đó thật quả tôi không sao chịu nổi nữa. Hai tay bưng lấy đầu, tôi hét lên một tiếng làm kinh động cả hai dãy phòng, làm hầu hết các bệnh nhân đang nghỉ giấc trưa đều tỉnh phắt dậy; đổ xô đến phòng con tôi, còn tôi thì như một tên tử tù vừa được thoát khỏi phòng giam, lao ra khỏi phòng, chạy thẳng xuống thang

lìu, băng mình ra đường lớn. Lúc đó quả tôi hoàn toàn mất hết tự chủ. Tôi chỉ biết là tôi cần phải chạy trốn cái quang cảnh thê thảm đó, bằng mọi cách. Lạ thay: khi chạy ra đến bãi biển thì tôi hết cảm thấy đau đớn, khổ sở gì nữa. Tôi còn thấy hài lòng, tự khen mình sáng suốt, khôn ngoan nữa chứ. Tôi lầm bầm với mình: «Phải! Tốt! Chạy trốn đi là tốt lắm! Không! Mình đâu có ngu? Ngu gì mà cứ chôn con rồi khóc? Thôi đi! Trông lố bịch, dơ dáng quá, thà chết còn hơn»...

Đến đây, tôi hoàn toàn mờ mịt về những gì xảy ra sau đó. Hình như có tiếng chân thình thịch đuổi theo, hình như có tiếng la lên nữa... Tôi cố gắng mà vô ích: y như một tấm màn đen, dày kịt vừa phủ xuống, che kín trí nhớ tôi.

Cơn giận đùng đùng kéo đến, tôi rướn người lên giật mấy tấm ảnh khỏi tường rồi thong thả quật mạnh từ tấm một xuống sàn xi-măng bóng nhẵn. Mảnh vỡ kêu lên loảng xoảng, chát chúa, chối tai, tôi dùng chân dẫm lên và dùng cả hai tay thọc sâu vào bóp mạnh những mảnh vỡ, tiếng kêu lần này sào sạo ghê người. Tay chân tôi be bét máu, song tôi không thấy đau đớn chút nào mà lại thấy hả hê, thích thú. Than ơi, cơn giận quả có đôi phần lắng xuống trong khi niềm đau cứ cuồn cuộn dâng lên. Tiếng động do tôi gây ra làm cả nhà thức giấc, nhốn nháo, cảnh tượng gần giống như cảnh tượng buổi trưa, khi con tôi hấp hối trong y viện. Thừa lúc mọi người lộn xộn, cánh cửa lớn vừa mở ra, tôi lẹ làng thò tay vào bao gối lôi chiếc ví đoạn phóng tuốt ra đường thoát chạy trong khi mọi người đang còn bàng hoàng, chưa tỉnh hẳn.

Không hiểu làm sao mà tôi lần dò ra đến được nghĩa địa, tìm đến đúng mộ con tôi, mặt đất đẫm sương, mát rợi. Tôi nằm sấp lên đó, với hai bầu sữa căng nhẫy, tức dội và tay chân dầy máu. Tôi ao ước được hôn mê như buổi trưa hôm đó. Song không, tôi mệt lả nhưng vẫn tỉnh táo, không ngất đi được theo kiểu những người đau khổ trong tiểu thuyết hay hạng yếu tim bị xúc động trước một biến cố xảy ra.

Bấy giờ, tôi kiệt sức rồi, mặc ai làm gì tùy ý, không quát tháo, không phản đối. Tôi chịu thua rồi. Tôi cố hành hạ thân xác để trấn áp cái đau tinh thần song tôi biết là vô ích: không gì so sánh được với đau của người mẹ chôn con; không gì bù đắp nổi thay thế nổi cái khoảng trống mông mênh do cái chết của con tôi gây ra, để lại.

oOo

Kể từ đó, tôi ghét sự sinh nở, không bao giờ thèm nhìn một đứa trẻ con. Ngay cả những gia súc nhỏ bé cũng bị tôi ghét bỏ. Tôi ao ước thật tình: đừng bao giờ làm mẹ nữa Ôi! tám năm dài trôi qua, tôi đã tuôn biết bao nhiêu nước mắt... nước mắt và máu... Máu và nước mắt chan hòa... Không có sợ hãi nào hơn, không có kinh hoàng nào hơn, không có hình phạt nào hơn.

Không ! Tôi ngán lắm, kinh tởm lắm. Cùng với những cái chết của con tôi, nhiệt thành, sinh lực cũng như lòng yêu thương, niềm tin tưởng ở cuộc đời dần dần tàn lụi. Nhiều đêm suy nghĩ, tôi cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống như thế nữa. Vì tôi đã trót ra cứng rắn nên trở thành cứng rắn thật sự, trót tỏ ra coi thường cuộc sống nên cuộc sống đối với tôi không còn gì đáng kể. Song tôi vẫn canh cánh bên lòng : tôi đâu có quyền làm khổ người bạn đời của tôi ? Sao tôi không tự rút lui đi chớ ? Bởi đối với tôi thì một phụ nhân không con cái là một đại bất hạnh trong gia đình như mảnh đất khô cằn không có cành cây, bụi cỏ. Phụ nhân không con cái khác gì mảnh đất chết, vô dụng quá đi ! Song ý kiến tôi không được nhà tôi chấp nhận, với anh dù không con cái, người vợ vẫn là người vợ như thường. Tôi tìm đủ cách làm khổ chồng tôi, gây gổ không duyên cớ, cốt để anh chán ghét tôi. Nhưng mọi cố gắng của tôi đều vô ích. Sau rốt, chúng tôi tìm đến một cách giải quyết êm đẹp : anh ấy đi học lại và tôi, tôi trở về quê. Tôi sung sướng không biết bao nhiêu. Vì tôi nghĩ đến đất Sài gòn rộng lớn và bốn năm đeo đuổi sự học tại đây, chồng tôi sẽ có thể dễ dàng gặp một người vừa ý, thay tôi. Còn hiện giờ, hễ tôi vẽ ra cái hình ảnh cô độc của tuổi già không con cái là bị gạt đi, mà tôi thì cho là cuộc đời của đôi vợ chồng không con cái sao mà ảm đạm, tối tăm, buồn nản quá. Thà đừng lập gia đình.

Bốn năm qua, chúng tôi lại sum họp vì nhà tôi quả là một người đàn ông chung thủy, quá ư chung thủy. Để đáp lại chân tình đó, tôi cười gượng nhưng luôn luôn khóc thầm, vì tôi nghĩ đến ngày mai mà kinh hãi, không biết bám víu vào đâu...

Mọi người trong thân tộc và cả những bạn bè đều tìm mọi cách giúp tôi trong thử thách khó khăn sắp đến. Tôi không tin dị đoan, không hề tìm đến thầy bói, lại rất cứng lòng, không hề biết cầu xin bề trên phò trợ, chở che. Ngay cả trong những lúc đau khổ nhất, tôi vẫn không kêu van, than thở, trách móc bề trên. Tôi cam chịu, tôi cam chịu hết. Nếu như cầu xin mà được như ý thì người ta còn cố gắng làm gì và cuộc đời đâu còn mang tiếng là *bể khổ*. Tôi nghĩ thế.

Tuy nhiên, để vui lòng những người thân, tôi chấp nhận những đề nghị nào không làm tôi bực dọc. Chẳng hạn như bà dì tôi khuyên nên nuôi một con chó trong nhà lúc có thai.

Nuôi một con chó thì có gì là khó khăn ? Tôi bằng lòng ngay. Y như giọng người mẹ khuyên đứa con bướng bỉnh, dì tôi nghiêm giọng :

— Con đừng có phỉ báng... mà mang tội, không nên...

Tôi liền cải chính rằng tôi không phỉ báng gì hết, tôi chỉ không thích những hình thức dị đoan, nhất là cầu phúc hay hối lộ kẻ khuất mặt, vậy thôi. Dì tôi tiếp rằng con chó sẽ giữ

giữ cho hai cái bào thai trong lòng mẹ, nó xua đuổi tà ma quấy phá này kia... Điều này thì tôi không tin, nhưng có con chó giữ nhà cũng tốt, hại gì ? Vì vậy, tôi không cãi lại bà làm chi, chỉ với điều kiện là không nuôi chó berger vì tôi cũng bắt đầu công nhận lời cha là... đúng.

Thú thật, lúc đó, tôi vẫn còn giữ cái tính lơ là với tất cả những sinh vật lớn bé nên khi dì tôi đưa nó đến, tôi thờ ơ không nhìn kỹ nó làm gì. Con chó được đặt tên là con Tô, là một giống chó lai, không hẳn như những con Vện, con Mực nhà quê ta mà cũng không cao lớn như loại chó berger, loại chó mà thầy tôi đã bảo « Đứa con nào của ông nuôi giống ấy là bất hiếu ». Bộ lông mầu luộng luốc, nửa mầu cà phê, nửa mầu hạt dẻ, đôi tai to mà thẳng, bốn chân cao, cái đuôi dày kịt khi cuốn tròn như cái dấu hỏi to tướng, khi dựng đứng như loại chó săn sắp tìm mồi.

Dì tôi gọi nó lại gần tôi, nói với nó mà như nói với con người có quyền lực :

— Này Tô ! Chủ mới của con đây ! Phải săn sóc kỹ chủ con nghe ! Bất cứ ngày đêm, con phải coi chừng chủ con, cho đến khi con có *tiểu chủ*, lúc đó, con lại săn sóc cho tiểu chủ. Nghe không ?

Tôi cố gắng để khỏi bật cười nhưng cũng không khỏi cảm động khi nó tuân lời dì tôi, thong thả đến gần tôi và nằm mọp xuống, gác mõm lên chân tôi với vẻ khôn ngoan, hiểu biết.

Dạo đó, nhà tôi vì công vụ, đổi đến một tỉnh miền Nam Trung Việt rất xa lạ, tôi lại vốn dè dặt không giao thiệp chi nhiều, khi rảnh rồi, tôi chỉ xuống bãi biển ngồi nhìn sóng. Hễ tôi quên đi thì thôi, mà nhớ lại nó là nhìn thấy nó cạnh tôi rồi. Nó theo tôi bất cứ lúc nào : tôi đi chợ, đi phố, xuống bếp, ra vườn. Ban đêm, nó nằm trước cửa phòng, ý chừng nó nhớ lời dì tôi căn dặn ? Có khi tôi hơi bực, đuổi nó thì nó cúp đuôi, xuống mà ngẩng mặt lên, nhìn tôi bằng đôi mắt nửa buồn rầu, nửa ái ngại như thể muốn trách tôi đã phủ nhận công lao và bổn phận mà nó đã nhận với dì tôi. Tôi chợt bàng hoàng khi nhìn kỹ mắt nó : linh động, khôn ngoan, tình cảm như mắt của... trời ơi ! ... như mắt của một con người.

Tuy nhiên, dù tôi không tỏ ra mến thương nó, nó vẫn lẽo đẽo theo tôi trừ khi tôi khó chịu, xua đuổi nó. Nó cũng có vẻ không vui, đôi mắt nó thường len lén nhìn tôi, cái nhìn dè dặt, khổ sở như muốn tỏ cho tôi biết rằng tôi hờ hững với nó như thế là sai, nó hiểu hết, tuy nó không nói được tiếng người.

Một hôm dì tôi đến thăm tôi. Hai dì cháu đang đứng trên bãi biển, nó ào tới như một cơn gió lốc, nó mừng rỡ quá mức, cho đến nỗi nó làm dì tôi ngã sóng soài. Tôi giận toan trừng phạt nó, nhưng dì tôi ngăn lại :

— Tội nghiệp nó, con ! Nó cũng như trẻ con, nó mừng dì đó mà !

Con vật lấm lét nhìn tôi, cái mừng sôi nổi qua rồi, nó biết mình có lỗi vội vàng nằm chuồi xuống bên chân tôi như đứa con qui chịu tội, làm tôi khó mà giận được lâu hơn. Cùng một lúc, tôi cảm thấy hối hận vì đã đối xử với nó hờ hững lạnh nhạt lâu nay. Nó đã tuân lời chủ đến ở với tôi mà tôi thì không đếm xỉa gì đến sự hy sinh của nó.

Thấm thoắt, tôi đến ngày sinh. Vừa lo lắng vừa sung sướng bận rộn chuẩn bị, tôi không ngờ là trong những thứ tôi mang đến nhà bảo sinh có cả con Tô.

Trong lúc chờ đợi con tôi ra đời, khi ngừng cơn đau thắc, hễ tôi mở mắt ra là thấy nó đứng — chứ không nằm như thói quen — bên đôi dép tôi, dưới chân giường, mặt nghếch lên, cái đuôi dài cứ hết vẹ vẫy qua phải lại ve vẩy qua trái trong một sự kiên nhẫn đáng thương. Thỉnh thoảng, đuôi nó ngưng ve vẫy, cái nhìn sâu thẳm như dò hỏi, như chia sớt với tôi những gì tôi hứng chịu trong giây phút quan trọng đó.

Những cơn đau thắc nhặt dần lại và bà đỡ ra lệnh đưa tôi vào phòng sinh. Tôi nghe tiếng ồn ào càng lúc càng dữ dội bên ngoài cửa phòng : con Tô nhất định đòi vào trong cho bằng được, may mà có dì tôi ngăn nó, vì nó không tuân lệnh bất cứ ai.

Sợ làm phiền trong nhà bảo sinh, tôi dặn người nhà đừng cho Tô vào thăm tôi mỗi khi có ai đi. Nhưng không ai ngăn nó được. Vì nó biết đường rồi, một mình cất lên đến thăm tôi vào lúc sáng tinh mơ — hình như nó cũng biết là người ta không ưa cho nó lảng vảng vào đây. Buổi sáng, mọi người chưa thức dậy hết, nhân viên trong đó người nào dậy sớm thì bận lo công việc của mình, có khi còn ngái ngủ, hơi đâu mà chú ý đến và xua đuổi nó.

Lọt vào phòng tôi rồi, nó mon men lại gần giường tôi, cái nhìn nó bây giờ chiếu sang con tôi chứ ít khi nhìn tôi nữa. Khi tôi bế con lên cho bú, nó xáng lại gần hơn, nhìn chăm chăm mẹ con tôi, mắt ngời sáng hãnh diện và thích thú, chốc chốc, nó phát ra vài tiếng ư ử trong cổ họng như tuồng muốn reo lên vui vẻ, như muốn nói rằng nó cũng có công nhiều trong việc bảo vệ con tôi từ khi chưa mở mắt chào đời, rằng sự có mặt của sinh vật bé nhỏ mong manh đó cũng là niềm vui của nó nữa.

... 2

MINH QUÂN

SÁCH MỚI

— **Trên chiếc võng đời** *tuyển tập thơ của 10 nhà thơ trẻ, (Xuân Hữu, Trần Hữu Nghiễm, Nguiễn Yên Nam, Dã Tràng v.v...) gồm trên 30 bài thơ do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng.*

— **Trinh thám tài tử** *truyện thiếu nhi của Thanh Châu, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 108 trang loại Hoa Đỏ. Bản đặc biệt. Giá 90đ*

NHẠC ĐỜI

Thơ ĐÔNG TRÌNH

Tuổi ấu thơ tôi dù rất nghèo hạnh phúc
Nhưng âm thanh đời đã nuôi lớn bài ca.
Trong ánh nắng chiều, dưới bóng tre đưa
Lời thiên nhiên cũng mềm như tiếng mẹ.
Những chú dế mèn hòa âm rất khẽ
Khiến con nhện buồn chùng cả dường tơ,
Tôi nằm trong nôi mắt khép rất hờ
Mẹ vỗ bàn tay đều như nhịp phách.
Và lũ côn trùng hẹn nhau trong đất
Có đàn kiến vàng tiếp gạo nuôi quân,
Con mối cánh dài trùm kín gót chân
Và anh ve sầu là người nhạc trưởng.
Tôi nằm trong nôi nghe mùa chuyển hướng
Thời gian đi theo tiếng hát muôn loài :
Giọng rất cao là anh chìa vôi.
Giọng lửng lơ là anh chiền chiện
Con dế con giun giữ phần nhạc đệm
Con oanh con yến tấu khúc xuân vui,
Con quạ con diều kêu tiếng ngậm ngùi
Con cú cầm canh buồn như dấu lặng...

Trời cho đôi mắt để nhìn ánh sáng
Trời cho đôi tai để nhận âm thanh,
Giữa bản nhạc đời tôi đã lớn lên
Lời mẹ ngọt như tiếng đàn thứ nhất.

Ôi quê hương ta có bao giờ mất
Bởi chung quanh đây còn vọng tiếng ca
Bởi trong tim người tiếng quốc thiết tha
Qua bốn ngàn năm vẫn còn nhỏ máu.
Tôi đã lớn lên hồn mơ tiếng sáo
Gởi tình bay theo giọng hát Trương-Chi
Nhưng bóng thuyền say trong chén ngọc lưu ly
Đã vỡ tan vì một dòng nước mắt.

Quê hương ta có những cây đàn biết khóc
Chỉ một dây mà nắn đủ cung buồn
Dưới ngón tay người bão nổi mưa tuôn
Mỗi cái láy là một dòng lệ thắm
Mỗi cái vuốt là một mùa đông xám
Mỗi cái rung làm vỡ một vừng trăng
Có cái gì dội lại mấy ngàn năm
Trên dây tơ đồng hay trong bầu gỗ quí ?

Có những bản đàn phổ lòng thế kỷ
Trong hoàng hôn đã nghe rõ tiếng bình minh
Qua những cung buồn nhạc đã bay lên
Theo nhịp bước chân anh hùng dựng nước :
Nốt nhạc cao sáng ngời ánh thép
Lướt qua đầu thù ngọt những đường gươm,
Nốt nhạc sắc là mũi nhọn tầm-vông
Nốt nhạc tươi là màu cờ chiến thắng
Nốt nhạc hùng là trăm ngọn sóng,
Là cây Trường-sơn đứng thẳng muôn đời
Điệp khúc chung là bốn mùa vui
Mỗi chiếc lá reo là một bàn tay vỗ...
Ôi quê hương ta có cái gì rất lạ
Trong đau thương mà rất đỗi anh hùng
Có nỗi vui riêng cưới tấm lòng chung,
Như tiếng đàn cầm hòa trong tiếng sắt...

Tôi đã lớn lên mang theo tiếng hát
Lời mẹ ru là khúc nhạc dạo đầu
Mỗi âm thanh đã rớt xuống rất sâu
Trong tiềm thức một người ba mươi tuổi.
Bỗng hôm nay các em lên tiếng gọi
Lời rất êm mà quá đỗi thiết tha.
Tôi nhìn các em trong tấm áo đơn sơ
Màu xanh của trời và màu nâu của đất,
Tiếng hát trên môi, niềm tin trong mắt
Các em lên đường chân sáo tung tăng
Mặt trời trên đầu, bóng tối sau lưng
Tiếng hát các em là điềm báo hiệu...

Các em ươm mầm cho cây đời đang héo
Gầy ngọn lửa hồng giữa bóng tối tàn đông.
Tiếng hát các em nối những tấm lòng.

Đà-nẵng, 28-12-73

Thơ tình của người lính

Thơ THI VŨ

Băng đạn cuối
chìm rơi khi qua sông
người lính mệt nhoài nằm ngủ
đầu dựa gốc đa
hàng binh vôi
trắng răng cười cợt
thép súng khô dầu
bụi nước hoen.

Có phải hòa bình vừa nở một bông hoa ?

Trái sáng soi ai
khuôn mặt hiền từ
mát thơm trường mộng
vĩnh biệt trò chơi
chùm nho phẫn nộ

Mặt trời chiều xuống thấp ngang vai

Ngọn gió thổi lên
rừng núi
đưa tin Sông về Biển

Chúng tôi vào thành phố nước hoa
trùng trùng nhụy rụng
lồng đèn chơi vơi
từng giọt ngân nga nao nức buổi chiều
bướm cười khúc khích
ong đậu chờ trăng

«Hãy đi ra
đi ra khỏi nơi nầy
loài người ô hợp
những vũng bùn tư tưởng
những lời ca bầy nhầy

kia con ngựa trắng tặng bầy người đi gấp!»

Về đâu khi chiều tàn?
những bóng Quỳ ghé má trên bóng đêm
thông tiết hương nồng
                    sao ứa sương
                              chờn vờn cỏ đá
mảnh nguyệt xương rồng treo đóa gương soi
Ôi nụ cười Em
nụ cười Em mở hành lang Đêm sâu suốt
bước vào đi
          bước vào đi
                    thăm thẳm khắp trời
và tiếng chim nào như tên vút ghim mây?

. . . .

Hòa bình là một nụ hoa
nở giữa tình yêu và tiếng hát
giông bão cũng thẹn thùng
                    lẩn chóp trốn nhanh

Suốt đời tôi đã hát ca
còn sẽ hát ca
          cho mỗi lần thức dậy
người lính thấy một bông hoa
mang bóng hình Mẹ
mang bóng hình Em
mùi hương cũ
con đường quen
dù mù đui vẫn không lầm lẫn bước
— mỗi chân đi một ân ái dặn dò.

Ôi cho tôi xin thêm muôn nghìn Đôi Mắt
để tôi khóc lớn Niềm Vui
và nhìn quanh
          mong manh bông hoa nhỏ
chưa một lần ngưng nở đã thiên thu

(29. 8. 73)


Nhức đầu
Uống
Budon
TRỊ:-
Nhức răng nhức mỏi đau
lưng đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

Bệnh dịch giấy

Nguyên tác của EERO TOLVANEN
Bản dịch của VŨ MINH THIỀU

Mấy lời của dịch giả.— *Có người nói sau cơm gạo, giấy giữ vai trò quan trọng thứ nhì, tưởng cũng không phải là quá đáng. Có ăn, tất Phải có đọc để nuôi dưỡng tinh thần.*

Truyện ngắn khoa học giả tưởng sau đây của nhà văn Phần Lan Eero Tolvanen đã được liệt vào Tuyển tập các truyện hay thế giới. Ngày trước, ngày sau, bỗng một tai họa xảy ra, biến tất cả các giấy tờ thành tro bụi và cảnh hỗn loạn trên khắp thế giới diễn ra ngay sau đó: các công tư sở ngưng hoạt động, các trường đóng cửa, các chính phủ bị tê liệt vì thiếu giấy. Phần Lan là một nước sản xuất giấy vào bậc nhất nhì trên thế giới nên chuyện này xảy ra đầu tiên ở xứ này thật bao hàm cả một ý nghĩa sâu sắc và châm biếm...

Khi lên tầu đêm về nhà, tôi đã mệt nhiều vì mấy ngày dòng dã làm việc. Mưa thu lâm râm rơi. Thường thường đi cũng chẳng vui thú gì, hơn nữa, tối nay tầu lại chậm, lúc tôi xuống sân ga với bọn hành khách ngái ngủ thì đã quá nửa đêm. Tôi không sắp hàng nối đuôi đợi xe tắc-xi, nhưng quyết định đi bộ về. Tôi kéo cổ áo khoác và dấn mình vào con đường dài cạnh bến tàu.

Trên con đường vắng, một chiếc xe của cảnh binh hiện ra, rồi lại biến mất, trông như một con mèo đen thoắt vụt đi. Từ ngoài biển, một làn sương lan tỏa vào thành phố đượm một mùi khác thường như mùi hôi dầu. Tôi bước vội vã, nóng nẩy về nhà, lăn mình vào giường ngủ. Vả chăng, tôi đã bắt đầu cảm thấy khó chịu về cái mùi này và muốn thoát khỏi làn sương kỳ dị bao phủ mình.

Mùi khó chịu quá, khi mở cửa vào nhà, tôi tưởng như có lửa ắn ỉ ở đâu đây. Nhưng khi lên tới gác chót, vào căn phòng nhỏ của tôi rồi, tôi chỉ còn có nghĩ đến ngủ. Tôi chỉ kịp tháo giầy, ca-vát, rồi cứ mặc nguyên cả quần áo lăn ra giường, định bụng tạm nghỉ một lúc, nhưng rồi tôi thiếp ngủ ngay.

Lúc trở dậy, tôi có cảm tưởng khó chịu như mình ngủ nhiều quá. Tôi ngồi dậy và tìm giầy đi thì bỗng thấy như có sự gì khác lạ ở trong phòng làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Tôi linh cảm thấy có một sự gì đã xảy ra trong lúc tôi ngủ: một việc kỳ dị, có lẽ nguy hiểm nữa. Nhưng việc gì? Tôi mở trừng mắt và chăm chú nhìn xung quanh. Vật tôi nhìn thấy đầu tiên là một đống tro bụi màu xám ở trên sàn nhà. Tôi nhìn lên tường: cũng những vạch dài bụi màu nâu ngang dọc.

Còn sách của tôi: Sách của tôi đâu cả? Tôi nhẩy vội và chạy qua

phòng. Cũng một thứ bụi dầy bám trên các giá sách. Tôi gạt một đống bụi và ngón tay đụng ngay vào gáy da sách mềm nhũn; tất cả một tủ sách đóng gáy da chữ mạ vàng của tôi nay vỏn vẹn chỉ còn có thế. Tôi choáng váng ngồi xuống ghế. Lúc này, tôi lại ngửi thấy cái mùi lờ lợ đã làm cho tôi khó chịu tối qua lúc xuống lầu. Tất cả tủ sách đẹp của tôi biến thành tro bụi. Tay tôi tự nhiên đút vào túi quần: có chiếc ví ở đây. Tôi mở ví. Tôi hy vọng tìm thấy gì trong ví này? Tất cả giấy tờ trong ví cũng biến thành thứ tro bụi khủng khiếp kia. Ngày đầu tháng mới bắt đầu. Tất cả lương của tôi được trả bằng những tờ giấy bạc lớn đều biến hết, kể cả những giấy tờ quý khác.

Tôi càng hoảng hốt thêm khi nghe thấy từ phía đường phố dâng lên, mỗi lúc một ồn ào, một thứ tiếng như dông bão nổi lên. Tôi mở cửa sổ, mùi xú uế kia tạt mạnh vào mặt tôi và lúc này, liên tưởng đến giấy tờ của tôi bị tiêu tan, tôi nghĩ ngay đến một tai biến lớn lao sắp xảy ra. Ở dưới đường phố, mọi người đều ngửa mặt lên trời, và tôi nghe thấy những tiếng nói ồn ào, rồi có tiếng kêu phẫn khích:

— Ngày tận thế rồi!

Trong một thoáng, tôi tưởng như mất trí.

Tôi cạo râu vội vàng, khoác áo và xuống gác. Ở chỗ nào cũng thế, mọi người đều lo lắng hỏi nhau:

— Việc gì xảy ra thế? Thế là nghĩa lý gì? Tai biến gì sẽ đến? Có phải chiến tranh vi trùng không?

Tất cả những câu hỏi đều không được trả lời. Việc mà mọi người đều được chứng kiến là vào khoảng gần sáng, giấy, tất cả những thứ gì bằng giấy, bỗng chốc đều biến thành tro bụi, trong khi đó thì một mùi xú uế lan tràn khắp không khí. Giấy bạc, giá khoán, sách vở biến đi chưa làm người ta kinh hãi bằng sự lo sợ có một thảm họa nào sẽ còn xảy ra nữa.

Từng đám đông tụ họp trước các cửa hàng, ai ai cũng nóng nảy. Một vài cửa tiệm đã mở; các nhà khác cửa vẫn đóng im ỉm. Người nào cũng tỏ vẻ băn khoăn lo sợ. Tất cả những giá trị giao hoán bỗng nhiên rút lại chỉ còn ở số tiền đồng, bạc cắc. Nhưng số này hết đi thì dân chúng phá sản hết và mãi lực đều chuyển cả vào tay những thương gia. Trong một thời đại mà tất cả các giá trị tiền tài đều ghi vào giấy, nên người mua cũng như kẻ bán đều không hiểu sao nữa về cuộc cách mạng tài chính này. Cảnh binh xếp hàng trước các tiệm bán sữa, vì các bà mẹ tụ tập đông đảo, tỏ vẻ hung hăn đe dọa lắm. Giấy bạc có thể biến mất, song con các bà không thể không có sữa được, vì vậy các bà quyết tâm phải có phần của mình.

Tôi qua một tiệm bán thực phẩm và cũng bị đám đông lôi cuốn vào. Ở ngăn để giấy gói hàng cũng chỉ còn một đống tro bụi màu xám. Trên các gói cà-phê, đường, bánh đều rải rác toàn bụi giấy. Riêng chỉ những hộp

sắt, những chai lọ là thoát khỏi cảnh hỗn loạn và rồi bật hẳn lên giữa các ngăn khúc đầy rẫy bụi bặm. Xa hơn một chút, cảnh trí trong một nhà sách mới càng kỳ dị, những lọ hồ và dụng cụ văn phòng bằng nhựa lộ ra giữa một bãi lầy hôi hám của cả một nền văn học nay biến thành tro bụi bết.

Cũng như tất cả mọi người, tôi đi lang thang, vừa sợ hãi, vừa tò mò, xem sự việc còn xẩy ra gì nữa.

Ở ngoài đường, người ta nói chuyện huyên thuyên, không quen biết nhau cũng nói.

Người này nói :

— Giá tôi được một điếu thuốc để hút ! Túi tôi toàn thuốc cả mà không có giấy, mình lại không biết hút píp.

Người khác băn khoăn :

— Thế còn trẻ con biết làm thế nào ? Không có sách vở, trường tất phải đóng cửa.

Người thứ ba bàn :

— Chính phủ chắc phải phân phối thực phẩm.

Một người nữa trả lời ngay :

— Chính phủ chẳng làm gì cả. Không có giấy, chính phủ cũng bị tê liệt

Rồi sau đó, tôi trông thấy Lệ Lan và những tiếng nói xung quanh tôi vụt tan biến vào sự ồn ào. Tôi thoáng thấy mớ tóc vàng của nàng trong đám đông, ở một ngã tư. Một cảm tưởng êm ấm làm tôi vững dạ. Lệ Lan ! Chỉ riêng nàng là đáng kể : tôi cần phải tìm gặp Lệ Lan. Tôi chen vai thích cánh để đến chỗ nàng.

Về đến nhà nàng không phải là dễ. Khi chúng tôi về đến nơi, chúng tôi ngồi yên tĩnh. Tình hình đã đỡ kích thích chúng tôi. Chúng tôi bàn tán suốt dọc đường. Bây giờ, ở trong bốn vách tường, chúng tôi yên tâm. Tôi cảm thấy vậy và nhìn mặt Lệ Lan tôi cũng nhận thấy thế.

Chúng tôi quen biết nhau một buổi chiều kia, cách đây hai tháng, mà nay chúng tôi tưởng như đã biết nhau từ thủa thơ ấu.

oOo

Bây giờ đến lúc chúng tôi phải xếp đặt cửa nhà, việc không phải là dễ gì, vì bụi giấy làm chúng tôi ho và hắt hơi luôn. Nước và điện vẫn có, máy ra-đi-ô vẫn chạy. Chúng tôi quên chiếc ra-đi-ô mãi cho đến khi chúng tôi mở máy. Một thông cáo kêu gọi dân chúng nên bình tĩnh « ... Các bạn sẽ tự giúp mình và mọi người nếu biết trấn áp những sự sợ hãi. Không riêng gì xứ sở chúng ta gặp tai biến. Tất cả thế giới đều gặp những tai họa như thế này ! »

Những lời kêu gọi đó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tất cả những cơ quan cung cấp, phân phối thực phẩm nay đều do chính phủ đảm nhận. Những giấy nghỉ phép trong quân đội và cảnh sát đều bãi bỏ.

Lệnh giới nghiêm được ban hành trong khắp vùng châu thành.

Những sự chuyên chở trên bộ và đường sắt đều ngừng cho đến khi có lệnh mới. Riêng chỉ có xe của quân đội và của cảnh sát được đi lại tự nhiên. Chính phủ trưng thu tất cả vàng bạc lưu trữ và sở đúc tiền ngày đêm làm tiền mới.

Tin tức xôn xao chứng tỏ cả thế giới ở trong tình trạng khẩn trương. Bệnh dịch giấy lan tràn khắp trái đất. Các nhà bác học làm việc suốt ngày đêm nhưng không sao tìm ra được nguyên nhân tai họa này; những lời ước đoán về tai biến này thì nhiều vô kể. Có phải tai họa xảy ra vì một phóng xạ tuyến mới từ khoảng không gian đột nhiên chiếu xuống có lẽ vào giữa lúc quỹ đạo của thái-dương-hệ ở vào một vùng vũ trụ xa lạ mà ảnh hưởng tai hại vừa mới bắt đầu xuất hiện chăng ? Các nhà bác học khác lại đưa ra những suy luận khác. Các chuyên viên, các nhà khoa học của khắp các nước trên thế giới cố gắng chế tạo một thứ giấy hoặc một sản phẩm gì tương tự có thể tránh được những sức tàn phá này.

Trong lúc chờ đợi, tất cả các công tư sở trên thế giới đành hoạt động bằng điện thoại, vì vậy có nhiều sự chậm trễ trong công việc và đâu đâu cũng rối ren. Hàng mấy mươi triệu máy chữ nằm ngủ yên trên bàn. Máy điện tín không dùng được nữa. Tất cả những thứ gì đã viết ra đều biến ra tro bụi. Những người mà công việc phải dùng đến giấy tờ, ngày trước ngày sau, trở nên vô dụng và số này thành một khối lớn lao không sản xuất được gì cả.

Không còn ai có một tờ giấy căn cước. Những giấy khai sinh và những tài liệu hợp pháp cùng những công văn đều bị gió cuốn, tiêu tan hết. Trên toàn thế giới, quyền lập-pháp đều bị tê liệt. Những hồ sơ của các ngân hàng biến thành bụi, mậu dịch không còn nữa ; các loại giá trị như giấy bạc, chi phiếu, cổ phần, văn tự vay mượn của quốc gia hay tư nhân, những khế ước, hiệp ước, chúc thư, những bản thống kê, địa đồ và cả Thánh kinh cũng biến hết.

Lệ Lan và tôi đều làm việc bàn giấy. Nghe tin máy phát thanh báo tin, chúng đến sở cũng vô ích nên chúng tôi không đi nữa. Tiền bạc chẳng làm chúng tôi bận tâm, vì chúng tôi chẳng có tài sản gì ; vả chăng những người khác cũng mất hết của dành dụm trong cả đời mình. Nay chỉ còn một việc đáng kể : thức ăn. Thực phẩm của Lệ Lan, khéo thu xếp cũng chỉ dùng được hai ba ngày thôi. Thế nên tôi định lấy thức ăn của tôi ở trong phòng tôi trước tối nay.

Đường phố còn đông đặc người. Nhiều cửa hàng rỗng không hàng hóa. Mọi người đều dăm chiêu, tức giận. Tôi được tin cảnh binh xả súng bắn vào những người ở thành thị muốn tìm cách về thôn quê. Một giáo sư danh tiếng đã tự vẫn vì thấy những tác phẩm soạn thảo suốt cả một đời mình đều biến ra tro ; một nhà triệu phú thấy của cải mình tiêu tan hết cũng tự ải ; một ông già nghèo nàn mới trúng vé độc đắc

nay thấy mình lại tay trắng cung lăn ra chết liền.

Buổi sớm mai, Lệ Lan và tôi ngồi gần cửa sổ và hàng giờ ngắm đám đông ở đường phố. Trông họ mất tinh thần ra mặt. Đài bá âm báo tin chính phủ hứa hẹn sẽ phân chia thực phẩm, nhưng dân chúng cũng không yên tâm, sự phân chia đã bị chậm 48 tiếng đồng hồ rồi.

Vào buổi trưa, các cuộc rối loạn khởi đầu. Chúng tôi nghe tiếng kính vỡ. Một mặt hàng lớn đổ sụp ra đường. Đám đông đổ xô vào cửa tiệm và cảnh binh vội vã đuổi theo họ. Rồi ở xa hơn, lại có tiếng kính vỡ. Đó là dấu hiệu cuộc phá phách. Kính các cửa tiệm bán thực phẩm đổ vỡ, nhà này tiếp nhà nọ, dưới những làn mưa gạch đá. Người ta bắt đầu cướp ăn.

Tôi còn nhìn thấy một gã lực lưỡng cao lớn, mặc quần áo thợ, ở trong một cửa hàng thịt xấn xổ ra, vác trên vai một phiến thịt lớn. Gã vừa qua ngưỡng cửa thì một bọn đông đồ xô lại, xâu xé miếng thịt gã mới cướp được. Gã dùng miếng thịt như một cái chùy, quay lộn nhưng những kẻ đói khát mỗi lúc mỗi xiết chặt vòng vây và chỉ một thoáng sau, người ta chỉ còn thấy đám đông, người no lôi kéo người kia, những bàn tay co quắp bám vào phiến thịt, xâu xé tan nát ra từng mảnh.

Một tiếng đồng hồ chưa trôi qua, tất cả các cửa hàng đều bị cướp phá. Các tiệm thực phẩm sạch như chùi, đám đông quay ra các cửa hàng lớn. Nhưng ngay lúc này cảnh binh và quân đội đã kịp bố trí sau những hàng rào chướng ngại vật. Tiếng súng lác đác nổ.

Chiều đến, phố xá vắng tanh. Chính quyền đã tái lập được trật tự. Chiến xa ở các đường chính và các công viên, những đoàn quân đeo tiểu liên đi mô-tô tuần tiễu trong các đường phố vắng tanh, rải rác toàn kính vỡ.

Đêm hôm đó, sau khi chặn cửa ngõ kỹ càng, chúng tôi ngồi dựa vào nhau đợi sáng ở trên giường.

Mặt trời vừa ló đã nghe thấy tiếng chiến xa lăn rầm rầm, và mặc dầu cố gắng chúng tôi vẫn thiếp ngủ. Lúc sáng rõ, ở cửa sổ, tôi trông thấy lính đội mũ sắt bận rộn quanh một khẩu đại liên ở góc phố. Bọn thợ điện gắn những máy phóng thanh vào mặt tiền các nhà. Ngoài đường chẳng có ai, chỉ toàn lính.

Tôi vặn máy thu thanh :

«... Theo các điều-lệ đã được ấn định, mỗi nhà sẽ cử một đại diện của mình và vị đại diện này sẽ bầu một vị phường trưởng. Rồi đến lượt các phường trưởng nhóm họp ở từng hộ để tổ chức việc phân phối thực phẩm. Những nơi nhóm họp sẽ được chỉ định sau».

Các máy phóng thanh cũng nhắc đi nhắc lại những chỉ thị này. Tin tức ở ngoại quốc cũng báo cho biết là ở trên khắp thế giới đều có rối loạn và giết chóc. Các đô thị lớn bị tai hại

nhiều hơn các thị trấn nhỏ. Tiếp theo những tin tức này đều có những lời khuyên thực tế, những lời dặn dò những lời cảnh cáo các kẻ phao tin nhảm, những lời đe dọa những kẻ cướp bóc, tàn phá.

Trong thành phố chúng tôi, nhờ sự phát hành một thứ tiền mới, nên sự buôn bán, các kỹ nghệ lại hoạt động được, lệnh thiết quân luật được bãi bỏ, sự hỗn loạn cũng chấm dứt. Nền ngoại thương thì lâu lắm mới trở lại được bình thường vì trước kia trong những sự giao hoán, giấy đã giữ một vai trò quá quan trọng. Thoạt đầu những giao kèo mới đều viết bằng phấn lên bảng đen, hoặc bằng ngòi nóng trên plát-tic, rồi những bản này được chụp hình, và phim gởi đi cho các bên liên hệ.

Những cuốn vi phim ghi lại được coi là những kho tàng quý giá nhất về văn hóa của nhân loại. Khoa học, luật lệ, tư bản bị thiệt hại nặng nề nhất. Trong địa hạt mỹ thuật, ngành sơn dầu bị thiệt ít hơn là văn chương, còn âm nhạc nhờ có ghi âm nên tránh được tai họa.

Rồi ngày tháng qua. Lệ Lan và tôi lấy nhau, về hôn thú không có một giấy tờ gì làm trước pháp luật và mọi người khác cũng vậy. Trong tình trạng mới này, người thì mất uy tín, kẻ khác lại nổi danh. Còn đàn bà, chỉ còn biết soi gương tự định tuổi mình.

Trong thời gian này, biết bao việc đáng ghi nhớ. Sự hỗn loạn cũng dịu dần, và kỷ niệm những ngày qua cũng phai mờ. Tôi không ghi lại được gì vì phấn và bảng đen nay là những vật cần thiết cho một gia đình phải dùng vào các việc quan trọng khác. Mặc dầu đời sống đã dễ chịu, nhưng vẫn có một lỗ hổng không sao lấp được : chúng tôi không có gì để đọc. Một sự thèm khát đọc sách báo không sao thỏa mãn được. Lúc này là một thời hoàng kim đối với những người biết kể chuyện. Các hội và câu-lạc-bộ được lập để tổ chức những cuộc nói chuyện và truyền thanh những bài thơ, những đoạn văn, những đoạn sử và các môn khác trước kia in vào giấy mà người ta còn nhớ được.

Máy thâu thanh giữ một địa vị vô cùng quan trọng trong đời sống hàng ngày. Trong thời đại này, nghệ thuật hùng biện cũng được phục hưng. Chúng tôi đi nghe các buổi diễn thuyết tổ chức ở ngoài phố, trước các chợ, trong các phòng cong cộng.

Và sau đó, một ngày kia, một nhà bác học phát minh được một thứ giấy không bị nhiễm cái bệnh đã tàn phá tất cả văn hóa của nhân loại. Thoạt đầu không ai tin tưởng, cả đến các chủ ngân hàng cũng không muốn dùng thứ giấy mới. Nhưng sau một thời gian thử thách, mọi người đều dùng. Lúc này, tất cả các nước đều vội vã xây dựng các xưởng chế tạo thứ giấy mới, vội vã như trước kia họ xây dựng các xưởng đúc khí giới bom đạn. Những máy mới chạy suốt ngày đêm, sản xuất hàng tỷ tấn giấy in cho hàng triệu người chỉ khao khát có một điều là : được đọc.

Giấy dùng để viết cũng cần nhiều một thời như giấy in. Tất cả mọi người đều muốn viết, viết, bất cứ cái gì, viết bất cứ cho ai. Thế giới chưa bao giờ có nhiều nhà văn như thế ! Rất may cho nhân loại, những nhà sách về vi phim đã được bảo tồn.

Bệnh dịch giấy có cho ta được một bài học nào không ! Không, chẳng được gì. Bây giờ chúng ta lại chìm ngập trong giấy tờ.

EERO TOLVANEN

SINH HOẠT

Bài thơ năm cũ

Cuối năm ngoái, nhà thơ Việt duy nhất đi dự Thi hội Quốc-tế Đài-Bắc là nữ sĩ Mộng Tuyết Thất tiểu-muội. Khi qua Mai viên, núi Thiên Tường thấy trên núi có tượng đồng Văn Thiên Tường và bia đá khắc bài «*Chính khí ca*» với cảnh Mai viên ở trước núi trồng toàn Bạch-Mai (có hình mầu rất đẹp tiếc rằng không làm bản kẽm được vì in ra sợ không rõ), nhà thơ Mộng Tuyết Thất tiểu muội đã xúc cảm làm bài thơ sau đây :

Dự Thi Hội Quốc Tế Đài Bắc

Quá Mai Viên núi Thiên Tường cảm tác

Mai hoa chớm điểm Thiên Tường xuân
Dễ đến Mai-viên được mấy lần
Bia đá cao nêu hồn Chính-khí
Tượng đồng rạng chói ánh Khuê-văn
Vô song phẩm tụng lời thơ nhã
Nhất phiến tâm say nét bút thần
Hái đóa tuyết sương cài mái tóc
Hương về ngan ngát ý tương quân

22-11-1973

Trân đường Hoành quán công lộ (Đài Loan)

Sau này, nhà thơ Vũ Hoàng Chương lại chuyển ra Hán thi để gởi sang Đài Bắc cho các bạn đồng du như sau :

Quá Mai viên cảm tác

Hàn mai sồ điểm Thiên Tường xuân
Du khách Mai đình nhận cựu lân
Tuấn tiếu di phong đồng tượng cốt
Bồi hồi Chính khí thạch bi văn
Vô song phẩm dĩ hoa năng ngữ
Nhất phiến tâm ưng bút nhập thần
Qui khứ mai hoa đầu thượng tháp
Do văn úc úc hồ tương quân

Nhân nói về chuyện thơ, cũng xin cáo lỗi cùng nhà thơ Minh-Đức Hoài-Trinh về bài thơ «*Ngọc Lan*» trên Bách Khoa số trước [Tân niên 404 (C*)] trang 69 có những chỗ sai lầm sau đây, mong bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho :

— Câu thứ 7 : đã in là «*phương nào*»

xin sửa là : «*tình từ phương nao*»

— Câu thứ 11 : đã in là «*cho môi thêm mầu hoa quý*»

xin sửa là : «*cho môi* thơm mùi *hoa quý*».

BÁCH KHOA

Chuyện vui năm mới nơi đầu ghế

Khi xưa, ông nghè Vân-đình đã hoài nghi : « Hồng phấn ít ai chịu làm quả phụ », trái lại ngày nay ít ra cũng có một quả phụ tài sắc cũng ưu, chịu ở lâu lâu cảnh lẻ loi hiu quạnh. Chút vì năm nay trời trở lạnh bất thường, vật giá lại gia tăng dữ dội, quả phụ đành phải mở ngôi

hàng phở để mưu sinh cho qua ngày. Nhưng lạ gì chốn chợ đời, « nhà hàng không nhớ khách », oái-căm thay « khách lại nhớ nhà hàng ». Mà khách lại đông, mỗi sáng ùn ùn kéo đến, không hẳn vì phở mà nhiều phần vì « nàng », khiến cho « nàng » phải tính dẹp bớt những sự tấn công nham nhở, bằng cách ra một vế đối :

Nạc mỡ nữa làm gì
Em nghĩ chín rồi
Đừng nói với em câu tái giá.

Câu này thật « hóc búa », vì những chữ về phở đều có hai nghĩa : nạc mỡ (nói nửa nạc nửa mỡ), chín, tái, giá.

Một tửu-đồ thi-sĩ (nghe như là ông Tú Be) đã xung phong đối :

Chua cay chi lắm thế
Tớ còn hành được
Khen là lõm tớ chuyện Tiêu-Tương.

Một ông tài xe ôm không ngại khó khăn, cũng nối điêu :

Dầu lửa đương sôi bỏng
Tớ cho xe nghỉ
Chẳng thương cho tớ máy hai thì.

Một ông chủ nhà hớt tóc, trong khi vò đầu khách, lẩn mẩn đối :

Tóc tơ đâu phải rỡn
Tớ liền kéo lại
Chớ hòng trốn tớ chuyện giao-đầu (dao, đầu).

Một ông hai thứ tóc cũng gùn-ghè :

Muối tiêu chi đáng ngại
Lão còn gân chán
Hãy vui cùng lão tát gầu dai.

Một ông tính nóng như lửa, thấy không được toại ý những muốn đập phá, may có bạn đứng ra can khéo :

Hành tỏi vừa thôi chứ
Khách hăng tiết đấy
Hãy thêm cho khách chút răm mùi

(dăm : con số mùi : rau mùi)

Một thầy lang cũng dọa nữa :

Thuốc thang chưa đỡ hả ?
Tớ còn bốc nữa
Không nghe thì tớ sẽ tiêm liều.

Một thầy bủ-nho tính ngay chuyện trăm năm :

Thịt xương tìm chốn gửi
Mổ xin tô nữa
Thử vui cùng mổ cuộc giao tranh.
(dao, chanh)

Chắc quả phụ còn nhận được nhiều câu nữa, nhưng mấy câu đơn-cử trên đây cũng đã làm cho giai nhân băn khoăn không ít.

NHÃN LANG.

Góp ý cùng nhà văn Toan-Ánh

Trên Bách Khoa số Xuân Giáp Dần ông Toan Ánh có viết một bài về « *Những phiên chợ đặc biệt trong dịp Tết* ». Một độc giả của Bách Khoa, Ô. Nguyễn Như Hoàng ở Pleiku, có nhã ý sửa sai giúp cho Bách Khoa

về một vài điểm trong bài trên vì ông Hoàng vốn quê ở một làng có phiên chợ Tết đặc biệt nói đến trong bài : làng Mỹ-Lợi. Xin thành thật cảm ơn ông Nguyễn Như Hoàng và xin trích đăng nguyên văn lá thư sau đây để góp ý cùng nhà văn Toan Ánh :

« Chợ thịt heo xã Mỹ-lợi » và «Chợ tết xã Vĩnh-mỹ » chỉ là Một, chứ không phải là Hai xã riêng biệt như ông Toan-Ánh đã viết.

« Làng Mỹ-lợi thuộc xã Vinh-mỹ, quận Vinh-lộc tỉnh Thừa-thiên. Làng Mỹ-lợi chứ không có xã Mỹ-lợi ; làng gồm có bốn thôn còn được gọi là bốn cảnh (cảnh nhất, cảnh nhì, cảnh ba và cảnh tư). Làng nằm trên một vùng đất rộng lớn, phì nhiêu, dân cư đông-đúc (trên dưới mười ngàn người) chuyên sống về nghề làm vườn, và đi biển đánh cá. Quê tôi nổi tiếng nhất là cây ăn trái, như cam, quít, dừa, trầu cau... Nói đến cau Mỹ-lợi, không ai mà không biết tiếng. Vì làng đông dân cư nên được quyền họp thành một xã : xã Vinh-mỹ (chứ không phải xã Vĩnh-mỹ), quận Vinh-lộc (chứ không phải quận Vĩnh-lộc) — Chữ Vinh-mỹ lấy hai chữ đầu của quận và làng lập thành tên xã.

« Về sự-tích của hai phiên chợ đặc biệt của cùng một làng trên đây đều đúng cả sự thực.

«Duy có điểm này; lời giải thích của các cụ trong làng : «Chợ xã Vinh-mỹ trong những đêm mồng một và mồng hai tết có người âm về họp chợ, do đó người trần phải trả chợ cho họ và kéo nhau về họp ở chợ Cồn» mà ông Toan-Ánh nghe được» ghi ra bằng giấy trắng mực đen như trên thì thực mơ-hồ, huyền-hoặc.

Xin thưa cùng ông Toan-Ánh, bô-lão làng tôi thường giải-thích cho con cháu dân làng nghe như thế này : «Thủa tổ-tiên chúng ta từ đâu trong Quảng (Quảng-Nam) đến đây (dân làng Mỹ-lợi có giọng nói bẹ be, nặng nặng khá giống tiếng nói của người dân xứ Quảng) định cư lập ấp. Tổ-tiên đã dừng chân trên cồn cát này đầu tiên (chợ Cồn này thuộc vùng Bạch-sa của thôn Tư nằm giữa xóm Bàu, xóm Chợ và trong làng). Cồn cát này cũng là bản-doanh đầu tiên của ông cha mở cuộc khai hoang lập ấp. Cho nên hằng năm, cứ mỗi độ xuân về nhằm ngày mồng một và mồng hai Tết, con dân trong làng bất kể trẻ già trai gái đều tụ họp ở đây để đón mừng chợ xuân, và cũng để tỏ lòng nhớ ơn ông bà ».

«Ngày nay những ngôi chợ xuân đó cũng còn tồn tại, cũng như chợ Gò thuộc quận Tuy-phước tỉnh Bình-định vẫn còn và chắc còn mãi trong làng quê Việt nam hiền hòa yêu dấu.»

NGUYỄN NHƯ HOÀNG

Vụ trục xuất Solzhenitsyn

Tuần qua, vụ nhà văn Nga sô Solzhenitsyn bị chính quyền Nga bắt giữ rồi trục xuất đã làm rung động dư luận thế giới. Solzhenitsyn, 56 tuổi, nhà văn được mệnh danh là «Lương tâm dân tộc Nga», là nhà văn đã dũng cảm chống đối mọi hình thức đàn áp tự do của chính quyền Cộng sản : chống độc tài, chống kiểm duyệt, chống bạo lực, chống trại tập trung... bằng chính những tác phẩm mà Ông đã liên tiếp cho xuất bản tại Nga sô hay tại các nước Tây phương từ 1961 đến nay : «*Một ngày của Ivan Denissovitch*» «*Vòng đầu*» (Vòng đầu địa ngục) «*Khu ung thư*» «*Tháng 8-1914*» «*Quần đảo Goulag*», bằng những lần công khai lên tiếng (thư gửi cho Quốc gia Đại hội các nhà văn Sô-viết kỳ 4 (1967), diễn văn dự định đọc khi lĩnh giải Nobel Văn chương 70, bài đề nghị phát giải Nobel Hòa-bình cho Sakharov (1973), những cuộc trả lời phỏng vấn các ký giả Tây phương).

Solzhenitsyn, cũng như nhà vật lý nguyên tử học Sakharov, muốn tranh đấu ngay tại đất nước mình, nên vì vậy Ông đã không chịu tới Thụy-điển lãnh giải Nobel năm 1970 vì sợ một khi rời đất Nga ông sẽ bị chính quyền Nga không cho trở lại nữa... Trên Bách-Khoa số 401, bài «Sakharov, Solzhenitsyn, cuộc vận động bất khuất» có trích câu tuyên bố của Solzhenitsyn với 2 ký giả Tây phương : «Nếu một ngày nào đó quí vị nghe người ta tuyên bố rằng tôi bị giết hay bị chết một cách bất ngờ và bí mật, thì quí vị cứ việc kết luận rằng đây là một vụ ám sát đã được sở mật vụ KGB cho phép, hoặc đã được thực hiện bởi chính bàn tay của những người thuộc cơ quan đó... Sau khi tôi chết đi... cũng chính là lúc để những tác phẩm quan trọng nhất, những tác phẩm mà mấy năm nay tôi chưa muốn cho xuất bản, được tung ra trước công luận...»

Một trong những tác phẩm quan trọng mà Ông «chưa muốn cho xuất bản», bản thảo một phần nằm trong tay một thiếu phụ Nga tên là Elisabeth Voronianskaia. Thiếu phụ này đã bị sở mật vụ KGB theo dõi, bắt giữ, rồi tra tấn cho tới khi phải chỉ dẫn nơi cất dấu bản thảo đó. Khi được trả tự do, thiếu phụ này đã treo cổ tự vẫn. Chuyện này xảy ra vào hồi cuối tháng 8/73. Ngày 6/9 Solzhenitsyn xúc động báo tin cho báo chí Tây phương biết câu chuyện bi đát kể trên. Ngày 28/12 một nhà xuất bản nhỏ, Ymca - Press, thành lập từ 1924 tại Paris, tung ra một tác phẩm bằng tiếng Nga dày 606 trang, nhan đề là «*Quần đảo Goulag*» của Solzhenitsyn. «Goulag» là Ban Tổng quản trị các trại tập trung, các trại lao công cưỡng bách tại Nga-sô, mà trong các trại này người bị giam giữ bị cắt đứt với đời sống bên ngoài như bị lưu đày trong các đảo giữa biển cả. Solzhenitsyn, trong bài tựa đã nói rõ lý do xuất bản : Tuy tác phẩm đã hoàn tất từ lâu nhưng tác giả chưa cho ấn hành được vì bổn phận đối với những người còn sống còn nặng hơn bổn phận đối với

những người đã khuất. Nhưng nay cơ quan an ninh quốc gia đã nắm giữ được bản thảo thì Ông đành phải cho xuất bản gấp vậy. Lập tức «*Quần đảo Goulag*» được dịch ra ở các nước Pháp, Huê-kỳ, Anh, Đức Thụy điển, Ý và 17 ngôn ngữ địa phương ở Liên-xô.

Sự vạch trần «kỹ nghệ lao tù» ở Liên-xô mà những nhân viên mật vụ từng kiêu hãnh rằng: «Hãy trao cho chúng tôi một con người, chúng tôi sẽ tạo thành 1 hồ-sơ» và những khách hàng của Quần đảo Goulag thường than: «Kẻ nào chưa ở trại lao công thì một ngày kia sẽ tới, nhưng kẻ nào ở đây mà ra thì không bao giờ quên được» làm cho chính quyền Brezhnev hết chịu đựng nổi. Một loạt những bài báo ở Nga-sô đã đả kích, lên án Solzhenitsyn để chuẩn bị dư luận cho cuộc bắt giữ ngày 12/2 vừa qua. Lập tức Hội Nhân-quyền quốc-tế, Thủ-tướng Thụy-điển, Chính-phủ Na-uy, báo chí và hội nhà văn nhiều nước Tây phương, Tòa-thánh Vatican, lần lượt ra tuyên ngôn kêu gọi Tổng Bí-thư Brezhnev hãy thả ngay Solzhenitsyn. Ngay đêm hôm 12/2, sau khi chồng bị bắt, bà Solzhenitsyn có trao cho ký giả Tây-phương bản «di bút» soạn sẵn của nhà văn nói rằng Ông nhất quyết không ra hầu tòa hoặc thụ án, ngoại trừ trường hợp bị còng tay giải đi, và nếu bị tòa án lên án khổ sai lần nữa, thì Ông cũng không lao tác để phục vụ cho chế độ Cộng-sản và sẵn sàng chịu chết vì theo Ông, không một tòa án thế tục nào của chế độ Cộng-sản Nga có quyền xét xử bất cứ một nhà văn Nga nào hoặc tác phẩm của họ. Ngày hôm sau chính quyền Nga-sô quyết định trục xuất tác giả «Quần đảo Goulag» và đưa sang Tây Đức. Chính phủ và Thủ tướng Tây Đức tuyên bố sẵn lòng hoan nghênh văn hào Solzhenitsyn sang đất Đức và 4 giờ 5 phút chiều 13/2, một phi cơ dân sự, chở nhà văn Nga, đã hạ cánh ở sân bay Rhine - Main thuộc tỉnh Frankfort rồi từ đây Ông đi xe hơi tới Langenbroich nơi có biệt thự nghỉ mát của nhà văn Heinrich Boll nhà văn Đức Chủ tịch Văn bút Quốc tế. Lúc trời tối xẩm, 100 ký giả chứng kiến cảnh H. Boll xúc động ôm hôn nhà văn Nga 3 lần, rồi tặng hoa và sánh vai nhau vào nhà. 15 phút sau, Solzhenitsyn một mình trở ra đứng trước máy vi âm, cười gượng, tuyên bố: «Vì những người thân còn ở lại, tôi không thể, nói cho đúng hơn, chưa thể nói với quí vị điều gì, ít nhất cũng là trong vài ngày tới. Tôi cần một thời gian để trí óc sáng suốt trở lại.»

Lúc máy bay chở nhà văn Nga hạ cánh ở Tây Đức cũng là lúc mà Đài phát thanh Mạc-tư-khoa loan tin quyết nghị của Quốc-hội Liên-xô tước quyền công dân và quốc-tịch Liên-xô của Alexander Solzhenitsyn cùng lưu đày ông khỏi đất nước vì «đương sự đã có nhiều hành vi làm phương hại đến Liên-xô và không xứng đáng là người công dân Liên-xô» nhưng nếu muốn, thân quyến của đương can cũng được phép xuất ngoại đoàn tụ với y».

Tại Mạc-tư-khoa, nhà vật lý nguyên tử học Sakharov tuyên bố là hành động này của nhà cầm quyền Nga sô là một hành động bạo lực chống lại một người đã dành tất cả những nỗ lực của mình cho quốc gia.

Mặc dầu các nhà cầm quyền Anh, Mỹ, Pháp, Thụy điển, Thụy sĩ, Hòa lan đều lên tiếng sẵn sàng đón nhận, nếu nhà văn Nga muốn lưu trú tại các nước trên đây nhưng theo nhà văn H. Boll ở Tây Đức thì Solzhenitsyn «muốn cư ngụ lâu dài tại Thụy sĩ hoặc Thụy Điển».

THU THỦY

Nước Nhật trước tòa án dư luận Á châu

(tiếp theo trang 12)

giàu, nhưng vì sẵn có thành kiến với người Nhật, người dân Á châu cho rằng «người Nhật kiêu ngạo» vì nước Nhật phú cường.

Muốn lôi cuốn người ngoại quốc người ta cần phải hiểu văn hóa nước ngoài. Người Nhật vì quá chú trọng đến lợi-khí kinh-tế đã quên yếu tố văn-hóa. Trong khi tại các quốc gia Á châu người ta thấy những Trung-tâm Văn-hóa Anh (Britis Council), Trung tâm Văn-hóa Mỹ (Cultural Center) những viện Văn-hóa Pháp (Institut Français và Alliance Française) thì người ta lại không hề thấy bóng dáng một tổ chức Văn hóa Nhật tương tự.

Những thiếu sót của Nhật đã được thấy rõ trong chuyến công du đầy sóng gió của Thủ-tướng Nhật tại 5 quốc gia Á châu vào đầu tháng 1-1974 vừa qua.

III. CHUYẾN ĐI ĐẦY SÓNG GIÓ CỦA THỦ TƯỚNG TANAKA

Muốn siết chặt dây liên lạc với các quốc gia Á châu Thủ tướng Nhật Kakuei Tanaka đã quyết định viếng thăm 5 quốc gia thuộc Tổ-chức «Hiệp hội các quốc gia Đông-Nam-Á» (ASEAN) là Thái Lan, Phi-Luật-Tân, Tân-Gia-Ba, Mã-Lai và Nam-Dương.

Cuộc viếng thăm của ông Tanaka đã là một dịp để dân chúng Thái-Lan va Nam-Dương biểu tình chống Nhật.

Tại Thái Lan số ông Tanaka đã không được may mắn. Ông đến vào hồi mà phong trào sinh viên Thái đang lúc khí thế đương hăng. Ba tháng sau khi nổi dậy lật đổ chính phủ của Thống-chế Thanom Kittikachorn, lực lượng sinh viên đang thừa thắng xông lên. Các lãnh tụ sinh viên cho rằng phong trào của họ nên lợi dụng cuộc viếng thăm của ông Tanaka để hun đúc thêm ngọn lửa cách mạng. Vì vậy khi Thủ-tướng Nhật tới, tuy có mang theo cả ái nữ là cô Makiko duyên dáng, mà vẫn bị sinh viên đả đảo. Họ đốt hình nộm của ông giữa đường phố, họ phá Trung-tâm phân phối xe Toyota, họ lôi các xe hơi Nhật ra thiêu rụi và cướp phá các cửa tiệm bán hàng Nhật.

Rất can đảm, ông Tanaka đã mời các lãnh tụ sinh viên tới sứ quán Nhật để tranh luận. Cuộc tranh luận giữa ông và sinh viên Thái rất là sôi nổi hào hứng và phần thắng lẽ dĩ nhiên về phía Tanaka vì ông là một chính-trị-gia kỳ cựu nên các lãnh-tụ sinh-viên không nắm vững được vấn đề kinh tế đành phải chịu thua (lãnh tụ sinh viên Thái là Sombat Thamrong thanyawong đang theo học ngành Thủy lâm và ít khi chịu đi «cua» vì mải tổ chức biểu tình). Nhưng ông Tanaka cũng không chiếm được thiện cảm của dân chúng Thái. Người ta đã tỏ ra phẫn nộ khi ông nhắc đến cuộc chiến tranh thế-giới thứ hai với vai trò của Nhật trong việc thi hành

chính sách Đại-Đông-Á. Ông tưởng rằng nói tới cuộc chiến tranh này thì dân Thái sẽ mến ông hơn vì hồi đó Thái-Lan là đồng minh của Nhật. Nhưng ông quên rằng các sinh viên hồi đó chưa sinh ra đời, nên đối với họ, cuộc chiến tranh và Liên-minh Thái-Nhật chỉ là một sự kiện thuộc về lịch sử hầu như không liên-hệ gì tới họ. Ngay chính ông Tanaka cũng đóng một vai trò hoàn toàn không đáng kể trong cuộc chiến này. Vì trong cuộc Trung-Nhật chiến tranh, hạ-sĩ Tanaka chỉ mới phục vụ có mấy tháng ở Mãn-châu đã bị phế thải vì lý do sức khỏe và được trả về nguyên quán.

Do đó cuộc viếng thăm Thái-Lan của ông Tanaka đã hoàn toàn thất bại. Khi rời đất Thái, trên đường lên phi trường, ông Tanaka đã phải chứng kiến cảnh trăm chiếc xe Nhật bị cháy rụi và các thương gia đang bắc thang tháo gỡ những biển quảng cáo hàng Nhật vì sợ bị sinh viên kéo tới đập phá cửa hàng.

Tại ba nước Phi-luật-tân, Mã-lai và Tân-gia-ba cuộc viếng thăm của ông Tanaka đã diễn ra một cách êm thắm hơn. Tại Phi-luật-tân, người ta đang sống trong tình trạng thiết-quân-luật nên không ai dám biểu tình. Tại Tân-gia-ba nền kinh tế cũng tương tự như kinh tế Nhật, nghĩa là cùng lệ thuộc vào nguyên liệu ở bên ngoài, nên ông Lý-Quang-Diệu và ông Tanaka tất nhiên dễ dàng thông cảm với nhau hơn.

Chặng đường cuối cùng của ông Tanaka ngược lại đã hết sức sóng gió. Chính quyền Nam-Dương đã huy động quân đội để ngăn chặn các cuộc biểu tình của sinh viên, tương tự như ở Thái Lan. Tướng Panggabean, Tổng-tư-lệnh quân đội Nam-Dương, đã cảnh cáo dân chúng là biểu tình chống ông Tanaka sẽ bị coi là một hành động phản quốc. Nhưng khi ông Tanaka tới Dinh Tổng-Thống hội đàm với Tổng Thống Suharto thì bên ngoài từng đoàn xe vận tải đã chở sinh viên cầm cờ và biểu ngữ tới phản đối. Tại đây không những sinh viên phản đối Nhật mà còn phản đối cả một số nhân vật trong chính quyền. Người ta thấy có những tấm bảng viết «Tanaka tới những tên bán nước hài lòng».

Quân đội và cảnh sát được huy động tới tăng cường việc bảo vệ dinh Tổng-Thống, không những không giải tán các đoàn biểu tình, mà lại còn vẫy tay và cười với sinh viên. Sau đó các sinh viên đẩy những xe hơi Nhật xuống sông rồi tràn vào các Công-ty xe hơi Nhật phá xe, đập kính, ném bàn ghế giường tủ ra đường. Rồi họ quay ra phá các cửa hàng của người Trung Hoa vì theo họ người Tàu chỉ là tay sai của tư-bản Nhật.

Bị kẹt trong dinh Tổng-Thống 3 ngày liền, ông Tanaka đã phải hủy bỏ mọi buổi lễ dự trù. Ông đã triệu tập các báo chí ngay trong dinh và tuyên bố rằng ông là một chính-trị-gia Nhật nên đã quá quen thuộc với các cuộc biểu tình và ông cũng cam đoan với báo chí rằng ông sẽ chỉ-thị cho các doanh nhân Nhật tuân theo

phong tục tập quán địa-phương. Một vài người đã cười gằn mà bình luận rằng từ trước tới nay người Nhật nào mà chẳng theo phong tục địa-phương, bằng chứng là họ luôn luôn hối lộ cho các chức quyền Nam-Dương. Tuy Tổng Thống Suharto không bị người ta tố cáo nhưng các cộng sự viên của ông như các tướng Humardhani và Murto po đã bị nhiều người chỉ trích đích danh. Ngay cả bà Tổng Thống Suharto cũng bị người ta gán cho cái tên tai hại là «bà 10 phần trăm» vì theo người ta đồn thì đệ-nhất phu-nhân có ảnh hưởng nhiều tới việc ký kết các hợp đồng thương mại.

Do đó các viên chức Nhật đã nhấn mạnh rằng các cuộc biểu tình này là vấn đề nội bộ của Nam-Dương nhiều hơn là một phong trào chống Nhật.

Khi cuộc viếng thăm chấm dứt ông Tanaka cùng con gái đã phải âm thầm ra đi bằng trực thăng đến thẳng phi trường từ tờ mờ sáng. Nhưng ông lại có thêm một dịp để chứng kiến cảnh 600 chiếc xe Nhật bị đập phá. Và cuộc viếng thăm này đã khiến cho 11 người Nam-Dương bị thiệt mạng khi cơ-quan công-lực đàn áp các đoàn biểu tình.

Đây là lần đầu tiên mà một nhân vật Nhật bị dân chúng phản đối dữ dội như vậy. Cách đây 7 năm người tiền nhiệm của ông Tanaka là cựu Thủ tướng Sato cũng đã thăm viếng một loạt các quốc gia Á-châu trong một bầu không khí thân hữu và cởi mở hơn. Trong vòng 7 năm khung cảnh chính trị Á châu đã thay đổi hẳn. Phản-ứng của các dân-tộc Á-châu đối với Tanaka đã nói lên sự thay đổi quy-chế của Nhật trên trường quốc-tế. Vị Thủ-tướng Nhật được đón tiếp nồng hậu khi Nhật còn đóng vai trò khiêm nhượng. Nhưng khi Nhật có được địa vị đàn anh tại Á-châu thì dân chúng của lục-địa này lại biểu tình phản đối cuộc viếng thăm của Thủ tướng Nhật. Một người tế-nhị hơn ông Tanaka có thể xoa dịu được mối bất bình của dân chúng. Nhưng vốn bản tính lỗ mãng nên ông Tanaka đã xử sự quá vụng về. Trước sự chống đối hung dữ của sinh viên Thái, ông Tanaka không những không có cử chỉ khiêm nhượng mà lại còn lớn tiếng khoe rằng sở dĩ Nhật được như ngày nay là vì «dân Nhật thông minh và cần cù làm việc hơn các dân-tộc khác». Đây là một sự thật nhưng có những lúc sự thật làm mất lòng người. Không những ông Tanaka có nết bộc trực của người nông dân mà ông lại còn có tính thô bạo nên khó thành công trong các hoạt động ngoại giao. (Ở nhà ông có tiếng là hay đánh vợ, không những vậy, ông còn xúi con rể ông nên đánh con gái ông để cho gia đạo được êm thấm !)

Tuy nhiên ông Tanaka là một người biết phục thiện. Cuộc công du đầy sóng gió vừa qua khiến ông thức tỉnh một phần nào. Vì vậy mà sau khi ông Tanaka trở lại Tokyo, người ta thấy các nhà ngoại giao Nhật đang kín đáo thăm dò các

tổ chức văn-hóa nghệ-thuật Á-châu để tìm cách phổ biến văn-hóa Nhật. Sau nhiều năm quên lãng, hình như chính phủ Nhật đang muốn hướng về những hoạt động văn hóa để bổ túc cho các hoạt động kinh tế trong toan tính lôi cuốn dư luận quần chúng Á châu.

oOo

Cuộc công du 5 quốc-gia Á châu đã là một thất bại nặng nề của ông Tanaka nhưng nó lại là một thành công rực rỡ của Nhật-bản trên trường quốc tế. Người dân Á châu không phản đối cá nhân Tanaka mà chỉ muốn chống lại địa vị thống trị của một nước Nhật đang chi phối mỗi ngày một chặt chẽ đời sống chính trị Á châu. Cách đây 7 năm người ta không dành cho Thủ tướng Sato những ác cảm là vì Nhật chỉ mới là một quốc gia phồn thịnh nhờ sự cần cù của nhân dân mình. Giờ đây người ta biểu tình phản đối ông Tanaka vì người ta thấy sự phồn thịnh của Nhật đã bắt đầu cho Nhật một địa vị quá ưu đãi, một qui chế lãnh đạo Á châu. Giữa Nhật và các nước Á châu khác vẫn có sự lệ thuộc lẫn nhau về phương diện kinh tế. Không có các quốc gia Á châu bán nguyên liệu thì kỹ nghệ Nhật sẽ bị nghẹt thở, nhưng không có Nhật mua nguyên liệu thì các quốc gia Á châu mất nguồn lợi tức chính. Nếu Nhật muốn nền kinh tế của họ hoạt động nhịp nhàng thì giờ đây là lúc cần phải xét lại cử chỉ, thái độ và chính sách đối ngoại của mình để cho sự hợp tác giữa Nhật và các quốc gia Á châu được đặt trên căn bản bình đẳng hơn. Đó là một điều mà tại Đông-Kinh người ta đang nghiên cứu sau cuộc công du đầy sóng gió của ông Tanaka.

TỪ MINH

Những hiện tượng huyền bí

(*tiếp theo trang 16*)

nhà ông thầy. Lễ vật thường gồm một nải chuối ta, một vài cây đèn sáp.

Sau khi đốt đương trầm, ông thầy cho gọi một vài trẻ em trong xóm; có thầy buộc các trẻ nầy phải là con côi, có thầy chỉ cần đứa trẻ mới 13 tuổi, và có thầy không đòi hỏi điều kiện gì cả.

Sau khi đọc một vài câu bùa phép, ông thầy hướng dẫn đứa bé nhìn vào móng tay cái của chúng hoặc nhìn vào bàn tay xòe ra của ông thầy, hoặc một miếng giấy trắng, hoặc một miếng gương soi mặt. Đứa bé sẽ nói lên những gì nó thấy trong móng tay, bàn tay, miếng gương hoặc tờ giấy đó cho mọi người nghe.

Nói một cách khác móng tay, bàn tay, tấm gương và miếng giấy ở đây được dùng như là màn ảnh máy truyền hình, nhưng chỉ có những đứa bé được dùng mới nhận thấy hình mà thôi.

Hình ảnh nhận trước tiên, qua lời đứa bé, là hình ông tổ hoặc một mình hoặc với các thủ hạ. Sau khi đứa bé cho biết đã nhận ra ông tổ rồi, ông thầy cho đứa bé mời ông tổ ăn chuối, hút thuốc v.v... Tiếp đó, ông thầy nói và đứa bé lập lại, nhờ ông tổ hoặc đi tìm bắt thủ phạm vụ đánh cắp đến để nhận diện, hoặc chỉ chỗ cất giấu vật dụng bị mất, hoặc chỉ rõ một người trốn tránh đang làm gì lúc đó... Tùy theo lời thỉnh cầu tiếp đó, đứa bé mô tả lại những gì nó nhận thấy trong móng tay, bàn tay hoặc tờ giấy.

Trường hợp xem vào móng tay cái thì thường chỉ một đứa trẻ; nhưng trường hợp xem vào bàn tay hay tờ giấy thì ông thầy thường gọi nhiều đứa bé để phối kiểm, nhứt là về sự mô tả dung mạo người mà chúng nhận thấy trong đó.

Hỏi về số phận một người mất tích, nếu đã chết, thì đứa bé cho biết ông tổ mang đến một quan tài hoặc cho hiện ra một nấm mồ, còn sống thì mô tả lại người ấy đang làm gì, ăn mặc ra sao v.v...

Hậu quả của bùa ngải : Ma lai

Ma lai, người Chàm Châu-đốc gọi là *Kăm-lai* mang một sắc thái đặc biệt thường là do những người đàn bà trọng tuổi và vì bị xóm làng khinh bỉ, oán ghét, nên không ai công khai tự nhận mình có ma lai bao giờ.

Theo tục truyền, *Kăm-lai* sở dĩ có, là do việc luyện ngải. Mục đích tiên khởi của việc luyện ngải là làm đẹp (padik sri) khiến gương mặt trông sáng hẳn lên, hấp dẫn một cách lạ lùng. Ngoài ra người đàn ông Chàm thường phải rời xóm làng đi làm ăn xa nên rất hay dan díu với phụ nữ Việt. Để đối phó với tình trạng nầy, người vợ Chàm ở nhà thường luyện ngải khiến người chồng bất lực không giao hợp được trong thời gian xa nhà, hoặc luôn luôn nhớ tới gia đình, mà không phản bội tình vợ chồng được.

Việc luyện ngải nầy đòi hỏi nhiều công phu và được thực hiện ở một địa điểm vắng vẻ, xa nhà cửa người

ở. Trong khi luyện, người đàn bà phải trút bỏ hết chăn áo và việc luyện được xem như thành khi con gà được dâng cúng (đã bị cắt cổ) lại đập cánh gáy lên được. Việc luyện ngải nầy được giữ rất kín, nhưng thỉnh thoảng cũng xảy ra trường hợp bị các thanh niên theo dõi và khám phá, lấy giấu hết chăn áo, khiến đọc bùa phép mãi chẳng đi đến đâu. Chừng đến tìm lại chăn áo mặc vào để về làng thì chẳng thấy, xóm làng đồn rùm lên, người luyện ngải xấu hổ với bà con.

Luyện được phép rồi, người đàn bà phải giữ đúng một số quy lệ và kiêng cữ như không được đi ngang dưới sào phơi chăn áo, không ăn đồ ăn thừa và nhứt là phải giữ thân thể luôn luôn sạch sẽ.

Có một số trường hợp, hoàn cảnh sống không cho phép người ta duy trì sự cữ kiêng và giữ gìn kể trên được, nhứt là trong trường hợp tuổi đã về chiều, chồng đã chết, không còn cần dùng phép giữ chồng nữa... Người ta cho là *Kăm-lai* tạo thành trong trường hợp nầy.

Do đó tại các thôn ấp Chàm Châu-đốc, lâu lâu, người ta bỗng thấy từ bên trong nhà phát lên những tiếng khóc rồi tiếp theo là một chuỗi cười điên dại, tức thì bọn con nít gọi nhau bu đông nghẹt tại ngôi nhà liên-hệ. Đó là trường hợp *Kăm-lai* nhập.

Người nhà phải đi rước thầy đến trị.

Khi thầy đến, thường trước hết ông dùng nước lạnh hoặc nước miếng thoa vòng ngón chân cái, nói là làm phép buộc, tức ngăn chặn không cho *Kăm-lai* xuất nhập. Sau đó buộc cung khai tên họ người chủ *Kăm-lai*.

Nếu chịu khai ngay thì thôi ; bằng ngược lại, ông thầy sẽ dùng roi quất liên tiếp vào mình người bị nhập, đồng thời, bà con lối xóm, nhứt là các trẻ em, nhân cơ hội, bày đủ trò hành hạ, như nhai ớt phun đỏ vào mặt người bị nhập, cho ăn phân mèo v.v...

Có trường hợp *Kăm lai* cứng đầu không chịu khai, sự hành hạ kể trên kéo dài nhiều giờ, lũ trẻ đua nhau đặt câu hỏi.

Vì mỗi xóm chỉ có một hay hai người có *Kăm-lai*, nên một số người thường kín đáo kéo đến nhà những người nầy để xem phản ứng.

Khi còn bé, tôi thường cùng các bạn đồng lứa chạy đi xem những người chủ *Kăm-lai* múa chân múa tay đỡ đòn, trong khi chính người bị nhập mới thực sự đang bị hành hạ.

Vì việc cung khai kéo dài gây xấu hổ cho gia đình họ hàng, nên con cháu người chủ *Kăm-lai* liên hệ thường đến nài nỉ ông thầy cho thả *Kăm-lai* đi.

Được hỏi lý do tại sao nhập vào người ta, *Kăm-lai*, qua lời người bị nhập, thường cho biết vì đi ngang thấy thương, hoặc trách tại sao thấy đi ngang không mời vào nhà, hoặc có bánh sao không mời ăn v.v... Chính vì những lý do nầy, mà khi thấy người có *Kăm lai* đi ngang qua, người ta thường bồng trẻ em đi chỗ khác,

còn người lớn thì sau khi tiếp chuyện, người có *Kăm-lai* vừa xây lưng đi, thì phải buông những lời mắng nhiếc thậm tệ. Người ta tin rằng những lời mắng nhiếc nầy sẽ khiến *Kăm-lai* tiếp đó không thể nhập vào họ được.

Nạn nhân *Kăm-lai* thường chỉ trong số đàn bà con gái và trẻ em. Đối với đàn ông, thì gọi là *th'mup* được xem là rất nguy hiểm cho tính mạng vì khi nhập vào rất khó trục ra như *Kăm lai*, nhưng từ trước đến nay, tôi chỉ nghe truyền miệng, chớ chưa được thấy có trường hợp *th'mup* xảy ra trên thực tế như *Kăm lai*.

Ngoài ra, tôi chưa bao giờ thấy trường hợp *Kăm lai* nhập vào đàn bà con gái người Việt mặc dầu cũng có người Việt tiếp xúc với thôn ấp Chàm.

Trái lại, một số gia đình Chàm hiện cư ngụ tại Saigon thỉnh thoảng vẫn có trường hợp *Kăm lai* nhập, khi có một người có *Kăm lai* từ quê nhà lên thăm.

Sau khi cho khai danh tánh của người chủ cùng lý do nhập, ông thầy chữa trị làm phép đuổi *Kăm lai* ra khỏi thân thể nạn nhân.

Dấu hiệu *Kăm lai* xuất đi được nhận thấy ở ngón chân nạn nhân ; hai ngón chân cái co quắp lại, hai cái chân rung động mạnh rồi êm hẳn.

Nạn nhân tỉnh lại, bàng hoàng nhìn những người bu quanh như vừa qua cơn mê ngủ, lên tiếng hỏi về những gì đã xảy ra và đi rửa mặt để tẩy sạch ớt và các đồ dơ bẩn đã bị bôi trét khi làm phép trục *Kăm-lai*.

Vì người ta thường dùng ớt để phun vào mắt người bị nhập, nhưng lại chính người chủ *Kăm lai* mới cảm thấy cay, nên người ta thường nói rằng những người chủ *Kăm lai*, lúc về già, thường bị mù.

Cũng có trường hợp *Kăm lai* giả vờ xuất nhưng vẫn lưu lại, nên sau khi ông thầy và hàng xóm ra về, nạn nhân lại trở lại than khóc cười cợt như khi mới bị nhập. Đó là trường hợp *Kăm lai* khinh thường ông thầy còn non tay. Sau đó, hoặc người ta mời ông thầy cũ hoặc mời ông thầy khác quát nạt gắt gao hơn.

Ngoài hiện tượng *Kăm lai* nhập, hành xác nạn nhân, còn có trường hợp *Kăm-lai* cắn và trường hợp nầy thông thường hơn.

Vết cắn hiện lên bầm tím như dấu răng trên bắp đùi, đầu gối. Cái cảnh tượng mấy cụ già ngồi xức dầu trên các vết bầm, miệng lầm bầm nguyền rủa con mẹ chủ *Kăm lai* là một cảnh tượng rất quen thuộc trong các thôn ấp Chàm.

Luôn luôn bị nguyền rủa, người có *Kăm lai* bị xóm làng khinh bỉ, nhưng không bao giờ họ chánh thức nhận là mình có *Kăm lai* cả.

Cũng có lời truyền khẩu cho rằng ban đêm người có *Kăm lai* xuất đầu đi ăn. Người ta tin rằng *Kăm lai* toàn ăn đồ dơ, nên nhà sàn người Chàm, tại nơi sàn nước, luôn luôn người ta bỏ miểng chai, hoặc những cành cây khô có gai. Người

ta tin *Kăm lai* sợ những vật dụng nầy, không dám lại gần.

Khi tôi còn nhỏ, sống tại thôn ấp, vào những đêm trăng mờ, tôi thường cùng một số bạn rủ nhau ẩn nấp trong xó tối, chịu đựng muỗi cắn yên lặng chờ xem *Kăm lai* đi kiếm ăn từ căn nhà có người *Kăm lai* cư ngụ.

Cuộc chờ đợi công phu và một đôi lần, tôi đã được thấy một vật chiếu sáng như những bóng đèn xanh đỏ, hoặc một đoàn đôm đốm dày dặc uốn khúc lượn mình trườn tới trong đêm đen, đi qua các sàn nhà, để rồi ùa lên mạnh đứa nào đứa nấy chạy về nhà và theo lời người lớn, đứa nào cũng đều đinh ninh rằng đó là *Kăm lai*.

Cho đến bây giờ, sau nhiều năm sống với xã hội bên ngoài, thỉnh thoảng quay về thôn ấp cũ, tôi vẫn chứng kiến hiện tượng *Kăm lai* nhập nhưnghoàn cảnh thôn ấp không còn an bình như xưa để đám trẻ ẩn núp chờ xem *Kăm lai* nữa.

Tôi đã nêu với một số bạn thuở thiếu thời của tôi còn sống trong thôn ấp theo tập tục cổ truyền, mối nghi ngờ rằng vật chiếu sáng uốn khúc được nhận thấy ngày xưa phải chăng chỉ là con rắn? thôn ấp Chàm nằm ven sông và mùa nước nổi, rắn theo lục bình rau muống từ miệt Biển hồ trôi giạt về rất nhiều.

Nghi vấn của tôi được tiếp nhận với một thái độ lãnh đạm hoàn toàn Mọi người vẫn tin rằng đó là *Kăm lai*.

Khi người có *Kăm lai* chết, *Kăm lai* thường ở lại với người con hoặc cháu nào lúc sanh thời được thương yêu nhứt. Chính trong trường hợp mất chủ nầy *Kăm lai* không còn được nuôi dưỡng không còn được cho ăn, dâmra nhập vào người khác rất thường, hết mượn danh, người này lại mượn tên người khác và chỉ có ông thầy cao tay ấn mới có thể xác định người chủ thật sự của nó là ai.

oOo

Tôi viết những sự kiện kể trên với tất cả những băn khoăn của một người chưa đi hết đoạn đường dự tính, bởi lẽ theo nhãn quan từ bên ngoài, một vài sự kiện được ghi nhận, có thể được tô lên bằng một thứ màu sắc hoang đường. Do đó, công việc còn lại là công việc phân tích và tìm ra những ý nghĩa thích hợp, một việc mà hiện tôi chưa có đủ kiến thức chuyên môn để làm.

Tôi đã say mê đọc Claude Levi Strauss, Roger Bastide, F. Boas, E. Malinowski... qua những công trình nghiên cứu khung cảnh xã hội châu Mỹ, châu Phi... với những khám phá vô cùng quý báu cho nhân chủng học, cho công cuộc tìm hiểu một số tập tục địa phương. Nhưng tôi vẫn cảm thấy xa cách và mong nhiều hơn ở những Lévi Strauss, Bastide... Việt Nam để giúp soi sáng khung cảnh sống Chàm cổ truyền để được gần với sự cảm thông hơn.

DOHAMIDE

— Phát hành ngày 28-02-1974 — Số lượng 3000.
Giấy phép KD số 102/74 PTUDV/KSALP/GP ngày 26-2-1974.


CAPSTAN điếu dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ
CAPSTAN
Nếu Quí vị thích
hương-vị hảo-hạng
của
CAPSTAN
Quí vị sẽ rất hài lòng khi hút
CAPSTAN điếu dài đầu lọc